

# Truyện Cổ Phật Giáo

**hiều tác giả**

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuguan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

# Mục lục

VUI TRONG ĐAU KHỔ

HOA SEN TRONG NGƯỜI

VUA A DỤC TRỞ VỀ VỚI PHẬT GIÁO

CON CHÓ ĐÓI

CÔNG CHÚA NHẬT QUANG

ĐỨC PHẬT VỚI CON VOI DỮ

NĂM GIỌT MẬT

NAI HIỀN

MỘT LÒNG VÌ ĐẠO

LÒNG HIẾU CỦA CHIM ANH VŨ

TRỌNG PHÁP

CÔNG ĐỨC TRÌ GIỚI

Máu Sanh Linh Không Rửa Sạch Tội Lỗi Của Người

NHẬN LẦM CON

NAN ĐÀ TÔN GIẢ

PHƯỚC BÁO CỦA SỰ BẢO VỆ SANH LINH

MỤT GHẺ NÓI TIẾNG NGƯỜI

QUỶ LA SÁT

CÂY ĐÈN KỶ LA

TÌNH THƯƠNG

ĐÂU LÀ SỰ THẬT

NHÂN NÀO QUẢ NẤY

HOÀNG HẬU VI ĐỀ VỚI PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

NGƯỜI MÙ RỜ VOI

CÔNG ĐỨC SÁM HỐI

HOÀNG TỬ HIẾU THẢO

XÁ TỊNH KỶ HOÀN

LÒNG NGƯỠNG MỘ PHẬT PHÁP CỦA VUA A DỤC  
TÌNH THƯƠNG VÀ THÙ HẬN  
GUƠNG BỐ THÍ  
MỘT CÂU ĐÁNG GIÁ NGHÌN VÀNG  
CẶP MẮT THÁI TỬ CÂU NA LA  
ĐÂU LÀ NGUỒN HẠNH PHÚC  
CỨU VẬT VẬT TRẢ ON CỨU NHÂN NHÂN TRẢ OÁN  
TÌNH GIẤC MƠ HOA  
CÔNG CHÚA THUẦN NHẪN  
NGƯỜI HỌC TRÒ BỊ THẦY GẠT ĐƯỢC PHẬT ĐỘ  
CON ĐAO TRONG TÂM  
PHƯỚC BÁO HIỆN TIỀN  
VÀNG HAY RẰN  
KẸ BỎN XẼN BỊ PHẠT  
TIẾNG ĐÀN HAY LÒNG THƯƠNG  
XÂU NGỌC NƯỚC

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**VUI TRONG ĐAU KHỔ**

Tác giả: Hồng mai

Một hôm, Đức Phật cùng đệ tử vào thuyết pháp trong thành La Duyệt Kỳ, lúc ra về gặp chành thanh niên đang lừa một bầy bò vừa ăn no, chúng nhảy vọt vào húc nhau. Thấy vậy, Đức Phật nói mấy bài tụng sau đây:

*"Người đi chăn đưa roi chăn, lừa bầy bò; Cũng như thế già chết chăn nuôi và lừa kéo sinh mạng đi mà nào ai có biết!*

Xưa nay, hàng trăm hàng ngàn người chứ không phải một, chứa chất của cải cho lắm, cung dưỡng thân thể cho nhiều, nhưng rồi không ai khỏi điều tàn chết chóc.

Sống nghĩa là ngày đêm sinh mạng bị công kích, bị tước dần, cho nên sự sống bị tiêu mòn đi in như bờ đất bị nước soi lở".

Lúc về Tịnh xá, tôn giả A Nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vừa rồi trên đường về Đức Phật có nói ba bài tụng nhưng chúng con không hiểu hết ý nghĩa, xin Thế Tôn từ bi chỉ giáo cho.

- A Nan! Trên đường về vừa rồi ông có thấy người lừa bầy bò không?

- Bạch có.

- Người ấy là người thợ thịt. Bò của anh ta có đến ba ngàn con, cứ ngày lừa ra ngoài thành tìm nơi cỏ tốt cho ăn rồi lựa con nào to béo thì làm thịt để bán. Giết hơn một nửa rồi mà bầy bò ấy không con nào biết số phận của mình ra sao cả. Chúng vẫn thản nhiên vui vẻ, húc nhau, nhảy vọt, kêu rống, ăn chơi... Ta cảm thương chúng nó nên mới nói mấy bài tụng vừa rồi.

Nhưng A Nan này! Có phải riêng chỉ người chăn bò và bầy bò ấy mới như thế đâu, nhân loại cũng có lắm người vui mình trong hoàn cảnh tương tự như thế. Họ chấp trước "Bản Ngã", không biết bản ngã chỉ là sự chuyển biến liên tiếp, vì thế, họ tham lam dục lạc cung dưỡng thân xác, rồi sung sướng khoái chí họ sát hại lẫn nhau, húc chết sự sống của nhau mà không biết là mình đang húc nhau với cái chết! Trong khi đó, bên cạnh sự sống, vô thường chết chóc lạnh lẽo tiến đến, thế mà họ vẫn ngang nhiên không hay

không biết, có khác gì bầy bò kia?

Phật dạy như thế, trong số được nghe có những người xưa nay cung dưỡng thân thể quá đáng liền tình ngộ, tự cố gắng khuyến khích mình sống theo sự thật. Nhờ thế, nên không bao lâu họ đều chứng

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**HOA SEN TRONG NGƯỜI**  
tác giả :Thiện Châu

*Không có giai cấp khi trong máu người cùng đỏ.  
Không có giai cấp khi trong nước mắt người cùng mặn.*

Mai hôm ấy, kinh thành Xá Vệ rộn rịp trong cảnh phố phường buổi sáng. Trên các đường lớn ngựa xe tấp nập; từng đoàn người qua lại trong những bộ áo màu sắc sỡ. Các cửa hàng đông nghẹt những người mua. Tiếng guốc giày của những người quý phái liên tiếp vang lên tạo thành những âm thanh ồn ào náo nhiệt. Nhưng đi sâu vào các đường hẻm thì những cảnh sống hình như vui tươi, giàu mạnh của số đông người trong hai giai cấp Sát Đế Lợi và Bà La Môn ấy không còn nữa, mà những cảnh bần cùng, đen tối của hai hạng người Tỳ Xá và Chiên Đà La hiện ra quá rõ rệt: những chiếc nhà lá thấp lè tè, chật hẹp, đóng cửa từ sáng sớm... Những đứa trẻ đang đùa giỡn chọc ghẹo nhau trên vệ đường. Những người tàn tật nghèo khổ lủ lợt đi từ nhà này sang nhà nọ xin nhờ sự bố thí một cách khó khăn...

Như lệ thường, sáng nay Đức Thế Tôn vào thành để giáo hóa. Bình đẳng, không phân biệt nghèo, giàu, sang, hèn; Ngài đi hết phố này đến xóm khác. Ni Đề, một thanh niên thuộc giai cấp Chiên Đà La, giai cấp thấp nhất ở Ấn Độ, đang gánh một gánh phân chạy lon bon trên con đường xóm, thấy Đức Phật, chàng bối rối, sợ sệt, vội rẽ qua đường khác và tự thanh trách; chàng nghĩ rằng mình đã sinh vào nơi thấp kém mà còn phải làm những việc đê hèn như thế này nữa, thật là vô phước quá, đồng là người thì tại sao người ta lại đình nhau trong cuộc sống? Tuy rẽ qua đường khác nhưng đôi mắt chàng vẫn đắm đắm hướng về hình ảnh trang nghiêm; sáng rực hào quang của Đức Phật. Một sự ước ao trào dậy trong lòng chàng: Ôi! Biết bao giờ ta được trực tiếp gặp Đức sáng suốt kia. Càng nhìn lòng chàng càng cảm mộ. Tuy chưa gặp Đức Phật lần nào, song đức hạnh hoàn toàn của Ngài, chàng được nghe nhiều người kể lại.

Hiếu tâm niệm Ni Đề qua những cử chỉ rụt rè và đôi mắt đăm chiêu, Đức Phật bước nhanh về phía Ni Đề. Thấy Phật đến, Ni Đề hoảng hốt: Vì tự thấy mình nhớt nhúa không đáng gần Phật, phần sợ người bắt tội nên chàng nhanh chân lẩn tránh.

- Con ôi! Như Lai đến với con đây! Sao con lại tránh? Đức Phật ở xa nói lại với một giọng trong thanh, êm ái.

Để đôi thùng xuống, run rẩy Ni Đề quỳ thưa:

- Bạch Ngài con không dám... Có điều chi dạy bảo xin Ngài ban cho, xin Ngài đừng đến gần con...

Đức Phật bước thêm và đến sát Ni Đề. Ni Đề cúi xuống và sắc mặt biến xanh, ra vẻ sợ sệt lắm. Nở một nụ cười chan chứa tình thương Đức Phật nói:

- Con ơi! Không ai có quyền bắt tội con đâu, vì chính Như Lai đến với con, chứ không phải con đến với Như Lai. Hơn nữa Như Lai nay không phải là người trong giai cấp vua chúa như Thái tử Tất Đạt Đa ngày xưa, mà là người của tất cả chúng sanh, nhất là hạng người đau khổ như con. Như Lai muốn nói với con một vài câu chuyện... Nghe qua những lời nói dịu hiền và có lý của Đức Phật, Ni Đề bớt lo sợ và nhìn Đức Phật một cách kính mến, chàng thưa:

- Chẳng hay Đức Thế Tôn vẫn đoái hoài đến người cùng khổ này sao? Và con đây cũng được Như Lai dạy bảo và được thật hành theo đạo của Như Lai nữa sao?

Một cách nghiêm nghị Đức Phật hỏi: Ai đã làm cho các con thắc mắc những điều ấy?

- Bạch Thế Tôn: những đạo sĩ Bà La Môn thường nói chỉ có giai cấp họ và người trong dòng Sát Đế Lợi mới có quyền thờ kính Hiền Thánh và có quyền giao thiệp với người đồng giai cấp, chứ bọn con thuộc dòng hạ tiện không có phép làm những việc của họ làm và phải trọn đời phục dịch họ...

Ni Đề muốn nói nhiều nữa song Đức Phật ngắt lời và hỏi:

- Vậy con không biết Như Lai ra đời để cứu khổ cho chúng sanh bằng cách phá tan những sự mê tín dị đoan, ý lại thần quyền và đưa chúng sanh đến cuộc sống bình đẳng và an vui sao?

Thôi, giờ đây, con có muốn sống một đời sống tươi đẹp và rộng rãi không?  
Và con muốn sống gần Như Lai không?

Sung sướng muốn chảy nước mắt, Ni Đề đáp: - Đó là điều mà con tưởng không bao giờ thực hiện được; nếu được Như Lai cứu độ thì đó là một phước lành của con vậy.

Dịu dàng Đức Phật cầm tay Ni Đề dắt đến bờ sông gần đấy... Tắm rửa xong, Ni Đề theo Đức Phật trở về Tịnh xá Kỳ Hoàn được Phật và Giáo Hội thân nạp cho là Tỳ kheo, qua một thời gian tinh tấn tu luyện vị Tỳ kheo mới nhập đạo này đắc quả Tu Đà Hoàn rồi lần chứng quả A La Hán.

Bấy lâu Ba Tư Nặc vương bất bình và không hiểu tại sao Đức Phật là người của dòng hào thế Thích Ca mà lại độ đệ tử phần nhiều là những người ở hai giai cấp dưới. Nay lại được nghe Đức Phật vừa độ cho Ni Đề, ông càng bất bình hơn nữa. "Đánh lễ - ai chứ ta không đánh lễ anh chàng Ni Đề được...!". Ba Tư Nặc vương lẩm bẩm như vậy. Càng nghĩ càng tức giận, Ba Tư Nặc vương liền cùng với các vị cận thần đi đến Tịnh xá Kỳ Hoàn để xin Phật dừng độ cho Ni Đề là Tỳ kheo và từ rày về sau đừng cho những người thuộc cấp hạ tiện (theo quan niệm của ông và những người trong hai giai cấp trên) xuất gia.

Vừa đến tam quan Tịnh xá Kỳ Hoàn, thấy một vị Tỳ kheo đang ngồi trên một hòn đá lớn khô vá chiếc áo cũ, Ba Tư Nặc vương liền đến nhờ vị Tỳ kheo ấy vào bạch Phật xin cho ông yết kiến. Nhận lời, vị Tỳ kheo liền xuyên qua hòn đá và ẩn mình đâu mất, làm cho Ba Tư Nặc vương và các cận thần hoảng sợ nhưng vô cùng khâm phục!

Một lát sau, cũng từ hòn đá ấy hiện ra, vị Tỳ kheo khi nãy trả lời cho Ba Tư Nặc vương:

- Đại vương cứ vào, Đức Thế Tôn đã hứa cho.

Ba Tư Nặc vương bái chào rồi đi ngay vào tịnh xá.

Đánh lễ Đức Phật xong, Ba Tư Nặc vương liền hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Thầy Tỳ kheo vừa xin cho con vào yết kiến là ai và tên là gì mà có thần thông quảng đại như vậy? Thầy đã xuyên qua đá cứng một cách nhẹ nhàng, tự tại...

- Đại vương! Ấy là Ni Đề, người gánh phân ở thành Xá Vệ mà ta đã độ



cách đây hơn một tháng, nay đã chứng quả A La Hán nên đã có những thần lực như vậy.

Thấy Ba Tư Nặc vương im lặng và ra chiều suy nghĩ, Đức Phật ôn tồn nói thêm:

- Nay Đại vương! Trong đất bùn nhơ nhớp nở lên những cánh sen đầy hương thơm tinh khiết. Đại vương có thích và có ưa hái không?

- Bạch Thế Tôn! nếu là hoa đẹp hương thơm thì không ai không quý và không muốn hái để ngắm nghía và trang hoàng cả.

- Đại vương! Cũng vậy tuy là người ở trong các giai cấp dưới (ấy là do con người phân chia), nhưng nhờ sự trau dồi đức hạnh, rèn luyện trí tuệ mà trở thành Thánh Hiền thì người trí tuệ có nên cung kính cúng dường không?

- Bạch Thế Tôn! Đã là Thánh Hiền thì rất đáng cho phàm phu chúng con cung kính cúng dường lắm!

- Lành thay! Đại vương quả là người sáng suốt biết quý trọng "giá trị chân thật" của con người.

Mặt trời làm tan mây mù ra sao thì những lời của Đức Phật cũng làm tan những ý niệm khinh rẻ chán ghét Ni Đề và các người trong hai giai cấp dưới của Ba Tư Nặc vương thế ấy... Bắt đầu từ đó ông vô cùng kính phục tài năng và đức hạnh của Ni Đề, vị Tỳ kheo mà ông đã gặp ở tam quan.

Ba Tư Nặc vương lại xin Phật cho thỉnh A La Hán Ni Đề ngày mai vào nội thành để giáo hóa cho hoàng tộc và nhân dân và cũng để ông cúng dường luôn thể. Phật hứa cho, Ba Tư Nặc và các vị cận thần đánh lễ và trở ra tam quan để trực tiếp cung thỉnh vị A La Hán thần thông tự tại khi này.

Được vị A La Hán này chấp nhận, Ba Tư Nặc vương vô cùng sung sướng. Trên đường về ông không ngớt tán thán Đức Phật, đáng hiện thân của bình đẳng và Giáo Hội của Ngài là một đoàn thể đầy đủ tài năng và đức độ.

**nhieu tác giả**

Truyện Cổ Phật Giáo

## **VUA A DỤC TRỞ VỀ VỚI PHẬT GIÁO**

Tác giả: Thiện Dụng

Lúc Đức Phật còn tại thế, Ngài đã đem Chánh pháp phú chúc cho các vị quốc vương và đại thần, để sự truyền bá Phật pháp mau phổ biến.

Từ ngày Đức Phật diệt độ, nếu quan sát trong lịch sử Phật giáo, thì thấy có hai vị quốc vương thật hết lòng lo hộ trì Phật pháp. Tại xứ Ấn Độ, thì có vua A Dục. Ở Trung Hoa thì có đến mười ông vua có nhiệt tâm với đạo, nhưng chỉ có ông Lương Võ Đế hết lòng vì đạo hơn cả.

Nay xin thuật sơ lịch sử của vua A Dục:

Nguyên vua A Dục là dòng dõi của A Xà Thế vương, thân phụ của Ngài tên là Tần Đầu Sa, thân mẫu thuộc phái Bà La Môn.

Khi Ngài còn nhỏ thì thân thể rất thô kệch xấu xa, nên vua cha chẳng thương yêu. Đến lúc Ngài thành nhân, thì oai võng hơn người và võ nghệ xuất chúng.

Sau nhân có việc nội loạn tại thành Hưu Thị La, vua cha mới sai Ngài đi chinh phục. Khi đâu đó được bình yên, vua cha thấy Ngài có công lao nên phong làm Thái tử.

Cách ít lâu, vua Tần Đầu Sa thăng hà, thì Ngài kế vị, song tánh rất bạo tàn vô đạo, đến nỗi giết hết mất trăm người tôi đại thần và kẻ thân thuộc.

Mùa xuân năm ấy... trăm hoa đua nở, cảnh vật vui tươi, Ngài mới dẫn bọn cung nữ đi dạo khắp vườn hoa mà thưởng ngoạn. Khi ra ngắm cảnh vườn xuân, bọn cung nữ chỉ lo chơi giỡn và trầm trồ khen ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, chớ chẳng quây quần bên Ngài như lúc ở tại nội điện. Vua nổi giận, truyền bắt giết tất cả, rồi tức thì trở về cung, chớ không đi thưởng ngoạn nữa. Lúc ấy, toàn dân trong nước đều ta thán cho Ngài là một ông vua đại gian ác.

Đã vậy mà Ngài còn lập ra một chỗ gọi là: "Địa ngục ở trần gian", đặt tên là vườn "Ái lạc" ngoài thì sắp đặt cực kỳ tốt đẹp, nào là ao sen non bộ, cỏ quý hoa thơm, cũng như công viên, để cho nhân dân mặc tình đến đó mà

thường thức giải trí...

Nhưng trong, thì có non đao rừng kiếm, lò lửa vạt dầu, và đủ các món khí cụ để hành hình người một cách ghê gớm.

Hễ người nào vào trong vườn Ái lạc đó, thì ngục tốt bắt giam, rồi cứ hành hình. Còn những thế nữ ở trong cung mà cãi cọ xung đột với nhau, thì bắt đem vào cho chủ ngục phân xử. Thiệt là một cái thảm trạng thống khổ của nhân gian không kể xiết. Khi ấy có một vị Tỳ kheo, nhân đi khất thực nơi thành Hoa Thị, vì chẳng thông thuộc đường xá nên lạc vào vườn "Ái lạc", nhìn thấy cảnh tượng bên ngoài thì tốt đẹp lạ lùng, còn phía trong quả là một chốn địa ngục.

Thầy Tỳ kheo hoảng kinh, toan kiếm đường trở ra, ai ngờ bị ngục tốt đón bắt lại. Thầy hết sức yêu cầu mà bọn ấy không dung thứ, nên thầy bèn khóc òa.

Chủ ngục thấy vậy liền hỏi: Thầy là người tu hành, sao mà sợ chết đến nỗi khóc như con nít vậy?

Thầy Tỳ kheo đáp:

- Tôi chẳng phải sợ chết mà khóc, vì sợ mất sự lợi ích cả một đời người của tôi, nên mới ai bi như thế?

- Sự lợi ích làm sao, Thầy bày tỏ cho tôi nghe thử?

- Số là tôi mới xuất gia, chưa chứng đặng đạo quả. Tôi nghĩ lại thân người khó đặng, Phật pháp khó gặp, nay rủi sa vào chỗ ác địa này, thế nào cũng phải hủy mạng, thì còn đâu mà tu học nữa nên tôi mới khóc, chứ tôi đâu có sợ chết.

Thầy Tỳ kheo nói rồi, mới khẩn cầu với chủ ngục xin dung thứ cho Thầy sống sót trong bảy ngày, rồi sẽ hành hình chẳng muộn.

Chủ ngục thấy người tu, thì cũng động tâm, nên y theo lời của Thầy xin mà đình lại bảy ngày mới toan hạ thủ.

Ngày đầu, thầy Tỳ kheo nhìn thấy cách hành phạt rất độc ác, nào là người phụ nữ thân hình tốt đẹp mà bị bỏ vào cối quết người thì xương tan thịt nát, xem rất ghê sợ; nào là bọn ca nhi nhan sắc tuyệt vời mà cũng bị quăng vào lò lửa, đưa thì rút tay co cổ, đưa thì há miệng nhả răng.

Thầy Tỳ kheo thấy cảnh tượng ấy thì sanh lòng nhàm chán, mới nhớ lời

Phật dạy rằng: "Sắc lịch diệu dàng dường như bọt nhóm, dung y đẹp dễ mà dâu còn hoài". Nhờ chỗ dẫn chứng lời của Phật dạy đó mà Thầy tỏ ngộ, dứt hết các điều tạp nhiễm, liền chứng đặng quả A La Há.

Đến ngày thứ tám, ngục tốt bèn bắt Thầy đem bỏ vào chảo dầu, rồi chắt củi mà đốt. Song khi lửa hạ và củi thành tro mà dầu trong chảo vẫn tự nhiên không nóng.

Chủ ngục thấy vậy nổi giận, đánh đập bọn ngục tốt, rồi hối đem củi cho nhiều và chụm thêm vào mãi mãi, nhưng đến khi xem lại trong chảo dầu thì thấy Thần Tỳ kheo ngồi kiết già trên hoa sen, xem bộ tự nhiên chẳng hề lay động chút nào cả. Chủ ngục hoảng kinh, lật đật đến tâu tự sự cho vua A Dục rõ.

Vua tách nóng như lửa, khi nghe tin ấy liền tức tốc đi thẳng đến vườn Ái lạc.

Vua vào đến nơi, thì thấy Thầy Tỳ kheo hiện thân lên hư không, biên đủ 18 phép thần thông, trên mình thì nước tràn lênh láng, phía dưới thì lửa cháy rần rần, thí như một hòn núi lớn ở giữa không gian vậy.

Vua A Dục đứng nhìn sửng sốt một hồi, rồi tự nghĩ: "Mình với Thầy Tỳ kheo này cũng đồng là loài người, cứ sao Thầy lại đặng phép thần thông tự tại như thế, còn mình thì lo việc sát hại nhân dân, làm việc đại ác!".

Vua nghĩ như thế nên vội vàng quỳ xuống bạch với vị Tỳ kheo ấy rằng: "Ngửa mong Thánh giả chiếu cố đến tôi, xin hạ xuống nơi đây, tôi nguyện từ rày về sau bỏ dữ làm lành mà quy với Ngài".

Thầy Tỳ kheo đáp:

- "Hay thay! Hay thay! Nay đại vương đã tự hối mà quy đầu Tam bảo, thì sẽ đặng phước đức vô cùng và hân hạnh cho dân chúng biết bao".

Thầy Tỳ kheo nói xong, liền dùng thần lực của mình mà trở về tịnh xá.

Khi vua A Dục đã quy y theo Phật rồi, thì trong lòng hân hoan vô cùng, định sửa soạn trở về cung. Bỗng người chủ ngục đến tâu: "Khi Đại vương lập ra cảnh "Nhân gian địa ngục" này, có ra lệnh hễ ai vào đây thì không cho ra. Tôi đã thọ mạng rồi, nên không dám cãi. Còn Đại vương là bực thiên tử cũng phải nhất ngôn mới được".

Nghe chủ ngục nói như thế, vua A Dục mới hỏi: "Cứ theo lời của nhà

người nói đó, thì bây giờ nhà người muốn giết ta hay sao?".

Chủ ngục đáp: "Quả như lời của Đại Vương đó, thì mới đúng với quân lệnh".

Vua A Dục liền hỏi lại chủ ngục: "Vậy khi ban sơ tạo vườn Ái lạc này, nhà người với quả nhân ai vào đây trước?".

Chủ ngục thưa: "Tâu Đại vương! Tôi vào đây trước".

Vua nghe đáp như vậy, tức thì truyền cho ngục tốt áp lại bắt chủ ngục bỏ vào chảo dầu, đồng thời ra lệnh phóng hỏa đốt hết cả vườn Ái lạc.

Từ đấy về sau, vua bỏ hẳn các điều dữ mà làm những việc lành, và tâm tánh hết sức từ bi nên kể thời nhưn đồng ca tụng là Đạt Ma A Dục Vương (ông vua hiền lành).

Sau lại nhờ đức Ưu Ba Cúc Đa (Tổ thứ tư) giáo hóa thêm, nên vua càng tín ngưỡng Phật pháp hơn nữa, chính vua đã phái 256 vị Cao tăng đi khắp trong xứ để truyền bá Phật giáo...

**nhieu tác giả**

Truyện Cổ Phật Giáo

**CON CHÓ ĐÓI**

Tác giả: Hoàng Minh

Thuở Đức Phật còn tại thế, có một ông vua rất hung ác, nghe Phật đến thuyết pháp trong nước mình, ông liền ngự giá đến chỗ Phật ở và xin Ngài kể một câu chuyện gì đã vui lại hữu ích nữa.

Đức Phật liền kể chuyện con "Con Chó Đói" như sau:

"Thuở xưa, có một vị quốc vương rất bạo ngược, hà khắc với dân lành, nhân dân đều oán trách. Ông Đế Thích thấy vậy liền hiện xuống trần dắt theo một con quỷ rất dữ. Ông Đế Thích hóa mình thành một người thợ săn, còn con quỷ thì biến thành một con chó cao lớn.

Người thợ săn dẫn con chó vào cung của vị quốc vương để yết kiến. Bỗng con chó vùng tru lên dữ dội, làm cho lâu đài cung điện đều rung rinh... Vị quốc vương thất kinh, liền đòi người thợ săn đến trước ngai vàng mà hỏi rằng:

- "Gã kia, vì có gì mà con chó tru lên dữ vậy?".

Người thợ săn thưa:

- Tâu Bệ hạ, vì đói nên nó tru.

Vị quốc vương liền ra lệnh đem cơm cho chó ăn. Nhưng một điều không ngờ là đem bao nhiêu thì con chó ăn hết bấy nhiêu, tất cả thực vật trong kho đã hết sạch mà nó vẫn chưa no, nên nó càng tru lên dữ dội hơn nữa, mà ác hại thay, mỗi lần nó tru thì cung điện đền đài của quốc vương lung lay hình như muốn sụp đổ...

Vị quốc vương không biết tính thế nào, mới hỏi người thợ săn:

- Lấy cái gì cho nó ăn để nó nín?

Người thợ săn đáp:

- Tâu Bệ hạ, lấy thịt của người nó ghét cho nó ăn nó hết tru.

Quốc vương hỏi:

- Nó ghét kẻ nào?

Người thợ săn tâu:

- Nó ghét những kẻ bất công hãm hại dân nghèo. Ngày nào trong nước không có dân đói khó nữa, ngày đó nó mới nín...

Vị quốc vương liền nhớ tới những việc ác của mình làm thì hết sức hối hận, từ đó mới ăn năn chừa cải, chịu nghe những lời công bình chánh trực".

Đức Phật kể dứt câu chuyện này thì mặt vua tái ngắt.

Đức Phật dịu dàng dặn với nhà vua rằng: "Ngày nào bệ hạ nghe tiếng chó tru thì bệ hạ hãy nhớ đến câu chuyện ta kể. Bệ hạ có thể làm cho con chó nín được".

**nhiều tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**CÔNG CHÚA NHẬT QUANG**

*Sống gì hơn sống làm lành*

*Cho bao nhiêu của để dành bấy nhiêu*

Công chúa Nhật Quang là con thứ hai của vua Ba Tư Nặc nước Xá Vệ. Công chúa rất đẹp, một vẻ đẹp thùy mị hơn hẳn các thiếu nữ đương thời ở nước Xá Vệ; Công chúa lại rất thông minh học đâu nhớ đấy. Không những công chúa sắc sảo về môn nữ công mà còn tinh thông các triết lý học thuật; đức hạnh công chúa cũng quán chúng, tuy sanh trong giai cấp vua chúa cao sang, nhưng vẫn giữ thái độ khiêm tốn nhã nhặn, nhất là đối với hạng nghèo khổ tật nguyền, công chúa thành thật yêu mến và luôn luôn tìm cách giúp đỡ. Vì thế nên công chúa được rất nhiều người kính trọng. Người nào đã hân hạnh gặp công chúa một lần, họ sẽ nhớ mãi nụ cười hiền hòa và lời nói thanh tao của công chúa. Đối với cha mẹ, công chúa thật là người con hiếu hạnh, nàng hầu hạ vua và hoàng hậu hết sức chu đáo, và không bao giờ nói một lời hay làm một việc trái ý vua và hoàng hậu.

Ba Tư Nặc vương được một người con xứng đáng như vậy, vua rất cưng quý, có thể nói công chúa Nhật Quang là viên ngọc vô giá của vua nước Xá Vệ. Những cuộc quan sơn ngoạn thủy của vua, công chúa đều được tham dự, mỗi khi quốc sự rảnh rang, nhà vua thường đòi công chúa đến hầu chuyện, hỏi những vấn đề thắc mắc công chúa đều trả lời trôi chảy, nhà vua rất đẹp dạ.

Một buổi chiều nhà vua đang dùng trà tại vườn ngự uyển, có công chúa đứng bên cạnh, nhà vua nhìn con rồi vui miệng phán rằng: "Khắp nước Xá Vệ này không ai được hạnh phúc bằng con, đời con được như thế thật là hoàn toàn nhờ sức của cha mẹ tác thành vậy".

Công chúa Nhật Quang thành thật trả lời: "Tâu phụ vương, công ơn sanh dưỡng của Phụ hoàng và Mẫu hậu như trời bể con không hề dám quên. Nhưng đời con được hạnh phúc như thế này, con thiết tưởng cũng có ảnh hưởng của cha mẹ một phần nào, nhưng phần lớn nhờ kiếp trước con đã tu



nhân tích đức nhiều vậy".

Câu nói của công chúa không ngờ đã chạm lòng tự ái của vua Ba Tư Nặc quá mạnh, vua liền đứng dậy, lặng lẽ trở vào cung.

Đêm hôm ấy, nhà vua không hề chợp mắt, suy nghĩ mãi lời nói của công chúa, và vua rất bức tức, đũa con yêu và ngoan ngoãn của mình chưa bao giờ trái ý mình dù là một cử chỉ nhỏ nhất, hôm nay lại xúc phạm đến lòng tự ái của mình, có thể nói là không thừa nhận một lý thuyết (nghĩa là hạnh phúc của con hoàn toàn do cha mẹ tác thành) mà ông cho là muôn đời bất biến và ai cũng phải công nhận.

Muốn bảo thủ thành kiến của mình, nên mới sáng tinh sương, Ba Tư Nặc vương liền đòi viên cận thần thân tín báo rằng: ta cần một thanh niên trạc tuổi công chúa Nhật Quang mà hiện sống trong một cảnh nghèo hèn, cơm không có ăn, áo không đủ mặc, người phải tìm cho ra một người có đủ điều kiện ấy, dẫn về đây cho ta.

Ba ngày sau, viên cận thần dẫn về một thanh niên hành khất, mặt mũi khôi ngô, nhưng trong người chỉ mặc vón vện một chiếc khố rách đến yết kiến vua Ba Tư Nặc. Vua rất mừng ban thưởng viên cận thần xong, quay lại hỏi thân thế thanh niên hành khất rồi bảo rằng: Ta thấy người nghèo khổ, chưa có gia thất, nay ta đem công chúa Nhật Quang gả cho người, người được quyền dẫn công chúa đi đâu tùy người.

Thanh niên nghèo khổ kia không biết trả lời ra sao chỉ cúi đầu vâng lệnh.

Vua lại kêu công chúa Nhật Quang đến phán rằng: hôm kia con đã nói: "Hạnh phúc của con hiện tại phần lớn là do con đã tu nhân tích đức ngày trước. Nay ta muốn thí nghiệm lời ấy, nên ta đã gả con cho một thanh niên hành khất, nếu con có phước báo thì con cũng trở nên giàu có sung sướng. Con hãy sửa soạn ngày mai lên đường với chồng con, khi nào có chiếu chỉ mới được trở về cung".

Với nét mặt đầy nghiêm nghị của Vua Ba Tư Nặc vương, công chúa không dám nói gì, chỉ yên lặng trở về hậu cung.

Sáng ngày công chúa vào lạy cha mẹ, từ biệt mọi người, rồi bình tĩnh ra đi với thanh niên hành khất.

Hoàng hậu và thần dân đều thương xót và khóc lóc, lo ngại cho số phận

công chúa, nhưng ý vua đã quyết nào ai dám mở lời khuyên can!

Ra khỏi hoàng cung, công chúa hỏi thanh niên hành khất rằng: Cha mẹ chàng đâu? Nhà cửa chàng đâu? Vì sao chàng lại nghèo khổ đến thế?

Thanh niên buồn rầu đáp: "Gia đình tôi trước cũng giàu có, vì được cha mẹ cưng quý, tôi tiêu xài hoang phí, ham chơi bời với chúng bạn, có học tập nhưng không đâu đạt gì, đến khi cha mẹ qua đời, tôi bán hết ruộng đất nhà cửa, hiện nay chỉ còn một sở vườn cách đây ba trăm dặm cỏ lác mọc đầy, cho người ta mướn họ không mướn, bán họ không thèm mua, hết của cải, không nghề nghiệp không biết nghề gì nuôi thân, nên phải hành khất độ nhật. Hôm nay tôi đang lang thang giữa đường, thì gặp một vị quan của vua, ông ta hỏi cặn kẽ về gia thế tôi, rồi ông dẫn tôi yết kiến nhà vua, không biết gì sao nhà vua lại đem công chúa gả cho một kẻ nghèo hèn như tôi?".

Vẫn nét mặt ôn hòa công chúa nói với thanh niên hành khất rằng: "Dù sao từ nay chúng ta cũng đã là vợ chồng, chúng ta phải tìm phương kế làm ăn và trước hết phải tìm nơi tạm trú".

Không biết tìm chỗ nào khác, nên công chúa và thanh niên hành khất liền dẫn nhau đến sở vườn của cha mẹ thanh niên để lại - thật là một mảnh vườn hoang phế, cỏ lác um tùm sỏi đá lờm chờm. Hai người bàn định cắt cỏ đốn cây che một chiếc chòi nhỏ vừa tạm ở, những người quanh đấy có người biết công chúa Nhật Quang nên cùng nhau đến giúp đỡ công việc cho công chúa. Đến khi đào đất để dựng cột nhà, vừa đào được vài lát đất thì gặp ngay ba cái chum lớn niêm khảm cẩn thận. Công chúa liền mở chum ra thì thấy trong ba cái chum ấy, vô số là vàng bạc châu báu, công chúa vui mừng sung sướng đem bán bớt một số châu báu rồi mướn người dọn dẹp cỏ rác, trồng tía hoa quả, tạo lập lâu đài... Vốn sẵn tánh hiền lành lại sẵn lòng yêu thương giúp đỡ mọi người, nên thợ thuyền tôi tớ rất trung thành tận tụy, không bao lâu đám vườn hoang phế kia đã biến thành một vườn hoa trăm sắc muôn màu; lâu đài trang hoàng lộng lẫy, người vô kể ra tấp nập không khác dinh thự của bậc đế vương.

Từ khi công chúa rời khỏi cung điện, vua Ba Tư Nặc sanh lòng hối hận đêm ngày trông nhớ, nhà vua đình ninh rằng: Công chúa lâu nay chắc gặp

nhều khổ sở và định đón công chúa trở về cung để an hưởng cảnh đoàn viên phú quý. Nhà vua liền phái một số cận thần tìm nơi công chúa ở và dò xem đời sống của công chúa ra sao?

Sau một thời gian dò xét, các cận thần về tâu với nhà vua: "Công chúa ở cách xa cung điện nhà vua chừng ba trăm dặm và hiện đang ở trong cảnh phong lưu sung sướng giàu có ức triệu". Vua Ba Tư Nặc không tin, liền đến nơi dò xét quả đúng như lời các cận thần. Nhà vua nói với kẻ tả hữu rằng: "Trẫm thấy đời sống của vợ chồng công chúa Nhật Quang hiện tại, tuy trẫm là vua một nước, thật cũng không sung sướng bằng".

Nhưng vua cũng băn khoăn thắc mắc không biết tiền kiếp công chúa đã tu những nhân lành gì mà nay được nhiều phước báo như vậy.

Vốn nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là bậc đại giác, nên vua thân hành đến Tịnh xá nơi Phật thuyết pháp, cung kính bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Nghe danh Ngài là bậc đại giác chứng nhất thế trí, hiểu thấu việc trong ba đời, nay đệ tử có điều nghi xin Ngài chỉ dạy: "Nhật Quang công chúa thứ hai của đệ tử, không biết đời trước tạo nhân lành gì, mà ngày nay tướng mạo đẹp đẽ, thông minh xuất chúng, giàu có sang trọng... Đệ tử đã gả công chúa cho một kẻ hành khất nghèo hèn thế mà công chúa cũng đào được vàng bạc rồi trở nên sang trọng hơn người.

Đệ tử cứ thắc mắc mãi mong Ngài từ bi khai thị cho đệ tử rõ?"

Đức Phật Thích Ca nở nụ cười hiền hòa muôn thuở thông thả dạy rằng: "Nghi vấn Đại vương sẽ được tiêu tan sau khi nghe câu chuyện này:

- Nầy Đại vương! Xưa kia khi Đức Phật Ca Diếp ra đời, có hai vợ chồng người lái buôn giàu có, người vợ rất tôn kính Tam bảo, thường khuyến khích mọi người bỏ việc ác làm lành, quy y Tam bảo, lại hay làm việc bố thí cúng dường, nhất là đối với kẻ tàn tật, nàng hết sức thương mến và tận tâm chăm sóc. Người chồng lại có tánh bồng sèn, mỗi khi thấy vợ làm việc cúng dường bố thí, thì tỏ ra thái độ bất bằng, tìm cách ngăn cản.

Một hôm gặp ngày nguyên đán, người vợ thành tâm sắm sửa lễ vật để cúng dường Tam bảo và bố thí kẻ nghèo trong ba ngày, người chồng thấy vậy bực tức nói rằng: "Hãy để dành tiền của lại sắm sửa thêm nhà cửa ruộng đất, chứ làm những việc ấy thêm hao tổn, phỏng có ích gì!". Người vợ dụ

dàng trả lời: "Của cải là vật vô thường ta không bỏ nó, rồi nó sẽ bỏ ta; hơn nữa những kẻ nghèo khổ hiện tại, theo trong kinh Phật dạy, đều do đời trước tham lam ích kỷ, không biết dùng tiền của làm các việc phước thiện; ngày nay đời sống của vợ chồng chúng ta tạm gọi là khá giả, chúng ta nên dùng một số tiền làm các việc phước thiện để bảo tồn hạnh phúc tương lai cho chúng ta, và cũng gọi là góp một phần trong công việc nghĩa chung vậy".

Nghe mấy lời giải thích của vợ, người lái buôn mới tỉnh ngộ và cảm động, từ đó anh không ngăn cản vợ mà lại rất hăng hái trong công việc làm phước đức...

Này Đại vương! Vợ người lái buôn xưa kia chính là công chúa Nhật Quang ngày nay, đời trước nàng thường khuyến khích mọi người bỏ ác làm lành, quy y Tam bảo, nên được quả báo thông minh xuất chúng; đời trước sốt sắng cúng dường bố thí, nên nay được quả báo sung sướng giàu sang, nhiều người mến phục; đời trước tận tâm săn sóc giúp đỡ kẻ tàn tật, ngày nay được quả báo nhan sắc đẹp đẽ, tướng mạo đoan trang.

Người lái buôn xưa kia chính là chồng công chúa hiện tại, ngày trước lúc chưa tỉnh ngộ, anh ta bôn sên hay ngăn cản việc làm phước thiện của vợ, nên ngày nay phải chịu đói rách một thời.

Vua Ba Tư Nặc nghe Phật kể rõ tiền kiếp của công chúa Nhật Quang, nhà vua mới tỉnh ngộ, và rất thâm cảm đạo lý nhân quả tội phước của Phật. Rồi vua cúi đầu đánh lễ Đức Phật ra về.

Về đến cung, công việc đầu tiên của vua là cho người đón rước vợ chồng công chúa Nhật Quang về. Gặp công chúa, vua Ba Tư Nặc khôn xiết vui mừng, vua không quên nói nhiều lời hối hận, với công chúa Nhật Quang cũng rất sung sướng được gần gũi phụng sự cha mẹ, và giúp vua cha trong việc trau dồi đạo đức, bảo quốc an dân. Thanh niên hành khất chồng công chúa, cũng được vua phong cho một chức quan cao cấp trong triều đình.

Quảng Tiến

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**ĐỨC PHẬT VỚI CON VOI DỮ**

Thời kỳ Phật hành đạo tại thành Vương Xá, kinh đô của Vua A Xà Thế, vua A Xà Thế rất tham lam hung bạo, đã sát hại vua cha để dành ngôi báu. A Xà Thế lại hay thù ghét và manh tâm làm hại những kẻ trung lương nên thường lập vây cánh bè đảng làm hậu thuẫn.

Trong số bè cánh nhà vua lại có Đề Bà Đạt Đa em họ Đức Phật. Vị này cũng sẵn lòng ganh tỵ với kẻ khác, thấy Đức Phật được nhiều người cung kính, Đề Bà Đạt Đa cũng giả cách tu hành như Phật, nhưng không hề được ai cung kính, nên tức giận muốn tìm cách hại Phật. Nhưng những điều không may có bao giờ đến với những người có lòng từ bi cao cả, đấng Giác ngộ đã tu hành trong nhiều kiếp. Nhưng chứng nào tật nấy, ông liền liên kết với vua A Xà Thế cầu xin nhà vua cộng tác trong việc sát hại Phật. Nhờ sự bằng lòng của nhà vua, nên Đề Bà Đạt Đa đến tại sở nuôi voi năn nỉ với bọn nài: "Ta đây là bạn thân với nhà vua, các người giúp ta việc này, ta sẽ xin nhà vua cho lương cao chức lớn. - Sáng mai thầy Gotama (Đức Phật) sẽ đi trì bình khất thực qua đây, các người cứ việc thả voi hung dữ Nalagiri ra để làm thịt thầy".

Sáng hôm sau, Đức Phật cùng một số đệ tử đi vào thành Vương Xá để trì bình khất thực, trông thấy bóng Ngài, bọn nài thả voi Nalagiri ra. Dân chúng nội thành phải tán loạn, dầy xéo nhau mà chạy, lo sợ cho tánh mạng của mình, kẻ leo lên cây người núp ở tường cao nhà kín. Sau khi đã tìm được chỗ ẩn núp chắc chắn, những con mắt hiếu kỳ hay lo sợ cũng cố tình mắt để nhìn cho được sự việc sắp xảy đến.

Voi thấy bóng người đang trước, nó cong đuôi, thẳng vòi chống tai xông tới như vũ bão. Các vị đệ tử thấy cơ nguy mới bạch với Đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con voi Nalagiri nó có tánh hung dữ và thù ghét loài người đã đến nơi kia! Đức Phật vẫn thản nhiên dạy rằng:

- Này các Tỳ kheo, các người không nên sợ hãi. Không bao giờ một vị Chánh Giác phải chết vì một tai nạn ghê gớm như thế. Những đấng Như

Lại chỉ tịch diệt khi thì giờ đã đến bằng cái chết tự nhiên và vẫn sống mãi trong tâm linh mọi người.

Trong khi ấy có tiếng bàn tán nhỏ to của mọi người đang ẩn núp. Những kẻ thiếu đức tin, u mê cho rằng: đó là một sự hy sinh vô lý, nên thốt ra những câu đầy mỉa mai:

- Chà, uổng quá, vị Sa môn kia trẻ đẹp như thế mà lại hy sinh cho con voi hung dữ giết hại thì thiệt là một việc dại khờ.

Nhưng nhóm người có đủ đức tin hơn là hiểu biết chân lý đôi chút thì cho rằng: đó là một cuộc thử thách, sự tranh đấu giữa loài vật với vị Từ phụ của loài người.

Voi hung hăng đã phóng tới trước mặt Đức Phật, mọi người phập phồng lo sợ. Nhưng Ngài vẫn điềm nhiên đem tất cả lòng Từ bi vô lượng để đối lại với sự hung dữ của con voi. Voi như bị một sức thôi miên huyền bí, từ từ hạ vòi và quỳ ngay trước mặt Ngài.

Đức Phật dịu dàng thoa vào đầu quy y cho voi và nói:

- Này voi ơi! Người nên ăn ở hiền lành để đạt đến an vui chớ nên hung hăng như trước nữa.

Voi như hiểu được lời Ngài, từ từ lấy vòi hút tất cả bụi đã bám vào chân Ngài và rải lên khắp đầu nó như để chứng tỏ nó đã biến ăn năn và xin phục thiện. Đoạn cúi đầu đánh lễ Ngài rồi trở về chuồng cũ.

Từ đó về sau voi Nalagiri trở nên hiền lành dễ thương. Và đó cũng là một trong những nguyên nhân làm cho Đề Bà Đạt Đa biết hối hận! Vua A Xà Thế biết trở về với Chánh Pháp.

Tiến Mạnh

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**NĂM GIỌT MẬT**

Ngày xưa có một tên tử tù vừa vượt thoát khỏi lao ngục, chạy bán sống bán chết. Đàng sau hắn, hai con voi say đang đuổi theo, do sự tổ chức truy nã của nhà cầm quyền.

Trong cơn hốt hoảng, chẳng may hắn ta rơi tồm xuống một cái giếng sâu ở dọc đường.

Nhưng trong cái rủi ro cũng còn được chút may mắn: Khi thân mình chưa rơi tới đáy, không biết quờ quạng vùng vẫy như thế nào mà hắn ta níu được một cái rễ cây mọc thòng xuống giếng.

Hú vía ! qua giờ phút nguy ngập ấy, hắn tưởng chừng như đã yên thân: hai con voi sẽ chẳng biết mình ở đâu mà tìm. Nhưng ý nghĩ ấy thoát biến mất theo hơi thở: hai con voi say đã đến bên miệng giếng, gặm rống vang động, hút phăng tất cả những cây cỏ mọc trên miệng giếng như để thị uy.

Nếu hắn mà lên thì phải chết!

Hắn hốt hoảng quá. Nếu sợi dây đang đeo mà đứt thì thật là chắc chết mười phần. Hắn ta tính phăng tuột lần xuống đáy giếng để may ra có chút hy vọng nào không. Nhưng bất đồ nhìn xuống đáy giếng sâu thẳm, hắn ta thấy ba con rồng đang múa vuốt, giơ nanh, miệng phun lửa dữ, như muốn bay đến nuốt trửng hắn. Điếng hồn, hắn đành phải cố bám chặt sợi dây, đeo lưng lẳng giữa chừng. Nhưng có phải được vậy là yên thân đâu? Ác nghiệt làm sao, kê trên miệng giếng, hai con chuột cống xù, một đen một trắng, đang đua nhau rập cắn sợi dây. Ác nghiệt hơn nữa là bao quanh thành giếng, theo những lỗ trũng gần hắn nhất, bốn con rắn độc bây giờ xuất hiện, ngóc đầu, thè lưỡi toan mổ.

Những biến cố dồn dập xảy tới tấp làm cho hắn ta hết phương trốn tránh, ý nghĩ liều mạng lại hiện đến: bề nào cũng không khỏi chết, thà leo ngược trở lên mặt đất, rồi bỏ chạy, dù có chết cũng còn thân. Thế là hắn ráng phăng lần leo ngược trở lên. Khốn khổ quá, phần lo sợ, phần đuổi sức, bồ hôi bồ kê ướt đầm. Miệng khô cổ cháy, hắn ngước mặt lên trời mà than rằng: "Trời

sao nữ hành hạ ta đến nông nỗi này".

Càng mệt, càng thở, hơi thở càng lúc càng ngắn dần; thở bằng mũi không kịp, hẳn phải há miệng để thở phụ, trong giờ phút mạng cùng tuyệt vọng ấy, bỗng một bầy ong mật bay ngang qua làm rơi vào miệng hẳn 5 giọt mật... Hẳn ta chíp ngay, chắp chắp thấy ngon ngon... mê tí... và trong giây phút, quên mất bao nhiêu sự nguy nan đang bao vây hẳn...[1]

Người ta có thể quên bằng đi được tất cả bao nhiêu khổ sở, đau đớn, khi người ta nhận được chút ít an ủi bằng Danh lợi, Tiền tài, Sắc đẹp, Tiếng khen, Ăn ngon, Ngủ kỹ.

Chỉ vì năm giọt mật "Ngũ dục" không đáng giá trong lòng lúc dục vọng đang khao khát trông chờ, mà người trong giếng có thể quên đi được bao nhiêu sự nguy hiểm đang bao bọc quanh mình; loài người vì năm món dục lạc mà quên đi tất cả những gì khổ não, tạm bợ, mạng sống không khác nào như chỉ mảnh treo chuông!



**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**NAI HIỀN**

*Ở hiền thì gặp lành,  
Hễ ai làm dữ tan thành ra tro.*

Ngày xưa...

Ngày xưa trong một khu rừng ven bờ sông Hằng Độ, xuất hiện một con Nai hiền. Nai đẹp vô cùng, sừng màu trắng vươn cao như pha lê lóng lánh: da óng ánh vàng như gấm đính thêm từng hành minh muôn màu. Cả thân hình Nai thanh tú ấy có thể đã tập trung hết mọi vẻ đẹp của trần gian. Nhưng đôi mắt Nai buồn lắm thế? Có cái chi u ẩn như thương cho cuộc sống mê lầm. Nai chính là hiện thân của một vị Bồ tát. Nai nghe và nói được tiếng người. Thú trong rừng thương Nai, quay quần bên Nai như một bà mẹ hiền, theo lời Nai như một bậc thầy sáng suốt. Nai đem tình thương hòa vào cuộc sống muôn loài, núi rừng vì thế ít nhuộm màu hồng, con cháu trong rừng chỉ ăn cỏ cây.

Vốn biết thân mình là một miếng mồi thế nhân hằng ao ước, Nai chỉ ở trong rừng sâu, không để cho loài người được thấy. Những đêm trăng sáng. Nai vui cùng muôn thú cảnh thanh bình. Nhưng mà nếu cuộc đời chỉ là có thể thì còn đâu nước mắt đầy vơi?

Có một sáng mùa thu, rừng vừa qua cơn mưa lớn. Nước sông Hằng chảy mạnh. Những dòng suối nhỏ từ lâu vẫn hiền hòa róc rách giữa những triền đá trắng phau, hôm nay mở rộng bờ hung hăng như trắng lớn phun nước vào dòng sông cả. Nai đứng đỉnh xuống bờ sông uống nước.

Nhìn dòng nước cứ mãi tuôn đi, bọt trắng tóe tung trên mặt sông một màu xanh biếc, Nai bỗng thấy lòng ngập tràn chua xót. Không biết bao giờ vạn vật mới thôi quay cuồng trong bóng tối vô minh để trở về với thanh tịnh? Nai tử nhủ: "Nếu cần thì thân này có tiếc chi?".

Bỗng một tiếng kêu cứu từ xa vọng lại:

- Ai cứu tôi với! Trời ơi, tôi sẽ chết mất giữa dòng sâu.

Tiếng kêu càng lúc càng rõ. Nai ngược mắt nhìn ra giữa dòng sông Hằng hung bạo: Một người đang chơi với trên một thanh củi mục. Có lẽ y đã chìm đồ ở phía trên kia và nhờ niú được thanh củi mục mà khỏi chết. Nhưng tình thế thì cũng đã ngặt nghèo lắm. Y nổi lên chìm xuống, đôi tay co quắp một cách tuyệt vọng. Chắc sức cũng đã yếu rồi. Tiếng kêu càng lúc càng khan, mất dần trong tiếng reo hát điên cuồng của sóng nước. Nai biết giờ phút quyết định sự sống còn của người kia đã đến. Không lẽ làm ngơ? Lòng Bồ tát bỗng dạt dào một tình thương cao cả. Đau khổ của người là đau khổ của mình, cứu người là tự cứu mình. Nhìn người quẫn quại ai thấy vui chi?

Nai lao nhanh xuống dòng nước lũ. Tình thương đã làm nên tất cả. Không quản nhọc nhằn và nguy hiểm, Nai lướt qua sông lớn và công người kia lên bờ. Người kia tỉnh lại, ngạc nhiên vô cùng khi biết một con Nai đẹp đã cứu mình thoát nạn. Quá cảm động y quỳ xuống đội lên đầu công đức của Nai. Y nói:

- Hỡi vị Nai thần, tôi không biết làm sao để nói tất cả tấm lòng. Ngài đẹp lắm, nhưng chính lòng vị tha của Ngài mới đẹp hơn cả. Kể từ nay, thân tôi là của Ngài, tùy Ngài sử dụng.

Nai hiền rưng rưng nước mắt. Quả thật không ngờ lại có người biết ơn đến thế. Nai nói:

- Ông ơi, tôi tưởng sẽ không bao giờ tìm được một người tốt ở cõi thế sa đọa này. Lòng biết ơn của ông đã làm cho tôi vô cùng sung sướng. Nhưng nói làm chi đến chuyện trả ơn. Ông còn vợ con ở nhà, không nên nán lại đây lâu, chắc họ đang nóng lòng chờ đợi. Nhưng ông đừng đem chuyện gặp tôi đây mà nói lại với ai, họ sẽ không ngại gì mà đến tìm bắt tôi. Hãy sống vì đời, vì người. Là thú rừng, tôi không biết nói lời gì đẹp đẽ hơn.

Người kia hứa chắc với Nai, xá tạ xong y lên đường về chốn cũ.

Lúc y về đến thành chính là lúc Hoàng hậu vừa chiêm bao thấy một con Nai vàng kỳ dị. Bà thấy trên một ngôi báu cao sang có một con Nai hiện đang giảng pháp bằng tiếng người. Mình Nai gấn đầy châu ngọc, da Nai óng ánh như những lớp gấm đẹp nhất của đời. Hoàng hậu liền đem chuyện

ấy thỏ thẻ với nhà vua.

Bà nói:

- Tâu Bệ hạ, thần thiếp nghĩ không còn vật chi quý giá hơn con Nai vàng trong mộng ấy. Nếu vườn thượng uyển này mà có nó... trời ơi, Bệ hạ hãy tìm cách bắt đi!

Vua tin ngay lời Hoàng hậu, ở đời đã có được mấy người đàn ông không nghe lời vợ, không nghe lời thỏ thẻ của một người đàn bà, nhất là người đàn bà đẹp? Thế là vua cho truyền khắp nước:

"Trong sử có chuyện một con Nai vàng mình đầy châu ngọc. Đã nhiều người thấy nó, nhưng không biết bây giờ ở đâu. Nếu ai bắt được, hay chỉ cho người khác bắt, vua sẽ thưởng cho quyền cai trị một làng giàu có và vô số bạc vàng".

"Quyền cai trị một làng giàu có và vô số bạc vàng". Ai mà không ham? Người được Nai cứu lắng nghe cho rõ lời truyền rao của vua rồi bất giác y nhìn xuống chiếc áo đã sờn, đôi hài há miệng: Y nghèo quá! Một tiếng thở báo trước cơn giông tố của lòng. Y biết chắc chắn vợ con y đã hai hôm rồi nhịn đói. Ngay những lúc có y ở nhà, nai lưng người ra đối lấy bát cơm, gia đình y vẫn không lúc nào no đủ, huống hồ là y đã đi vắng những hai ngày.

Y nhắc lại lời truyền rao: "Nếu ai bắt được, hay chỉ cho người khác bắt, vua sẽ thưởng cho quyền cai trị một làng giàu có và vô số bạc vàng". Có thể như thế được không? Sung sướng giàu sang đến thế ư? Trong lòng con người vừa thọ ơn bỗng nổ ra một trận chiến gay go giữa tham lam và đức hạnh. Đức hạnh như nói với y: "Anh có thể quên được công đức của Nai hiền sao? Nếu không có Nai thì bây giờ có anh không? Cứ bội ước đi rồi không còn một kiếp nào anh cất đầu lên được!". Nhưng tham lam nhỏ to than thỉ: "Hãy chỉ chỗ của Nai đi! Anh sẽ được vinh hoa phú quý, vợ con anh sẽ được no đủ".

Lòng y thật như guồng chỉ rối. Y không biết nên theo đạo đức hay giàu sang, trung thành hay phản bội. Con quỷ tham lam góm guốc vẫn cứ kề bên than thỉ. Cuối cùng, quỷ tham đã thắng. Một chút lương tâm còn nuôi lại trong lòng, y tự nhủ:

- Ta quyết chỉ chỗ Nai ở cho nhà vua. Kể ra thì cũng tàn nhẫn thật nhưng

còn dịp nào để được giàu sang. Bạc tiền và danh vọng trên hết!

Y cười lên sặc sụa, cái cười khoái trá của một con người sắp thỏa mãn. Nhưng y có biết không, bắt nguồi từ cái cười ấy, gương mặt y từ hiền lành chất phát bỗng trở thành góm ghiếc lạ thường. Nếu soi gương, chắc y ngạc nhiên về sự đổi thay của mình lắm.

Y vào cung tâu vua biết chỗ ở của Nai hiền. Như mở nước cờ, vua ra lệnh đi săn Nai ngay buổi chiều ấy, khu rừng bị quân lính nhà vua vây kín. Từng đàn chó dữ ào ạt sủa cắn vang động cả một vùng. Chúng lục lội từng hóc núi, bụi lùm. Tiếng kèn săn rền vọng lên như một lời kết tội.

Nai choàng dậy trong giấc ngủ. Sau cơn hoảng hốt ban đầu, Nai biết mình không thể thoát khỏi tay người hung ác. Cũng vừa lúc ấy, vua và người được Nai cứu đến kề bên.

Y đưa tay chỉ chỗ cho Vua:

- Đó, Bệ hạ xem, con Nai vàng kỳ dị!...

Những tia nắng cuối của chiều thu chiếu lên mình Nai lộng lẫy, từng hang châu ngọc lóe sáng muôn màu. Vua say nhìn Nai đẹp. Cung tên đã sẵn sàng, bọn lính định bắn quì linh thú, nhưng vua ngăn lại:

- Đừng bắn, hãy bắt sống cho ta!...

Nhưng chưa đuổi bắt thì Nai đã tự dẫn mình đến trước mặt vua và nói lớn:

- Thưa Ngài, tôi không hiểu tại sao Ngài có thể tìm được chỗ trú của tôi!

Nhà vua ngạc nhiên - có thể nói là sửng sốt - vì Ngài chưa từng thấy Nai nào lại biết nói tiếng người. Vua đáp:

- Hỡi Nai thần, chính người này đã chỉ cho ta.

Mặt Nai và vua đồng một lúc quay về người được Nai cứu. Bỗng nhà vua kêu lên kinh hãi: mặt người kia chỉ trong một khắc trở thành lở loét góm ghê. Mủ máu chan hòa trên gương mặt trước kia hiền lành chất phát.

Nai lên tiếng giảng:

- Thưa Ngài không có gì lạ cả. Đó chính là cái quả báo mà nguyên nhân là sự vong ân của y. Thưa Ngài, người này trước kia đã được tôi cứu khỏi chết đuối, nhưng y đã quên lời hứa mà chỉ chỗ của tôi cho vua. Tham lam đã làm mờ mắt nhân gian. Trong bóng tối vô minh ác nghiệt con người quên hết liêm sỉ và ân tình. Ôi tham lam, gốc nguồn của bao tội lỗi! Vua chột

hiếu. Ngài bỗng thấy ghét cay ghét đắng người được cứu. Quay mũi tên về phía y, vua hét lên dữ dội:

- Kẻ vong ân bội nghĩa kia, mi đã làm nhơ nhuốc danh người. Ta quyết vì đời cho mi chết! Dây cung trương lên, nhưng Nai hiền đã đến chặn phía trước. Mình Nai đã biến thành bình phong che chở cho người kia đang run như một cái đuôi thằn lằn. Nai nói với vua:

- Không nên Ngài ạ! Quả báo bao giờ cũng đến với người gây nhân như hình với bóng. Không cần và cũng không có một người nào thưởng phạt hay định đoạt quả báo cả. Chính gương mặt lở loét kia đã trừng phạt y nhiều lắm. Tôi xin Ngài hãy tha cho y. Phần tôi, tôi đang chờ Ngài quyết định.

Vua bỗng thấy ánh sáng đạo. Ngài thấy kính phục Nai hiền cùng tột. Ngài kêu lên:

- Đối với kẻ mưu hại mình Nai còn tỏ lòng từ bi cao cả như thế. Nai ơi, trong lốt thú rừng man dã ấy, chính Nai mới thật là người, một con người đúng nghĩa. Còn chúng tôi đây, Tuy mang lốt người, nhưng quả thật chưa bằng muông thú.

Rồi vung tay ra hiệu, vua hét vào tai tên phản bội:

- Ta tha cho người. Hãy đi đi, đi cho khuất loài người.

Y lồm lũi bỏ đi, mặt cúi gằm xuống đất. Bóng y đổ dài trên nền cỏ rừng, lưng y quay lại phía mặt trời, y đang bước lần, bước lần vào bóng tối...

Vua nói với Nai:

- Thừa Ngài, Ngài đã hoàn toàn tự do. Từ nay, không ai trong nước này lại động đến thân Ngài nữa.

Về phần tôi, những lời cao đẹp của Ngài đã làm tôi trong phút chốc giác ngộ được chân lý. Tôi sẽ khắc những lời đó vào tim và đem chí hướng từ bi của Ngài gieo vào lòng nhân loại.

Thế rồi vua từ giả Nai, kéo quân về chốn cũ. Rừng trở lại thanh bình như xưa. Người và vật từ nay hiểu nhau, không còn tìm cách sát hại nhau nữa. Rừng già thối vọng tiếng kèn sấm hung hăng, máu hồng thối hoen trên cỏ màu xanh. Con cháu trong rừng ngày một đông thêm, phơi phới lớn lên, không lo loài người tàn bạo.

Và đêm đêm, lúc trăng ngà dội bóng xuống rừng hoang, đàn thú hiền lành  
quây quần chung quanh Nai như để nghe lời giảng đạo.

Huyền Thanh

**nhều tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**MỘT LÒNG VÌ ĐẠO**  
Tác giả:Đức Thượng

*Thà có đạo đức mà chết, chớ không chịu mất đạo đức để được sống.*

Cũng một mùa xuân trong sáng đẹp đẽ như hôm nay nhưng là một mùa Xuân xa xăm lắm, một vị Quốc vương có tiếng nhân từ vui vẻ, ngự giá về các làng mạc thôn xóm, thăm viếng quần chúng và tặng quà tết cho kẻ nghèo. Ngài cùng chung vui với muôn dân. Đó còn là một dịp để nhà vua được tìm hiểu đời sống và tâm tình của dân.

Khi ra đi ngài vui vẻ bao nhiêu, khi trở về Ngài lại buồn rầu lo âu bấy nhiêu.

Nhà vua thường khuyến khích mọi người phụng thờ Tam bảo, thực hành phép ăn chay, làm các việc thiện, hiếu thảo với cha mẹ, thuận hòa với anh em. Ngài tha sưu thuế cho tất cả những ai thực hành theo lời Ngài khuyên bảo.

Mọi người đều răm rắp làm theo.

Nhưng có ngờ đâu, bề ngoài họ mạng một lớp "đạo đức giả" để che đậy bao nhiêu điều xấu xa, hung ác, nham hiểm ở bên trong. Nhờ có cuộc kinh lý trong ngày Xuân hôm ấy ngày mới thấu rõ được lòng người. Từ đó Ngài luôn luôn suy nghĩ để tìm một giải pháp cải thiện dân chúng một cách hoàn bị.

Một tuần sau gương mặt Ngài trở lại tươi vui như trước. Rồi khắp dân chúng được ban truyền sắc dụ của nhà vua: "Kể từ nay ai còn ăn chay niệm Phật sẽ bị tội xử tử, còn người nào không theo đạo Phật được tự do, an phần chức nghiệp".

Đương nhiên những kẻ giả tâm đều trở lại hành động như cũ, không còn phải che đậy một chút gì.

Tuy thế, sáng kia người ta dẫn đến sân triều một cụ già tả tơi yếu đuối, cụ này đã không tuân lệnh nhà vua vẫn quy ngưỡng theo đạo Phật. Cụ nghĩ

rằng: "Lâu nay ta nghèo khổ trọn ngày chỉ có một bữa cơm rau nhưng được quy y Tam bảo, được nghe giáo lý của Chư Phật, lòng ta sung sướng vô cùng. Còn dầu sống một cuộc đời sung túc trên châu báu ngọc ngà hay có được lên cõi Thiên đàng hưởng thụ mãi mãi cuộc sống Thần tiên đi nữa mà không được nghe đến một câu kinh, Phật, đối với ta cũng chỉ là ngục hình".

Cụ già khẳng khái tâu:

- Tâu Bệ hạ, bần dân này đã có tội không tuân lệnh của Ngài xin Ngài cứ việc chặt đầu.

Nhà vua phán:

- Nếu người biết tự hối và thi hành theo sắc lệnh mới của Trẫm, Trẫm sẽ tha tội và phong chức tước cho. Còn kẻ làm dân mà không tuân theo quốc pháp Trẫm sẽ xử chém đặng răn kẻ trái phép về sau.

- Tâu Bệ hạ, nếu bỏ chánh pháp mà làm đến bức vua chúa, hưởng thụ tất cả mọi khoái lạc trong cõi Nhân Thiên, bần dân này cũng không ham.

- Người cãi lệnh ta sẽ truyền đem xử tử ngay tức khắc.

- Tâu Bệ hạ, trong Kinh Phật có dạy: "Nếu chúng sanh tự gieo mình vào ba đường ác thì khó được làm người và có làm người chẳng nữa cũng không thể sanh vào nước có đạo đức, không xem được Kinh Phật, không gặp được các cao Tăng để cúng dường và nghe pháp". Nay tôi được biết pháp Tam bảo, hiểu được chút ít Kinh Phật, vậy có lẽ kiếp trước tôi đã dày công tu luyện lắm. Thế thì dầu Bệ hạ có bỏ tôi vào nước sôi hay nung vào lửa đỏ đi nữa tôi vẫn giữ trọn một niềm theo Tam bảo mà thôi.

- Người là ai mà còn khí khái với ta? Trước cái chết mà vẫn còn hùng hổ.

- Tôi tên là Thanh Tiến Sử, tâu Bệ hạ cứ việc xử tội, tôi không bao giờ oán than hay van xin một điều gì.

Quân sĩ hãy đem chém ngay ông lão Thanh Tiến Sử này.

Rất nhanh, các tên lính xáp đến dẫn cụ già ra pháp trường.

Trước pháp trường, bên cạnh những lưỡi gươm sáng quắc đang sẵn sàng đưa lên cổ, Thanh Tiến Sử vẫn thản nhiên vui vẻ và khuyên người con trước khi vĩnh biệt: "Con ơi! Con sanh gặp thời có Phật pháp, biết sùng bái Tam Bảo là một điều phước đức của con. Con hãy vững dạ tu học, noi gương cha đây, dầu dầu cha phải rơi vì sắc lệnh nghiêm ngặt của nhà vua.



Cha vẫn vui lòng và quyết theo Chánh đạo không bao giờ lãng bỏ".

Vừa dứt lời, vị cận thần truyền cho quân lính dẫn cụ trở về triều.

Khi vị cận thần về tâu lại lời khuyên con của Thanh Tiến Sử, nhà vua rất cảm động và vô tình những dòng nước mắt tươm chảy trên đôi má nhăn nheo của vị vua hiền đức. Ngài bước xuống bệ rồng ra tận cửa thành ôm lấy Thanh Tiến Sử. Mọi người đều ngạc nhiên. Cụ già cũng trở mắt nhìn vua vì không hiểu chuyện gì. Nhà vua đưa cụ vào cung một cách ân cần vui vẻ, song Thanh Tiến Sử cũng chưa rõ điều gì nên chỉ biết cúi đầu sát đất lạy tạ ơn vua. Nhà vua liền đỡ lấy tay Thanh Tiến Sử rồi thân mật bảo: "Trong quốc dân này chỉ có một Thanh Tiến Sử! Chỉ có một Thanh Tiến Sử thuần thành theo Phật pháp, quyết một lòng vì đạo. Ngoài ra đều giả dối, đều vụ lợi. Chiếu dụ của Trẫm ban ra chỉ cốt để thử lòng người mà thôi. Vậy từ nay xin người hãy sống cùng Trẫm, giúp Trẫm trong việc truyền bá Phật pháp thức tỉnh nhân tâm". Rồi cả hai chuyện trò vui vẻ. Sau đó nhà vua phong cho Thanh Tiến Sử chức Tướng quốc.

Câu chuyện ấy được truyền tụng trên môi quần chúng lan ra tận các hang cùng ngõ hẻm, và cũng từ đó tiếng chuông cảnh tỉnh ngân vang trong tâm hồn mọi người.

Chẳng bao lâu dân chúng được sống trong cảnh êm ấm, thân yêu, an hòa, vui vẻ, ai ai cũng đều quay về với Đạo Phật.

Vị Quốc vương ấy chính là tiền thân của Đức Thích Ca.

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**LÒNG HIẾU CỦA CHIM ANH VŨ**  
Trích: Phật Pháp

Thuở xưa, ở núi Tuyết Sơn có một con chim Oanh Vũ, cha mẹ đều mù, thường đi tìm trái cây thơm chín, dâng cha mẹ dùng. Lúc bấy giờ, có vị điền chủ mới cấy lúa bèn phát nguyện rằng: "Lúa tôi đây, xin nguyện cho chúng sanh ăn dùng". Chim Oanh Vũ thấy vị điền chủ phát tâm bố thí như vậy, bèn thường bay xuống lấy lúa cúng dường cha mẹ. Người điền chủ đi xem lúa, thấy loài chim loài sùng phá hại lúa, bèn nổi giận đặt lưới bắt được chim Oanh Vũ. Chim Oanh Vũ thưa vị điền chủ rằng: "Trước đây ông có lòng tốt bố thí nên tôi mới dám lấy của ông, sao lại đặt lưới bắt tôi?". Người điền chủ hỏi: "Người lấy lúa làm gì?". Chim Oanh Vũ đáp: "Tôi có cha mẹ mù, nên phải lấy lúa cúng dường". Vị điền chủ nói rằng: "Từ nay về sau, người cứ lấy lúa mà dùng, đừng e ngại gì cả". Loài súc sanh còn biết hiếu thuận với cha mẹ huống nữa là người.

Chim Oanh Vũ là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Người điền chủ là tiền thân ông Xá Lợi Phất.

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**TRỌNG PHÁP**

Đời xưa, có một vị đại quốc vương tên là Tu Lô Đà, thống trị rất nhiều chư hầu nhỏ. Oai đức của nhà vua rất to, nhưng Ngài cũng chưa mãn ý. Một hôm Ngài nghĩ: "Ta có một khuyết điểm lớn.

Mặc dù ta dùng đức trị dân, đem tài lực để giúp người, song đó chỉ là nuôi sống phần vật chất không được vĩnh cửu. Cần phải có một nền đạo giáo để trị muôn dân tu tỉnh. Ta phải tìm làm sao cho ra "Pháp tài chân thật" để cho mọi người cùng nhờ đó mà giải thoát được mọi sự khổ não ở đời. Được như thế ta mới khỏi ân hận".

Nhà vua liền truyền rao khắp trong xứ: Ai có phép giải thoát đem truyền trao cho nhà vua, sẽ được gia thưởng như ý muốn. Qua một thời gian khá lâu, không thấy ai đáp lại lời kêu gọi của nhà vua. Ngài đâm lo nghĩ, buồn rầu khổ sở, ăn không ngon, ngủ không yên. Người ngoài cuộc, ai trông thấy cũng phải cảm động và thương hại cho Ngài.

Lúc ấy, có một vị Tỳ sa môn Thiên Vương, rõ được tâm trạng của Tu Lô Đà, bèn hóa hiện làm thân một con quý Dạ xoa hình sắc ai thấy cũng phải kinh tởm: hai con mắt lồi to và đỏ như huyết, nanh vuốt nhọn bén, tóc tai bờm xờm, lửa đầy miệng. Quý đến chỗ vua, hô to lên rằng: "Ai muốn nghe pháp ta sẽ nói cho".

Nhà vua nghe thấy mừng lắm, vội đến nghênh tiếp, mời ngồi tòa cao, làm lễ đúng pháp để cầu nghe quên cả sợ hãi.

- Xin Ngài vui lòng bố thí cho chúng tôi một pháp tài để cứu khổ cho nhơn sanh, ơn trọng vô cùng.

- Thân người khó được, chánh pháp khó gặp, đâu phải qua những nghi lễ tầm thường kém vẻ tôn trọng như vậy mà có thể nghe được.

- Tôi xin sẵn sàng làm theo ý Ngài muốn, chỉ cốt hầu được nghe pháp, dù phải tan thân mất mạng cũng không sao.

- Quý lắm, nhà vua hãy đem Hoàng hậu và Hoàng Thái tử đến cho ta xơi, xong rồi ta sẽ nói pháp cho nghe.

- Được tôi sẽ trân trọng làm theo ý Ngài muốn.

Trong khi ấy, tất cả triều thần đều nhao nhao phản đối: "Bệ hạ làm thế nhẫn tâm lắm, chúng tôi không tán thành! Bệ hạ giết chúng tôi trước, rồi sẽ thi hành cái cử chỉ thảm nào ấy".

Nhà vua vẫn bình tĩnh, thản nhiên an ủi quần thần: "Các khanh yên lòng, ta cũng biết thế là đau xót lắm, nhưng trong đời, hễ có hợp rồi sẽ tan, không có gì là đáng quý cả, chỉ có chánh pháp mới là đáng quý, vậy dù đổi tánh mạng ta, ta quyết cũng không từ".

Trong khi quý Dạ xoa ăn thịt Hoàng hậu và Hoàng Thái tử, tất cả triều thần cùng cung phi mỹ nữ trong tam cung lục viện đều kêu gào, than khóc vô cùng thảm não. Tiếng kêu than náo động cả kinh thành, mong làm chuyển được lòng cương quyết của nhà vua, để Ngài xóa bỏ ý định. Nhưng nhà vua vẫn điềm tĩnh như thường, chỉ một mực chăm chờ nghe pháp.

Quý Dạ xoa sau khi ăn xong Hoàng hậu và Hoàng Thái tử liền vì vua mà nói bài kệ rằng:

*"Tất cả các hành đều là vô thường,  
Có sanh đều có khổ,  
Năm ấm không thật tướng,  
Không ngã và ngã sở". [1]*

Nhà vua nghe xong bài kệ vui mừng vô cùng, lòng không chút hối hận, liền truyền thần dân biên chép bài kệ ban khắp trong nhân gian, bắt phải đọc tụng, nhờ đó mà rất nhiều người được tỏ ngộ.

Lúc ấy, vị Tỳ sa môn Thiên Vương hiện lại nguyên hình và không tiếc lời khen ngợi:

- Quý hóa thay! Cao cả thay, tâm trọng pháp của nhà vua không ai sánh bằng. Hoàng hậu và Thái tử xin hoàn lại vẫn không sao cả. Chẳng qua là chỉ để thử lòng nhà vua mà thôi, thật không phải tôi đã ăn nuốt đi đâu.

Tôi mong ngày sau Ngài sẽ đạt đạo Bồ đề độ muôn loài hàm thức.

Làm đau thương không gì hơn buồn. Bản tên độc không gì hơn ngu si. Không thể lấy sức mạnh gì trừ diệt được hai nỗi khổ ấy. Chỉ có học nhiều mới có thể trừ diệt được. Người mù sẽ nhờ học mà có mắt, người tối sẽ nhờ học mà sáng suốt. Nhờ học mới có thể chỉ đường cho mọi người. Có học

như đem mắt cho người mù. Vậy phải rời bỏ ngục ngu si, xả lòng kiêu mạn và sự an hưởng giàu có, chuộng học nghe nhiều mới gọi là nhóm họp công đức.

Hết

*[1] Tất cả vạn sự vật thế gian đều luôn luôn chuyển biến không ngừng, các hiện tượng chuyển biến ấy Kinh gọi là Hành. Các pháp do nhân duyên cấu hợp, không thật thể, không khác nào hình ảnh trên màn bạc. Người phàm phu không làm sao nhìn thấy sự thật của sự vật, luôn luôn chấp cho là thật cảnh, thật ra, nên khi được thì vui mừng, mất thì sanh đau khổ.*

*Nên biết năm ấm (Sắc, thọ, tưởng, hành, thức) hòa hợp gọi là thân, song năm ấm biến chuyển không thường nên thân người thoát còn thoát mất, không có cái gì là "ta" cũng như không có cái gì là "của ta". Chẳng qua cũng như những bóng trong màn ảnh sân khấu, những giả ảnh trong chiêm bao mà thôi.*

*Chư Phật tỏ ngộ do đây, mà phàm phu mê muội cũng do đây vậy.*

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**CÔNG ĐỨC TRÌ GIỚI**  
Tác giả:Chân Thuyên

*Giới luật là thọ mạng Phật pháp*  
*Giới luật còn Phật pháp còn.*

Xưa ở nước Xá Vệ, có một huyện nhân dân đều quy Tam bảo, phụng trì năm giới và thực hành mười thiện nghiệp của Phật dạy. Khắp huyện không bao giờ sát sanh, người uống rượu nấu rượu cũng không có.

Trong huyện, có một người con dòng dõi, sắp đi buôn tha phương. Trước khi đi, cha mẹ căn dặn rằng: "Con nên cố gắng siêng năng, giữ gìn 5 giới cấm, thực hành mười điều thiện và cẩn thận chớ uống rượu, phạm đến trọng giới của Phật".

Người con vui vẻ ra đi, khi qua tới xứ khác vừa gặp người bạn đồng học cùng nhau chuyện trò tương đắc vui vẻ lắm. Bạn mời về nhà, đem rượu Bồ đào ra đãi. Người ấy tự cười nói rằng: "Nước tôi toàn giữ năm giới cấm của Phật, không một ai dám uống rượu; vì nếu uống rượu thì đời sau phải ngu si đần độn không thấy được Phật. Vả lại khi ra đi, cha mẹ tôi khuyên không nên uống rượu. Bây giờ tôi phạm giới cấm, thời trái mệnh lệnh của cha mẹ, tội ấy chẳng gì lớn bằng. Chúng ta là bạn thâm giao lâu ngày, được gặp nhau không gì mừng rỡ hơn nữa. Nhưng bạn chớ làm tôi phạm giới cấm của Phật và trái lời dạy của song thân tôi".

Người bạn tiếp lời: "Chúng ta là bạn đồng học một thầy, coi như anh em ruột; cha mẹ tôi cũng như cha mẹ anh, với cha mẹ, chúng ta có bốn phận kính thờ, không được trái mạng. Tôi nếu ở bên nhà anh là phải tuân theo ý muốn của cha mẹ anh, nhưng nay anh ở nhà tôi anh nên tùy thuận ý của cha mẹ tôi mới phải".

Trước sự khẩn khoản của lòng bạn, anh ta phải uống rượu, uống xong anh ta say luôn trong ba ngày, không biết gì, khi tỉnh anh ta ăn năn lo sợ vô cùng.

Công việc xong, người ấy trở về nhà trình lỗi của mình cho cha mẹ rõ; cha mẹ tức giận mắng rằng: "Người trái lời ta, phạm giới cấm thật là loạn pháp, không phải đứa con thảo". Tự nghĩ làm gương trước cho mọi người trong xứ, cha mẹ bèn thuê hết đồ đạc của đứa con, rồi đuổi ra khỏi nhà. Người con bị đuổi bèn đi qua nước khác, xin ở đậu trong một cái nhà. Chủ nhà ấy là người thờ phụng quỷ thần, thứ quỷ thần rất khôn ngoan, hay hiện ra thân người, ăn uống nói chuyện, chủ nhà ấy hết lòng tin tưởng với quỷ thần. Vì phải thờ phụng lâu năm mệt nhọc, của tiền hết sạch, trong nhà người đau chết xảy ra luôn, quỷ thần không cứu gì cả. Quỷ thần hiểu ý chủ nhà, liền bảo với nhau: "Nhà này của tiền hết sạch cũng chính vì ta. Đã lâu ta chưa làm gì được lợi ích cho chủ, nên chủ chán nản là phải lắm. Bây giờ chúng ta phải kiếm đồ trân bảo đem về biếu chủ, để chủ vui lòng". Nói rồi, cùng nhau đi lấy trộm vàng bạc trong kho nhà vua của nước khác, đem về giấu ở sau vườn rồi bảo chủ rằng: "Người có công nhọc, nay ta muốn ban phước cho người được giàu có. Sau vườn nhà người có một tráp vàng bạc, ta cho người đó". Chủ nhà ra vườn tìm thấy tráp vàng, sung sướng lắm, sáng sớm thiết tiệc rất long trọng mời thần tạ ân.

Thần vừa đến cửa, thấy trong nhà có bóng người ở nước Xá Vệ, liền tránh không đi vào. Chủ nhà chạy theo cố mời trở lại. Thần trả lời: "Trong nhà người có vị Tôn khách ta đâu dám vào". Nói xong rồi tỏ vẻ sợ hãi rồi bỏ chạy. Chủ nhà nghĩ trong nhà chỉ có một mình người khách này thôi, liền kính cẩn đến thưa rằng: "Xin mời ngài đến dự tiệc với chúng tôi cho vui". Ăn uống xong chủ nhà hỏi vị Tôn khách rằng: "Ngài có công đức gì mà vị thần của tôi thờ phụng sợ hãi ngài mà phải tránh đi?".

Vị Tôn khách trả lời: "Tôi chỉ có công đức thọ trì 5 giới và mười điều thiện của Đức Phật. Tôi vi phạm một giới uống rượu, bị cha mẹ đuổi, qua trọ tại đây. Nhưng còn giữ được bốn giới nên thiên thần ủng hộ, còn thần của người thờ phụng là thứ tà thần ác quỷ làm sao sánh kịp".

Chủ nhà thưa rằng: "Tôi thờ các vị thần đã lâu rồi, không có lợi ích gì nên tôi chán quá, mong ngài hoan hỷ dạy cho". Nói rồi bèn theo vị Tôn khách thọ trì Tam quy Ngũ giới và pháp thập thiện. Thọ xong một lòng tinh tấn siêng năng phụng trì không hề hủy phạm. Một hôm hỏi vị Tôn khách rằng:

"Đức Phật hiện nay ở đâu? Có thể đến yết kiến Ngài được không?" Tôn khách trả lời: "Đức Phật hiện nay ở nước Xá Vệ trong vườn Cấp Cô Độc, qua đó sẽ được yết kiến Ngài".

Nghe vậy, người chủ nhà rất sung sướng, quyết qua Xá Vệ để yết kiến Phật. Giữa đường trời tối ghé lại xin trọ một nhà thiếu nữ xinh đẹp. Thiếu nữ ấy chính là vợ của một con quý ăn thịt người. Thiếu nữ liền can rằng: "Ông chớ ở lại đây nên đi gấp tốt hơn". Người ấy hỏi có gì nguy hiểm chẳng? Thiếu nữ tỏ ý không bằng lòng nói rằng: "Tôi đã nói với ông như vậy, ông còn hỏi làm gì nữa". Người kia tự nghĩ: "Người ở nước Xá Vệ chỉ giữ 4 giới của Phật còn khiến cho quý thần sợ hãi thay, huống chi ta đã thọ trì chắc chắn pháp Tam quy Ngũ giới và Thập thiện của Phật". Nghĩ vậy, nhất định ở lại không chịu đi. Đêm ấy con quý ăn thịt người về nhà thấy có khách oai thần và công đức trì giới nên phải lẩn quẩn ngoài hè, rồi đi trọ một đêm nơi nhà hàng xóm cách xa tới bốn mươi dặm. Sớm mai người ấy lên đường để qua Xá Vệ. Ra khỏi cửa ngõ, thấy thây chết xương máu đầy đường, do quý ăn thịt người đã ăn xả.

Cảnh tượng ấy khiến người kia quá sợ hãi và hối hận rằng: "Nước ta sẵn đủ áo mặc, cơm ăn, nhà ở, không thiếu món chi ở trong nhà chẳng sướng hơn sao? Ta tưởng đến được yết kiến Phật và coi sự kỳ diệu của Ngài, ngờ đâu lại gặp hài cốt rùng rợn như vậy". Nghĩ xong chàng sanh ác ý, trở về khuyên người thiếu nữ kia theo mình trở về nước, cùng nhau chung sống trăm năm. Khi về ngay nhà thiếu nữ xin ở lại. Thiếu phụ hỏi: "Sao ông phải trở lui vậy?". Người kia đáp: "Hành kế không thành nên tôi phải trở lui, mong thiếu nữ cho tôi ở tạm một đêm". Thiếu nữ nói: "Ông ở đây chắc chắn phải chết vì chồng tôi. Chồng tôi là quý ăn thịt người và sắp về đến. Ông nên đi gấp tốt hơn". Người ấy không tin, năn nỉ xin ở lại cho được và trước sắp đẹp của thiếu nữ, người ấy khởi nhiều ý niệm không tốt đẹp, không còn tin pháp Tam quy Ngũ giới và thập thiện của Phật. Vị thiện thần hộ giới liền bỏ đi không ủng hộ cho người ấy nữa.

Quý ăn thịt người được dịp thuận tiện trở về. Thiếu phụ sợ chồng ăn thịt người kia tội nghiệp nên đem lòng thương hại, giấu người kia trong một cái lu. Quỉ bắt hơi người bảo vợ: "Mình có kiếm được thịt người phải không?"



Bây giờ ta thèm lắm". Vợ trả lời: "Tôi không đi đâu cả làm chi có thịt, sao hôm qua không thấy anh về?". Con quý nói: "Hôm qua trong nhà có vị Tôn khách nên ta phải đi tránh". Người ở trong lu nghe vậy càng thêm sợ hãi, đến nỗi không nhớ gì đến pháp Tam quy Ngũ giới của mình thọ. Người vợ hỏi tiếp: "Vì lẽ gì anh không kiếm được thịt?". Quý trả lời: "Vì trong nhà có đệ tử của Phật ở lại, nên thiên thần đuổi ta đi xa ngoài bốn mươi dặm, phải ngủ trống giữa trời một đêm rất là sợ hãi, đến bây giờ vẫn chưa hoàn hồn, cho nên không kiếm thịt được". Người vợ nghe vậy rất mừng thầm, mới hỏi chồng làm thế nào được nghe và phụng trì giới cấm của Phật?". Quý trả lời: "Bây giờ ta đói lắm, lấy thịt cho ta ăn đã, không nên hỏi việc ấy vội. Giới là pháp vô thượng chân chánh của Đức Như Lai, ta đâu dám nói đến". Người vợ cố năn nỉ: "Anh hãy vì tôi nói đi, tôi sẽ lấy thịt anh ăn". Giống quý tham ăn đã sẵn, thèm ăn lắm, lại thêm vợ cố hỏi, buộc phải nói Tam quy Ngũ giới cho vợ nghe.

Pháp Tam quy là:

- 1/ Quy y Phật
- 2/ Quy y Pháp
- 3/ Quy y Tăng

Ngũ giới là:

- 1/ Không sát sinh
- 2/ Không trộm cắp
- 3/ Không tà dâm
- 4/ Không nói dối
- 5/ Không uống rượu.

Khi quý vừa nói giới đầu, người vợ nghe liền định tâm lĩnh thọ, lần lượt nói hết 5 giới, thì vợ quý rất sung sướng nhất tâm chấp trì, và miệng đọc tụng không nghỉ. Người dẫu ở trong lu nghe lại được pháp Tam quy Ngũ giới rất lấy làm hồ thẹn và vui mừng, tự tâm lĩnh thọ trở lại.

Thiên Đế Thích biết hai người này đã phát tâm quy y Phật, thọ trì 5 giới, bèn lựa 50 vị thiên thần đến ủng hộ hai người ấy. Quý ăn thịt người sợ hãi phải trốn đi nơi khác.

Đến sáng, vợ quý hỏi người dấu ở trong lu: "Những chuyện vừa qua ông có sợ không?". Người kia trả lời: "Sợ lắm, nhưng được cái may là nhờ ơn ân giả, mà tôi ngày nay được hiểu biết oai thần và công đức giới pháp của Phật!".

Vợ hỏi quý tiếp: "Hôm qua ông trở lui làm gì vậy?".

- Vì tôi thấy hài cốt đầy đường nên quá sợ hãi phải trở lui.

Vợ quý mới nói rằng: "Hài cốt đó chính tôi bỏ đấy". Tôi đây vốn con nhà lương thiện, không may bị quý bắt đem về làm vợ, tôi buồn khổ vô cùng, nhưng chẳng biết tỏ cùng ai. Nhờ ơn nhân giả tôi được thọ năm giới cấm của Phật và được xa lánh con quý ác độc này thật là hạnh phúc cho tôi. Bây giờ nhân giả còn đi đâu nữa?

- Tôi cần qua nước Xá Vệ để yết kiến Phật. Thiếu nữ nghe lấy rất làm sung sướng khen rằng: "Hay lắm thay! Tôi sẽ về nhà đem cha mẹ tôi theo nhân giả đi yết kiến Phật". Nói xong, cùng nhau lên đường. Đi được nửa đường thì gặp một đoàn 498 người ở bên nước Xá Vệ đi về. Người kia và thiếu nữ mới hỏi: "Các hiền giả đi đâu đông thế?".

- Chúng tôi đi yết kiến Phật về đây.

- Chúng tôi sắp qua nước Xá Vệ, chúng tôi nhờ thọ trì Tam quy Ngũ giới và mười điều thiện của Phật nên mới thoát khỏi nạn quý ăn thịt. Nay chúng tôi muốn qua yết kiến để tạ ơn và nghe thuyết pháp. Các hiền giả được thấy Phật rồi còn đi đâu làm gì nữa?

- "Phật thuyết pháp suốt ngày, nhưng chúng tôi ngu độn chưa hiểu được rõ. Nay trở về nước được gặp hai hiền giả và được nghe hai hiền giả cho biết công đức của người trì giới pháp của Phật. Chúng tôi xin theo hai hiền giả trở lui một lần nữa để yết kiến Phật".

Phật ở xa trông thấy đoàn người kéo đến liền mỉm cười chói tỏa hào quang năm sắc, tôn giả A Nan liền bước ra quì sát đất, trong tâm nghĩ ngợi, chắc Phật sắp dạy điều gì đây.

Phật bảo A Nan: "Người có hiểu không, người có thấy 498 người khi này trở về đây không?".

A Nan thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy".

Đức Phật thuật lại tất cả việc xảy ra và bảo: "498 người đó ngày nay đã gặp

được thầy và đã được thấy Phật, rồi đây họ sẽ đắc đạo không lâu".

Cả 500 người đến trước Phật đánh lễ một cách rất thành kính và nhất tâm thính Pháp, mọi người đều được tâm ý thông suốt thành các bậc Sa môn và chứng được đạo quả A La Hán.

Phật dạy A Nan và chúng hội rằng: "Các người nên biết người phạm giới kia với thiếu nữ vợ con quý ăn thịt người là anh em trong nhiều đời vậy. Hai người này đời trước chính là thầy của 498 người kia đó, chớ không phải ai xa lạ".

Người đời phát tâm tu hành cầu đạo, thọ trì giới pháp, cần gặp được thầy hiền bạn tốt sự tu hành mới mong kết quả.

Phật dạy đến đây, các vị Tỳ kheo, 500 người ấy; và tất cả chúng hội đều sung sướng vui mừng, đánh lễ Phật, và nguyện nhất tâm giữ gìn tịnh giới.

**nhều tác giả**

Truyện Cổ Phật Giáo

**Máu Sanh Linh Không Rửa Sạch Tội Lỗi Của Người**

Tác giả: Huyền Thanh

Kinh thành Ba La Nại đang sống trong những ngày bối rối.

Khắp nơi, khắp nơi, những lễ đàn được dựng lên cao vọi. Tiếng nguyện cầu như muốn vượt mây tầng trời. Nhưng thuốc thang cũng đã nhiều, cầu đảo cũng đã lắm mà có ăn thua gì đâu?

Hôm nay cũng như mọi hôm, hoàng cung vẫn rộn ràng lo lắng. Mạng sống của Hoàng thái hậu như treo đầu sợi tóc. Thần chết chắc đang cầm lưỡi hái đợi chờ đâu đây. Bọn cung nga thế nữ vẫn túc trực đó, vẻ mỏi mệt hiện rõ trên nét mặt. Không biết họ thức trọn mấy đêm rồi?

Quốc vương Hòa Mạc thì như trong giấc mộng. Cứ nhìn gương mặt mẹ mình ngày một teo gầy lại, nhà vua thấy lòng tơi bời từng đoạn, cuộc sống không còn ý nghĩa gì nữa. Cung nga thế nữ mà làm chi? Lầu son gác tía mà làm chi? Nhà vua thấy có thể bỏ tất cả, hy sinh tất cả, miễn là mẹ mình được sống.

Tất cả những danh y trong nước đều đã được vời. Nhưng người nào cũng lắc đầu ái ngại. Vô kế khả thi. Hơi thở của mẫu hậu càng lúc càng khò khè, ngọt ngọt. Ôi còn chi đau đớn hơn cảnh một người con hiếu đang thấy mẹ mình chết dần mà không làm sao cứu được!

Cuối cùng nhà vua cho triệu tất cả những vị Phạm Chí xa gần về để hỏi nguyên nhân và phương pháp chữa bệnh cho mẹ mình. Họ đã về đầy đủ rồi đó, nhưng nào ai có ý kiến gì đích xác đâu? Người thì bảo Thần sông, kẻ thì bảo Thần núi. Họ đổ lỗi cho trăng sao trời đất... Thế rồi, đến khi nhà vua thiết tha xin phương pháp điều trị thì yên lặng. Im lặng nặng nề ngự trị... Ai dại gì mà bày tỏ cái bất lực của mình?

Bỗng một Phạm chí, có lẽ lớn tuổi nhất, đứng dậy nắm tay chiêm quẻ rồi trân trọng trả lời:

- Tâu đại vương, nguyên nhân bệnh trọng của Hoàng thái hậu cũng chẳng có gì khó hiểu. Âm dương không hòa hiệp, thiên địa quỷ thần trách móc,

Hoàng thái hậu lại mắt phải hung tinh, trách gì không yếu mệnh? Muốn khỏi, nhất định phải tìm đủ một trăm súc vật khác giống để tế đất trời. Đại vương và Hoàng thái hậu cũng phải đến tại lễ đàn cần đảo thì mới mong bảo toàn mạng sống và được bình an.

Quốc vương như người sắp chết khát bỗng gặp nước lành. Tình thương mẹ cộng thêm lòng mê tín dị đoan khiến nhà vua không suy nghĩ gì thêm trước khi thi hành ý kiến của Phạm chí. Một trăm sinh mạng đã được đổi lấy một mạng trong hy vọng.

Bầy súc vật được xua ra lễ đàn một cách tàn nhẫn. Có ai nghe tiếng kêu than của những kẻ vô tội sắp phải bị hành hình? Có những con cừ non biết mình sắp chết, cố dừng lại không chịu bước. Có những con bò cứ ngoái đầu trở lại, nước mắt chảy ròng ròng. Những bọn lính thì có kể gì cả. Chúng lấy roi dài quất vùn vụt vào thân đàn thú, lấy đá ném vào những con nào đi chậm nhất. Đã có những vết máu hồng hoen trên đường cỏ.

Xa giá cũng theo sát bầy thú vật. Hoàng thái hậu thì mê man trong chiếc xe lắc lư trên đường đá sỏi. Quốc vương Hoà Mạc thì luôn luôn nhìn ra ngoài, xem thử đã đến lễ đàn chưa? Lúc xe vừa ra khỏi cửa thành thì bỗng nhà vua giật mình nhòe dậy. Có cái gì uy nghiêm trên nét mặt của đại sĩ đang đứng chặn giữa đường. Đôi mắt sáng ngời làm cho ta mẩn phục, y vàng giản dị nhưng lại có tính cách siêu phàm.

Quốc vương bước xuống xe. Ngài ngạc nhiên thấy đoàn hầu cận của mình không biết đã quỳ rạp xuống từ lúc nào. Có những lời chúc tụng vang vang, không phải cho một vị quốc vương, nhưng mà cho một đấng vô cùng cao trọng. Ngài bỗng thấy sợ sệt. Không, Đạo sĩ có gì hung dữ đâu. Đó là cái run sợ của một đứa con thơ trước mặt mẹ hiền. Rồi riú riú chân, Vua cũng quỳ xuống. Muôn miệng một lời tung hô vang dậy: Kính chào Đức Thế Tôn!

Vâng chính là Đức Thế Tôn, Đức Phật Thích Ca. Cảm thông nỗi đau thương của một trăm sanh linh vô tội sắp phải bị hành hình, Phật đã từ Tịnh xá Kỳ Hoàn nước Xá Vệ, trèo đèo vượt núi về đây gieo mầm chân lý. Phật đỡ Quốc vương dậy và hỏi lý do việc cầu đảo. Quốc vương rơm rớm nước mắt trả lời:

- Bạch Thế Tôn, mẹ con lâm trọng bệnh đã lâu, không thang thuốc gì cứu khỏi. Nay theo lời Phạm chí con định dùng tinh huyết của một trăm con súc vật khác giống mà tạ lễ với trời đất. Kính lạy đấng Điều Ngự xin Ngài hãy chỉ đường vạch lối cho con.

Một con cừu nhỏ lê chiếc chân vấy máu đến ép mình vào chân Đức Phật, như để tìm một nguồn che chở thiêng liêng. Phật cúi nhìn và để một bàn tay lên đầu con thú nhỏ. Ôi cử chỉ mới dịu dàng và êm ái làm sao. Mắt cừu nhỏ gặp mắt Phật long lanh rồi nhỏ lệ. Cả đàn thú cũng ngược đôi mắt ướt hướng về Phật như muốn nói lên những điều oan ức, bất công.

Đức Phật trả lời:

- Nay Quốc vương, không nên theo những lời mê hoặc. Không một ai, dù là thiên thần quý vật, có thể ban phúc hay giáng họa cho người. Ta quyết định đời ta theo đúng luật nhân quả. Muốn được mùa nông dân phải cày sâu cuốc bẫm, muốn giàu sang phải bố thí cho kẻ nghèo hèn, muốn sống lâu phải thực hành Từ bi và không sát hại. Không ai có thể chối cãi điều đó.

- Nhưng bạch Thế Tôn, thiên địa quý thần là những kẻ có quyền phép, ta có thể nhờ họ giúp ta?

- Nay Quốc vương, người có thích mặc chiếc áo sơ sài của hành khất không? Người có tham bữa ăn tồi tàn của lớp cùng dân?... Chư thiên cũng thế Quốc vương ạ. Vốn là hạng người phát tâm theo mười điều thiện, khi mạng chung, họ đã được sanh lên một trong ba mươi sáu cõi trời. Ở đó có cung điện huy hoàng, có cung nga thế nữ hầu cận, y thực tự nhiên có... nào họ có cần chi những thứ đồ tạ lễ của Quốc vương, khi lấy huyết một trăm sanh mạng để mưu cầu hạnh phúc cho một người? Quốc vương thật đã làm một việc thiếu suy xét, mà chỉ tin theo lời đường mật của những tà sư. Tội đó lớn lắm.

Từ châu thân đấng Từ bi bỗng lóe lên muôn vàn ánh sáng, chiếu rọi cả muôn loài. Tất cả chúng sanh trong ba đường sáu nẻo bỗng thấy hân hoan và thấm nhuần ánh đạo. Toàn thể hai trăm vị Phạm chí thấy mình lầm đường lạc lối. Họ vội vã cùng nhà vua xin Phật tha làm đệ tử.

Hoàng thái hậu cũng thấy một sinh lực mới dào dạt chảy vào lòng. Bà đón nhận ánh sáng của chánh đạo, xả bớt lòng tham lam, phát tâm Bồ đề, cầu

đạo giải thoát. Liền đó bà thấy sức khỏe đã trở lại như xưa. Dưới chân cha lành, bà không ngớt lời chúc tụng.

Phật hiện từ nhìn đàn vật như an ủi, rồi theo lời mời của vua trở về cung.

Đêm ấy, có một trăm sanh linh thoát khỏi hành hình oan uổng. Cũng trong đêm ấy ở miền biên giới Ấn Độ xa xôi, dân gian say sưa uống những lời thuyết pháp của Đức Từ phụ. Lòng người rửa sạch oán thù, lũ cướp ác hung bỗng ghê bàn tay vấy máu của mình mà trở lại cuộc đời lương thiện. Chánh pháp tung ra, thấm vào từng bộ óc. Không còn cảnh chém giết ghê gớm, không còn người tin theo tà đạo.

Và non nước vui hưởng thái bình trong hào quang Từ bi và Trí tuệ.

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**NHẬN LẦM CON**

Có một chàng ngu kia sinh được đứa con trai, chăm chút thương yêu như ngọc như ngà. Một buổi sáng anh chàng đi ra chợ sớm, ở nhà lửa bốc cháy nhà và người ta bỗng đứa con anh chạy mất, lúc trở về thấy nhà cháy, anh không tiếc, anh chỉ cuống cuống lên khi không thấy con.

Một người láng giềng ước đoán chỉ vào thân của một kẻ bất hạnh đã cháy thành than và bảo: "Con anh chết cháy đây rồi". Thế là anh chàng tin ngay là thật, khóc than kẻ lẽ khôn xiết, rồi may một cái túi vải vuông bỏ năm tro tàn vào đó mang luôn bên mình không lúc nào rời. Rồi cứ đinh ninh rằng con mình đã chết cháy, và năm tro bên mình là xác con, không biết con mình hiện giờ đang còn sống.

Một buổi kia được thả, đứa con về gõ cửa kêu cha. Anh chàng buồn quá đóng cửa ngồi trong nhà, nghe gõ cửa hỏi vọng ra:

- Ai gọi đó?
- Con đây.
- Con, tôi đâu dám! Con tôi chết đã ba tháng rồi.
- Không, con còn sống đây mà, mở cửa cho con vào!
- Láo, cút đi! Con tao đã chết, mày là ai, đến đây nhận hảo thế? Cha con gì? Đứa con năn nì ngoài cửa mãi, người cha ngồi trong nhất định không mở cửa. Cuối cùng nó đành khắc khoải ra đi. Thương hại cho anh chàng! Cha con không nhận, lại nhận bị xương khô!
- Người ngu tự biết mình ngu, nên biết người ấy có trí;
- Người có trí tự cho là có trí, nên biết người ấy ngu nhất trên đời.
- Người ngu cố chấp sự hiểu biết của mình là đúng, nên không bao giờ chịu thừa nhận những điều hiểu biết của kẻ khác. Vì thế, không bao giờ họ đạt đến được chân lý.



**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**NAN ĐÀ TÔN GIÁ**  
Tác giả:Quảng Huệ

*Luân hồi nhân quả không sai  
Không tu ắt phải đọa đày khổ thân.*

Đã mấy năm qua. Từ ngày chứng nghiệm chân lý dưới gốc cây Bồ Đề, Đức Phật Thích Ca đã đặt chân lên nhiều kinh thành, nhiều thôn dã, nhiều đất nước để truyền bá đạo Từ Bi. Hàng đệ tử của Ngài càng ngày càng đông. Trên con đường giải thoát cho nhân loại không biên giới ấy, một hôm kia, Đức Phật trở về đất nước quê hương, nước Ca Tỳ La Vệ. Ngài thấy nhân loại đáng thương đang chìm trong sự lôi cuốn của cuộc đời có bà con thân thuộc mình, có... em Ngài, Hoàng tử Nan Đà.

Hoàng tử Nan Đà là em cùng cha khác mẹ với Đức Phật. Lúc Phật xuất gia, Nan Đà còn tấm bé, Nan Đà chỉ buồn thoang thoảng vì thiếu sự chăm sóc chỉ bảo của một người anh hiền từ. Thế thôi. Và tuổi trẻ cũng mau quên. Nan Đà lớn lên trong sự hầu hạ ân cần cẩn thận của cung vua. Không như anh. Nan Đà buông theo các thú vui. Cuộc đời bó hẹp lại, nhỏ dần trước mắt người thanh niên ham mê sắc dục. Nan Đà chỉ còn thấy các mỹ nữ trong giọng hát, trong điệu múa, trong những cuộc truy hoan...

Phật trở về giữa sự vui mừng của dân chúng. Ngài ở Tịnh xá và hàng ngày mang bình bát đi khất thực và truyền đạo như trong khi Ngài ở các nước khác. Lối sống bình dị ấy làm mọi người thán phục. Đời sống của kinh thành xáo trộn. Vàng bạc không còn là cứu cánh. Lòng thương yêu nhau, thương yêu đến cả các sinh vật được xem là cao quý. Người ta đã thấy những gì chắc thật của cuộc đời, thú vui chỉ là mong manh chốc lát.

Nhà vua đã mở nhiều cuộc bố thí, giảm nhẹ thuế má cho dân chúng.

Về phần Nan Đà, Nan Đà cũng cảm thấy vui. Những hình ảnh tươi đẹp của những năm xưa hiện lên. Nhưng trong hai người như có một cái gì khác nhau nhiều lắm, nên Nan Đà chưa dám gặp Phật. Nghe những lời ca ngợi

về lòng nhân ái, về cuộc sống bình dị của Đức Phật, Nan Đà tự đối chiếu với mình. Và đã có lúc chàng nghiệm thấy một cái gì mong manh, chóng tàn trong những cuộc vui say, trên nét nhàn mệt mỏi của những mỹ nữ qua những cuộc múa ca.

Một hôm, Nan Đà thức dậy sau một giấc ngủ dài mệt mỏi. Mặt trời đã lên cao. Chưa kịp sửa soạn, chàng đã thấy Đức Phật đang tiến vào nhà. Phật khoác chiếc y vàng, tay cầm bình bát, Ngài đi khoan thai như lùa vào đây tất cả những ánh sáng trong lành của buổi mai.

Phật không khác xưa nhiều lắm, vẫn gương mặt hiền lành nhưng thêm phần sáng suốt. Tất cả những hình ảnh trên diễn ra trước mắt Nan Đà đang đứng ngây người nhìn. Đức Phật tiến lại gần, ân cần hỏi han. Lời nói của Ngài dịu dàng làm cho Nan Đà nhớ lại những ngày vui vẻ thuở xưa, hồi ấy Nan Đà nhìn đời một cách đẹp đẽ. Rồi Ngài nói với Nan Đà:

- Từ lâu, ta vẫn thấy bên trong ra có phụ hoàng và em. Chính trong mục đích giải thoát cho loài người rộng lớn và cho những người thân thuộc mà ta thấy được đạo lý. Ta biết em đang khao khát chân thật. Ta đi trước em, ta đã biết rằng hạnh phúc chân thật không thể tìm ở đâu khác ánh đạo. Ánh đạo ấy ta đem về cho em đây.

Nan Đà im lặng, cảm động. Người đứng trước mình là anh, là thầy, là ân nhân? Nan Đà thấy trong người rạo rức một mối tình muốn hướng về đường lành. Chàng cúi xuống thân mến ôm bàn tay của Đức Phật đang đưa ra nâng chàng dậy. Đức Phật âu yếm:

- Đường ta đi sáng như sao nhưng khó khăn trở lực không phải là ít. Mà có sự thành đạt nào không phải mua bằng gian lao, ta đã nghiệm điều đó. Biết em có đủ trí lực để vượt qua không?

Nan Đà ngẫm nghĩ rồi nguyện theo Phật. Chàng sửa soạn rất nhanh chóng. Phật đã tiến ra cửa. Ngài bước đi, Nan Đà theo Ngài, tuy lòng đang dâng lên một cái gì âm ỉ, trong sáng như ánh nắng và trời đất tươi đẹp bên ngoài. Hai người cùng tiến về Tịnh xá.

Đến Tịnh xá, Phật bảo các đệ tử sẵn sóc cho Nan Đà. Người ta thay chiếc áo gấm xanh và khoác cho chàng chiếc áo nâu bản vải. Người ta dành cho chàng một phòng rộng ngó ra vườn hoa. Nan Đà ngồi xuống chiếc ghế mây

rồi nhìn ra vườn. Trăm hoa đang mở rộng tung cánh để đón ánh trời, màu hồng tươi mát của đào. Màu vàng dịu của mai, màu trắng như tuyết của huệ, nổi bật lên trên màu xanh tươi của lá cây. Đây đó một vài đạo sĩ đang ngồi trên các phiến đá trầm tĩnh niệm Pháp. Trong cái yên lặng, lâu lâu có điểm một tiếng chuông ngân dài. Nan Đà thấy một sức sống mạnh mẽ của muôn cây, một sự rạo rực hướng về đạo của con người. Thật là một thay đổi cực kỳ lớn lao trong tâm hồn vị Hoàng tử thanh niên.

Nhưng rồi có những lúc Nan Đà thiếu một cái gì. Chàng tiếc rẽ cái áo gấm chằng? Đâu phải thế! Trước đây cũng có nhiều lần chàng áo ước cởi bỏ nó đi để được mát mẻ. Chàng tiếc một cái gì? Đó là các sinh hoạt cũ, cái lối ăn chơi say sưa bên cạnh những người vũ nữ có bàn tay ngọc ngà, có thân hình mềm mại.

Đức Phật thừa hiểu rằng trong một sớm một chiều, Nan Đà chưa thể giác ngộ được chân lý nên chú ý đến Nan Đà nhiều hơn các đệ tử khác. Một hôm, có người mời Phật đi thọ trai, Ngài không đưa Nan Đà đi mà còn kêu đến đưa bình bát cho và dặn nhà múc nước đổ vào cho đầy.

Được ở nhà, Nan Đà là vui thích vì chàng thấy có cơ hội trở về thăm cung điện và các mỹ nữ. Biết như thế là sai lầm nhưng có một sức mạnh nào thúc đẩy mãnh liệt. Dầu sao, Nan Đà cũng không quên lời Phật dặn "đổ nước vào bình bát" mà chàng không biết đổ để làm gì. Cái bình bát nhỏ bè này, hãy đổ vào một gàu là đầy ngay và rồi sẽ trở về thăm cung điện cũng không muộn. Nan Đà đem bình bát ra giếng. Chàng xách lên gàu nước và đổ nước vào. Chàng cẩn thận để nước khỏi đổ ra ngoài. Lạ quá! Gàu nước đổ hết rồi mà sao không thấy nước tràn lên miệng bình. Nan Đà cúi xuống xem bình bát có bị nứt không. Tuyệt nhiên không một đường rạn nào, lớp men vẫn liền lóng. Chàng múc gàu nước thứ hai, thứ ba, thứ tư và liên tiếp nhanh tay đổ vào. Lạ thật, không có nước chảy ra ngoài mà nước đổ vào biến đi đâu cả.

Nan Đà đã mệt nhoài mà bình bát vẫn không được một tí nào cả. Làm sao để về thăm cung điện? Nôn nả quá, chàng để bình bát ngay bên giếng và vụt chạy đi, hẹn trong lòng chốc trở lại sẽ tiếp tục đổ nước vào.

Chạy được một quãng, Nan Đà thấy ở xa có đoàn người đi ngược lại.

Chàng dừng lại nhìn. Khốn rồi! Chính Phật và đoàn đệ tử thọ trai về. Nan Đà biết không có cách nào tránh khỏi, bèn nép bên đường, cúi mặt nhìn xuống đất. Phật đến bên Nan Đà hiền lành bảo:

- Thôi! Trở lại. Em hãy còn lời hứa đối với ta, còn công việc ta giao chưa làm xong. Hãy tự chiến thắng mình mới đi đến đích cuối cùng.

Nan Đà đi theo Ngài cùng trở về Tịnh xá.

Năm hôm sau, trong cuộc du hành thuyết pháp ở cõi trời, Phật cho Nan Đà đi theo, Nan Đà mừng lắm.

Đây là một trong những cõi trời đẹp đẽ và hạnh phúc nhất. Không biết bao nhiêu lâu đài tráng lệ nguy nga. Những chiếc bàn, những độc bình bằng thủy tinh muôn màu rực rỡ. Những vườn hoa với các cây xanh mướt, quanh năm hoa nở thắm tươi và tỏa mùi hương nồng ấm. Ánh sáng một màu huyền ảo. Mặt trời không gay gắt, ban ngày vẫn có sao sáng và ban đêm trời luôn luôn sáng, thứ ánh sáng vàng trắng của những đêm rằm.

Phật đưa Nan Đà đến một cung điện rực rỡ. Các tiên ông râu bạc trắng ra đón tiếp. Phật thuyết pháp cho họ nghe. Trong lúc đó các nàng tiên mời Nan Đà đi xem khắp nơi. Chỗ nào Nan Đà cũng tấm tắc khen ngợi. Rồi các nàng tiên múa cho Nan Đà xem. Những gương mặt tươi đẹp như chưa bao giờ lo buồn, các điệu múa uyển chuyển như còn gởi mãi trong không gian các đường nét mềm mại. Sau đó Nan Đà hỏi họ:

- Ai sẽ có vinh hạnh hưởng cảnh sống êm đẹp trong những cung điện ở đây?

Các nàng tiên nhỏ nhẹ thưa:

- Cung điện, vườn hoa, ánh sáng ở đây đang chờ đón một người tên là Nan Đà, nếu người ấy tu hành được chánh quả.

Nan Đà sung sướng nhẹ nhõm khi theo các nàng về cung điện.

Trên đường về Tịnh xá, Nan Đà định hỏi Phật xem lời các nàng tiên nói có đúng không, nhưng không dám, chỉ tự bảo với mình phải cố gắng tu tập. Nhưng biết đến bao giờ mới lên cõi trời sung sướng. Nan Đà nôn nả nên thiếu thái độ hiền từ, tĩnh tâm, định trí. Và cái hăng hái của những ngày mới trở về lần lần phai nhạt.

Một thời gian sau, Phật lại chuẩn bị một cuộc đi truyền thuyết xa và Nan

Đà cũng được đi theo. Lần này Phật dẫn chàng xuống địa ngục.

Địa ngục bày ta trước mắt Nan Đà trước những cảnh tượng ghê rợn. Đây là một người đàn ông bị ép dưới một tảng đá khổng lồ. Tảng đá lún dần, lún dần trong tiếng kêu thắt nghẹn trong tiếng răng rắc của bộ xương ngực, xương tay, xương chân đang dập nát. Đây là một người đàn bà mang trên đầu một vành lửa đỏ. Tóc của người ấy cũng cháy khét lẹt; và tay bị trói chặt ra phía sau, người đàn bà vừa chạy vừa kêu không ra tiếng người. Nan Đà biết những hình phạt ấy là do sự tàn ác của họ ở kiếp trước nên im lặng đi theo Phật. Gương mặt của Ngài tỏ vẻ vô cùng thương xót và Ngài cầu nguyện cho họ.

Đến một đoạn nữa, Nan Đà thấy trước mặt có năm chảo dầu xếp thành hàng dài trước mặt một cái đèn tối om. Năm con quỷ đang sắp sửa đun lửa. Trong bốn cái chảo đã có bốn người không rõ là đàn ông hay đàn bà. Lửa đỏ, dầu gần sôi. Người trong chảo vẫy vùng, chồm lên rồi lại rơi xuống. Tiếng kêu của họ tắt đi trong tiếng sôi sùng sục của dầu, tiếng củi cháy phừng phực. Nan Đà đến gần con quỷ coi chảo dầu thứ năm và hỏi:

- Tại sao trong này lại không có người nào?

Con quỷ không nhìn Nan Đà, chăm chú coi lửa và trả lời:

- Chảo không này cứ đun sẵn, để dành riêng cho một người tên là Nan Đà nếu người ấy biếng nhác, không lo tu tập.

Nan Đà giật nảy mình và không dám hỏi thêm gì nữa.

Từ độ ấy về, Nan Đà không một chút nào dám xao nhãng việc tu niệm, chàng lo tụng niệm, thuộc lòng kinh kệ. Mãi đến chiều chiều, Nan Đà mới để một ít thì giờ đi dạo ngoài vườn Tịnh xá.

Nhưng có một điều là chàng đến chỗ nào, người chỗ ấy đều lánh đi nơi khác. Nan Đà bực lắm. Có một hôm Nan Đà đến gặp Ngài A Nan, Ngài A Nan là em họ chàng và là đệ tử yêu mến nhất của Đức Phật. Thấy Nan Đà đến, Ngài A Nan cũng lánh đi nơi khác. Không thể giữ nổi sự bực bội trong lòng, chàng đến trước mặt Ngài A Nan là lấy lời kính cẩn thưa:

- "Xin chú cho tôi biết vì lẽ gì các Ngài và chú lại không muốn gặp tôi. Tôi tưởng đã ở một đạo với nhau, hơn nữa lại là bà con, chú cũng không nên đối xử với tôi như thế".

Ngài A Nan biết không còn cơ hội nào tốt hơn cơ hội này để trình bày cho Nan Đà rõ đầu đuôi nên ôn tồn bảo:

- Chúng ta tuy theo một đạo nhưng mục đích chúng ta không giống nhau. Anh nhắm một mục đích khác. Anh tu hành để được lên cõi tiên, để sống trong hạnh phúc, riêng anh, tu hành vì cảnh khùng khiếp của địa ngục. Anh Nan Đà ơi! Mục đích của anh hẹp hòi. Phải lấy sự đau khổ của chúng sinh làm đau khổ của mình, xem thường tài sản và tính mệnh của mình, phát tâm thực hành lục độ để giải thoát vô lượng chúng sanh. Đó là mục đích của thầy ta, của chúng ta, của những người tu hành chân chính.

Ngài A Nan dừng lại để Nan Đà kịp suy nghiệm. Rồi âu yếm nhìn Nan Đà Ngài nói tiếp.

- Anh Nan Đà ơi! Đường tu hành còn dài lắm, cho đến khi nào chúng sinh không còn khổ đau. Cho nên không nhìn một mục đích cao rộng, ta sẽ dễ nản lòng thối chí như anh, đã có lần muốn bỏ dở công cuộc nửa chừng. Phải can đảm lên anh ạ! Quả lành sẽ đến với chúng ta.

Lời Ngài A Nan đi thẳng vào tâm can, vào trí óc A Nan. Từ đó Nan Đà công phu tu luyện với mục đích cao quý giải thoát cho chúng sanh và một ngày kia, bước theo A Nan, Nan Đà trở thành một đệ tử chân chính của Đức Phật, trở thành Nan Đà tôn giả đáng kính mến muôn đời của chúng ta.

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**PHƯỚC BÁO CỦA SỰ BẢO VỆ SANH LINH**  
Tác giả: Đức Tâm

Dùng lòng từ bi cứu một mạng sống đặng phước báo không kể xiết.

Thuở xưa, có một vị La Hán ở trên núi tuyết đã chứng Lục thông: thấy rõ việc trong ba đời như xem việc trước mắt. Nên danh tiếng vang lừng, người đương thời đều cảm phục.

Vị La hán kia có nuôi thiếu niên Sa Di làm đệ tử.

Một hôm, vị thiếu niên đệ tử đứng hầu bên cạnh thầy. Vị La hán xem qua sắc tướng của vị đệ tử mình, Ngài liền buồn rầu bảo vị thiếu niên đệ tử rằng:

- Con ơi, Thầy xem sắc tướng hôm nay, Thầy rõ biết phước báu của con đến nay đã gần hết, sau bảy ngày nữa mạng con sẽ chết. Thôi Thầy trò ta ngày nay vĩnh biệt. Thầy cho con trở về nhà thăm bà con quyến thuộc và cho con được thấy cha mẹ con trong phút cuối cùng.

Nghe xong, thiếu niên Sa Di chỉ biết đau đớn đánh lễ thầy rồi gạt lệ từ tạ ra đi.

Trên đường về, gặp phải trận mưa lớn, thiếu niên Sa Di rẽ qua con đường hẻm thấy một bầy kiến nhỏ đang chơi vui trên một dòng nước nhỏ chảy ngang đường. Bầy kiến hết sức chống đỡ, nhưng vô hiệu; vì thân nhỏ sức yếu mà dòng nước quá mạnh, nên đành để dòng nước tự do dầy xéo, và chờ dòng nước đưa về cõi chết.

Thiếu niên Sa Di thấy vậy, động lòng từ bi, liền cởi chiếc áo đang mặc trong mình ngăn ngang dòng nước để đàn kiến có chỗ leo vào, những con nào kiệt sức, không thể leo vào áo được, thiếu niên Sa Di nhẹ tay bắt từng con bỏ vào áo, rồi đem bỏ vào chỗ khô ráo. Hai ba phen xem xét thấy bầy kiến chắc chắn thoát chết, mới yên lòng về nhà.

Đến nhà, trong thời gian bảy ngày, thiếu niên Sa Di lo sợ chờ ngày mạng chung. Nhưng đến ngày thứ tám, thiếu niên vẫn còn sống. Thiếu niên Sa Di mừng rỡ trở về chỗ thầy.

Đến nơi, vị La hán hết sức ngạc nhiên! Không biết vì sao đệ tử mình đến bây giờ mà vẫn còn sống. Ngài liền nhập định dùng diệu trí quan sát mới biết đệ tử mình do công đức cứu bầy kiến nên bảy ngày không chết mà còn sống lâu được nữa.

Sau khi xuất định, vị La hán giải cho Sa Di rõ lý do thoát chết, và giải nghĩa chữ từ bi.

Từ đấy, thiếu niên Sa Di tinh tấn tu hành không bao lâu chứng đặng đạo quả.



**nhều tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**MỤT GHÈ NÓI TIẾNG NGƯỜI**

Đời Đường vua Ý Tôn ở đất Trường An có một nhà sư mắc phải bệnh cùi, hằng ngày thất tha thất thiếu trong bộ quần áo lang thang, mặt mày khô đét, thân hình gầy còm, tay chân lở lói, ai trông thấy cũng gớm nhờm.

Thình thoảng, một vài người vì động lòng trắc ẩn, biếu cho chút ít quà bánh không đáng giá, ngoài ra không ai buồn đả động đến, hoặc hỏi han điều gì cả, vì vậy chẳng ai biết nguyên quán nhà sư ở đâu. Một hôm, trên con đường lớn xuôi về cổng chùa An Quốc, nhà sư tình cờ gặp Ngô Đạt, lúc ấy chưa phải là một tu sĩ nổi danh.

Thấy người đồng đạo trong cơn hoạn nạn, Ngô Đạt quá đau thương cố thỉnh về ở với mình. Trước tâm tình chân thật, lời lẽ thiết tha của Ngô Đạt, nhà sư nhận chịu. Ngô Đạt rước về chùa, kính như bậc thầy, hết lòng cung phụng. Mỗi ngày sáng dậy, Ngô Đạt lấy nước nóng, rửa lau ghè lở, tuyệt đối không tỏ vẻ gì nhờm gớm cả. Sau một thời gian khá lâu, nhà sư từ già ra đi, Ngô Đạt tỏ lòng quyến luyến, cầm cọng lăm lờ, nhưng nhà sư không đổi ý. Thấy thế Ngô Đạt thiết tha xin theo để sớm hôm giúp đỡ, nhà sư cũng từ chối nốt, bảo rằng: "Trên đường danh đức, ông ngày sau sẽ được hiển đạt, ông nên ở lại, đừng nghĩ việc theo tôi mà phải trôi nổi bình bồng, mai một khả năng siêu tuyệt của mình". Nhưng điều này nên để dạ: "Hãy cẩn thận trong khi hưởng thụ những phần hưởng danh dự, vì nó có thể làm tổn thương đạo niệm của mình. Tôi hết sức cảm nghĩa tốt của ông, vậy nếu sau này có bị tai nạn gì hãy nhớ qua đất Tây Thục, xứ Bành Châu, núi Trà Lung mà tìm tôi. Cứ đến lưng chừng núi, chỗ có hai cây tòng to tục gọi là "Song tòng lãnh" chúng ta sẽ gặp nhau".

Dặn dò xong, nhà sư từ biệt, Ngô Đạt rơm rớm nước mắt, trông theo đến khi khuất bóng mới quay gót trở về.

Ngày qua tháng lại, Ngô Đạt đến thời kỳ hiển đạt. Bấy giờ ở kinh đô, người người đều quen biết và khâm phục danh đức của Ngài. Một vị sư có tài, có đức, giảng pháp hay, hiểu biết rộng, tiếng tăm vang dậy khắp nơi.

Vua Ý Tôn qua nhiều lần thăm dò, trải bao cơn thử thách, mới chịu thỉnh Ngài vào cung giảng đạo. Cách ít lâu lại phong Ngài lên làm Quốc sư và ban cho một pháp tòa bằng gỗ trầm thơm quý. Danh vọng này còn danh vọng nào hơn! Một hôm, nhân lên ngồi trên ghế trầm, nghĩ mình tài đức ai bằng, vua kiêng, quan phục, trăm họ kính nhường, Ngô Đạt thấy thật không còn nấc thang nào cao hơn nữa. Lòng tự đắc dâng lên tột độ, bỗng nghe xây xẩm mặt mày, Quốc sư vội bảo đồ đệ dìu vào phương trượng, nằm mê man suốt hai ba giờ mới tỉnh lại. Cảm nghe trong mình khó chịu biết đã thọ bệnh, chợt rờ xuống gối nghe đau vén quần lên, thật là hết sức kinh ngạc. Một mụn ghẻ giống tạc như mặt người, có mày mắt, miệng, tai, mũi đủ cả. Ghê tởm quá! Kinh sợ quá! Quốc sư ngất đi, các đồ đệ kêu vực mãi mới mở mắt, bỗng nghe dưới mụn ghẻ nghiêng răng, đau buốt thấu xương, khổ sở quá không phương gì cứu chữa. Các danh y và Quốc y đều được vua mời đến chữa cho Ngài, mà mỗi lần thoa thuốc men là mỗi lần chết giấc chớ không thấy thuyên giảm phần nào cả. Nhưng lạ, hễ mỗi lần dứt thịt vào thì lại thấy mụn ghẻ ăn ngay và lại nghe trong mình êm ái dễ chịu. Thật là một quái bệnh xưa nay chưa từng thấy. Các danh y, quốc y đều thúc thủ lẫn lóc chịu khổ sở mãi như thế đến hơn tháng trời, năm nghĩ cuộc đời chả ra chi, thân như bọt nước thoát có, thoát không, thoát còn, thoát mất, đáng ghê sợ. Nhân nhớ đến vị sư bệnh khi xưa, ôn lại những lời dặn dò thiết yếu, Quốc sư sức tình, bèn cố gắng một thân bị đau nhức, cắn răng lần mò qua đất Tây Thục, xứ Bàn Châu.

Vất vả khổ sở suốt mấy tuần mới đến chân núi Trà Lung. Bởi đường dốc quanh co, nên mãi đến lúc hoàng hôn mới tìm ra được dấu. Kia hai cây tòng đà lộ bóng, nhưng vị sư đâu chẳng thấy hình dạng; nếu không tìm gặp, thì đêm nay không khỏi dả thú nhai xương giữa chốn rừng núi hoang vu, không một bóng người thấp thoáng. Ngô Đạt đang ngờ ngác đoái nhìn bốn phía, lòng những lo sợ bồi hồi, thì may quá, hình bóng thân yêu và quen thuộc khi xưa của vị sư, bỗng hiện ra trong một gộp đá gần đấy. Một tiếng kêu rú thất thanh vì mừng, Ngài Ngô Đạt bắt chắp đầu đón, chạy lại và leo nhanh lên gộp đá, ôm choàng lấy vị sư hỏi han rồi rít. Khi bộc lộ hết những nỗi vui mừng, khao khát của mình rồi, Ngài bèn kể bằng nước mắt sự khổ

sở đau đớn của mình cho vị sư nghe. Vị sư thốt lời an ủi và dìu dẫn Ngô Đạt về Thảo am trên lưng chừng núi, Ngô Đạt thưa:

- Bạch Thầy, kẻ đệ tử đang lâm vào cơn khốn nạn, bức bách, khổ sở không còn bút mực nào tả xiết, xin thầy rủ lòng từ bi ra tay tế độ giúp cho đệ tử thoát nạn, ơn đức Thầy thật vô lượng vô biên.

Không hại gì, vị sư đáp, oan oan nghiệp chướng của ông đã vay từ nhiều đời về kiếp trước, ngày nay phải đến thời kỳ đền trả. Ông phải ăn nhả trả xong mỗi nợ máu tiền kiếp ấy, mới có thể giải thoát được. Đức Thế Tôn ta khi xưa còn thị hiện nạn gươm vàng đâm vết, ăn lúa ngựa thay, huống chúng ta là hạng người phàm phu làm sao mà thoát được. Nợ mình đã trả thì sẽ hết, nhưng cần thiết là đừng nên vay nữa mới được.

- Thưa thầy, thầy nói nợ máu là thế nào đệ tử không hiểu ra sao cả, xin thầy hoan hỷ giảng cho.

- Chuyện ấy rồi ông tất sẽ rõ, vì đã có người sẽ nói cho ông nghe giờ khắc rất gần đây.

Rạng ngày hôm sau, nhà sư dạy đồng tử dẫn Ngô Đạt xuống ngọn suối dựa triền, lấy nước rửa ghê. Đồng tử vừa toan khoát nước thì thoát nghe tiếng thét từ trong ung thư phát ra: "Khoan, hãy khoan đã, ta có việc cần muốn nói với ông".

Ngô Đạt và đồng tử đang cơn kinh ngạc, thì chợt tiếp lời:

- Tiếng đồn ông là người học rộng, vậy ông đã từng đọc sách Tây Hán chưa?

- Đã có xem qua vài lượt, Ngô Đạt đáp.

- Vậy ông có nhớ chuyện người Viên An dèm tâu với vua Cảnh Đế chém chết Triệu Thố ở phía đông chợ chằng?

- Nhớ lắm, nhớ lắm. Nhưng hỏi thế để làm gì?

- Chính ông là Viên An còn Triệu Thố là tôi, ông giết tôi oan đến dường nào, ông có biết chằng? Thù ấy, oan ấy, thâm xương thấu cốt tôi đã từng mười đời theo dõi bên ông để tìm dịp báo oán, nhưng suốt mười đời ông luôn luôn làm bậc cao tăng, tinh nghiêm giới luật, tôi đành ôm hận, nhưng quyết theo mãi, đến khi nào trả xong mỗi thù, đòi xong món nợ máu mới thôi. Mới vừa rồi, được dịp thuận tiện, ông vì vua kính chuộng, ban cho tòa

trầm hương, phong làm đến Quốc sư, vinh quang hiển hách, do đó tâm danh lợi nổi lên, khí kiêu căng bừng khởi, khuyết phần đức hạnh, tôi mới nhân cơ hội đó làm hại ông để đòi món nợ nần trên. Ngày nay, nhờ Ngài Ca Nặc Ca Tôn Giả thương xót ra tay cứu giải cho ông, lại cho dùng nước Tam muội rửa tội, nhờ thần lực của Ngài khiến cho ông và tôi, từ đây oán hận không còn, cừu thù tan mất, vậy kính khuyên ông, hãy cố gắng tinh tấn tu hành và chúc ông vuông tròn đạo nghiệp. Tôi xin chào vĩnh biệt.

Ngộ Đạt nghe xong, đẩy mình mọc ốc. Đồng thời với tay khoát nước rửa mặt ghẻ, nước vừa chạm đến thịt, Ngộ Đạt nghe đau buốt thấu xương, ngất lịm hồi lâu. Khi tỉnh lại, mặt ghẻ đã lành da thịt liền lại như xưa, không chút vết sẹo nào. Quốc sư mừng quá đến chảy nước mắt, vội trở lên núi cảm tạ ơn dày của Tổ, tự thệ từ đó tinh tiến tu hành không dám chậm trễ nữa.

Tương truyền bộ Thủy sám ba quyển vốn tự tay Ngộ Đạt viết ra để làm pháp sám sau khi lành bệnh.

Hết

**nhều tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**QUỖ LA SÁT**

Xưa có một đoàn ca kịch vừa đi du lịch khắp nơi, vừa kiếm ăn bằng lối diễn tuồng. Trong các vở tuồng, đặc sắc nhất là vở tuồng "Qui La Sát" vừa rùng rợn lại vừa thích thú.

Chiều hôm nọ, đóng tuồng Qui La Sát hay quá rất được công chúng hoan nghênh. Đóng xong đoàn ca kịch thu xếp đồ đạc để qua tỉnh khác. Có kẻ vì quá yêu chuộng, nài cầu ở lại bằng cách dọa dẫm: "Các ông ở lại đây sáng rồi hãy đi. Bây giờ đã chiều mà phải đi qua một cánh rừng rậm, trong rừng nhiều Quỷ La Sát lắm, nhất là lỡ ra đêm xuống mà chưa ra khỏi rừng". Mấy chàng kịch sĩ cười phì: "Chúng tôi đây vốn đã là Qui La Sát, còn sợ La Sát nào nữa!". Thế rồi cả bọn đồng sửa soạn cất bước vượt rừng. Nhưng chưa ra khỏi rừng thì trời đã tối hẳn. Cả bọn đồng ý nghỉ lại trong rừng, mai sáng họ sẽ đi. Họ đi bẻ cành khô, hốt lá về đốt lửa lên, rồi trải tạm những tấm màn phong để ngủ, cắt phiên ngồi canh lửa, rồi thì vì mệt mỗi đồng lăn ra mê mết.

Nửa đêm độ vào canh một, sương xuống nhiều quá, trời lạnh chành gác lửa run lấy bầy, bèn mở rương lấy tạm một bộ đồ diễn kịch khoác vào người rồi ngồi gật gù bên đống lửa hồng. Bộ đồ kia lại là bộ đồ Qui La Sát. Có tiếng chim kêu, một người nằm ngủ vụt thức, ngoái cổ lên nhìn xem lửa còn cháy và người bạn canh lửa còn đó không. Nhưng kinh sợ biết bao! Người bạn canh lửa đâu chả thấy, chỉ thấy có một con Qui La Sát ngồi gật gù bên đống lửa. Lòng gáy dựng ngược, hoảng lên, anh chàng chồm dậy vừa chạy vừa la: "Qui La Sát! Qui La Sát". Bọn người thức dậy mắt nhắm mắt mở, nghe kêu tưởng là có quỷ thực, cũng la lên và bỏ chạy theo người trước không kịp suy nghĩ. Anh chàng gác lửa thiu thiu, nghe tiếng kêu tỉnh dậy, thấy bọn kia chạy hết thì cũng tưởng rằng có quỷ thực, bèn vội vàng mang cả bộ áo La Sát mà chạy theo. Bọn trước chạy được một khoảng khá xa ngoái lui trông thấy "hắn" theo sau, càng sợ, càng chạy, anh chàng gác lửa thấy bọn trước chạy vùn vụt như tên thì tưởng đâu quỷ đã kề sau lưng mình rồi, nên

lại cố gắng đuổi. Bọn trước thấy "hắn" đuổi gấp, lại càng hoảng hốt cứ thế chạy cho đến mệt nhoài, đuối sức, trầy da chảy máu, cuối cùng hết hơi nằm lăn ra, đến khi biết rõ, tất cả đều bị thương, đau đớn khắp mình...

Con người vì thành kiến sai lạc, vì vô minh che lấp nên đua nhau chạy theo ảo tưởng trần gian và mua chuốc lấy bao nhiêu là đau đớn khổ nhục.

Hết

## **nhều tác giả**

Truyện Cổ Phật Giáo

### **CÂY ĐÈN KỶ LẠ**

Tác giả: Thiện Châu

"Công đức cúng dường không đánh giá nơi phẩm vật, mà căn cứ nơi sự thành tâm".

Sau lễ tiễn đưa Phật và các thầy Tỳ kheo trở về tịnh xá Kỳ Hoàn, vua A Xà Thế cùng với đình thần trở lại nội cung để dự buổi yến thân mật và bàn một vài việc cần làm thêm trong ngày đại lễ hôm ấy:

Câu chuyện mở đầu trong bữa tiệc là những lời sau đây do vua A Xà Thế phát khởi.

- Các khanh! Quả nhân rất bằng lòng và thỏa mãn về việc các khanh đã lo liệu quá ư tươm tất trong buổi lễ cúng dường Phật và giáo hội vừa rồi.

Hướng đôi mắt về phía đại thần Kỳ Bà, Vua A Xà Thế nói tiếp:

Kỳ Bà! Khanh nghĩ hộ quả nhân xem còn có việc gì đáng làm nữa để quả nhân tận hiến tất cả chí thành lên đức Chí Tôn và giáo hội - những người tận tụy trong công việc giáo hóa chúng sanh nói chung, thần dân của quả nhân nói riêng, trở về với ánh sáng chân lý.

Đứng dậy ngẫm nghĩ trong chốc lát, rồi đại thần Kỳ Bà thông thả tiếp:

- Tâu đại vương, ngoài sự cúng dường trai phạn và y phục mà Đại vương đã dâng lên đức Chí Tôn và giáo hội, theo thiển ý của hạ thần thì không việc gì có ý nghĩa hơn việc cúng dường ánh sáng. Vì ánh sáng trượng trượng cho trí tuệ, cho sự giác ngộ; ở đâu có ánh sáng thì ở đó bóng tối tan mất. Cũng như ánh sáng Phật và giáo hội đến đâu thì ở đó si ám và tội lỗi đều tiêu sạch. Ngụ ý của hạ thần chỉ có bấy nhiêu, kính mong bệ hạ thẩm xét.

- Hay lắm! Ý kiến của khanh rất chí lý! Tiện đây nhờ khanh thay quả nhân sắm sửa cho thật nhiều đèn đuốc để tối hôm nay dâng lên Phật và giáo hội tại tịnh xá Kỳ Hoàn.

Đại thần Kỳ Bà vâng thuận. Buổi tiệc bắt đầu và tiếp diễn trong tình thân mật giữa nhà vua và các vị cận thần.

Chiều hôm ấy, trên đường trở về xóm nghèo, một bà lão hành khất gặp rất

những xe cộ, lính tráng, tấp nập khuân chở những thùng dầu, đèn và cả những chiếc lồng đèn ngũ sắc rực rỡ.

Hỏi thăm, bà lão hành khất biết đó là lễ vật của nhà vua đem cúng dường Phật và giáo hội.

Hình tướng trang nghiêm của Phật và các thầy Tỳ kheo lại hiện về trong óc bà. Bà vui hẳn lên và rất tán thành việc làm có ý nghĩa của nhà vua. Và xét lại tự thân, thấy mình chưa làm được một công đức nào đối với Phật và giáo hội, bà tự nghĩ phải sắm phẩm vật để cúng dường mới được. Thò tay vào bị, bà lão moi ra vón vện chỉ có hai tiền. Một sự quyết định nhanh chóng trong lòng khiến bà hoan hỷ đi ngay vào một cái quán gần đấy...

- Thưa cậu! Làm ơn bán cho tôi hai tiền dầu thắp.

- Bà mà mua dầu làm gì? Sao không mua đồ ăn lại mua dầu, nhà cửa đâu mà dầu với đèn!

- Thưa cậu! Tôi thường nghe các bậc hiền đức trong làng bảo: "Ngàn năm muôn thuở mới có một đức Phật ra đời; người nào có nhiều phước duyên lắm mới được gặp". Hôm nay tôi may mắn được gặp nhưng chưa có lễ mọn nào để dâng hiến lên Ngài. Điều ấy làm tôi vô cùng ân hận. Nhân tiện vua A Xà Thế sửa soạn đèn đuốc để dâng lên Ngài và giáo hội, tuy nghèo khổ, tôi cũng xin nguyện đem hai tiền mới xin được đây mua dầu dâng ánh sáng lên Ngài.

Nghe bà lão hành khất tỏ tấm lòng chân thiết đối với Đấng Giác ngộ, người chủ quán nhìn bà một cách cảm mến và hạ giọng: Hai tiền chỉ được hai muống, nhưng tôi xin tặng bà ba muống nữa là năm, và cho bà mượn luôn vệt đèn này. Mong bà nhân cho.

Sau khi cảm ơn người chủ quán, bà lão ra về với bao niềm hoan hỷ vì được người khác biểu đồng tình và giúp mình trong công việc phước thiện.

Trời chưa tối hẳn, những cây đèn xinh xắn, lồng lẫy của nhà vua đã được những đội thị vệ thắp sáng. Tịnh xá Kỳ Hoàn như vui nhộn hẳn lên. Đó đây vang lừng những điệu nhạc dịu dàng, nhịp nhàng với lời ca ngợi của những cận thần thay nhà vua tán thán công đức của Phật và giáo hội. Từng đoàn người lũ lượt đi dự lễ, đông như trẩy hội. Bà lão hành khất cũng tiến mau về phía Tịnh xá và dừng bước trước những hoa đăng rực rỡ, bà vội vàng



đến rót dầu vào cây đèn mà bà đã lau sạch và thay tim. Vừa mỗi ánh sáng bà vừa phát nguyện: "Cúng dường ánh sáng này lên Đức Thế Tôn và giáo hội, con chỉ cầu mong làm sao con cũng sẽ được trí tuệ sáng suốt như các Đấng Giác ngộ trong mười phương". Bà lại nghĩ: "Dầu ít như vậy có sáng cũng chỉ đến nửa đêm là cùng". Nhưng mạnh dạn bà thầm nguyện: "Nếu quả thật sau này tôi sẽ được giác ngộ như lòng tôi mong muốn hôm nay, thì số dầu ít ỏi này cũng làm cho cây đèn này sáng mãi không tắt".

Sau khi treo cây đèn trên một cành cây, bà lão hành khất đi thẳng vào tịnh xá, chí thành lễ Phật rồi ra về...

Số đèn của nhà vua, tuy được những đội lính thay nhau lo việc châm dầu, thay tim, nhưng ít cây được sáng suốt đêm, cây thì bị gió thổi tắt, cây thì bị phật cháy...

Duy cây đèn của bà lão hành khất thì ánh sáng nổi bật hơn muôn vạn cây đèn khác và cháy mãi đến sáng mà dầu vẫn không hao.

"Này đệ tử! Trời đã sáng, hãy ra tắt hết những cây đèn còn đỏ", Đức Phật dạy với Ngài Mục Kiền Liên như thế.

Tôn giả Mục Kiền Liên làm theo lời Phật. Nhưng đến cây đèn của Bà lão hành khất, thì ba lần Tôn giả quạt mạnh, nhưng ánh sáng cũng không mất. Lần thứ tư, Tôn giả cầm ngay vạt áo cà sa và vận hết thần thông diệu lực của mình quạt hắt vào đèn nhưng đèn lại rực sáng hơn trước. Tôn giả Mục Kiền Liên và những người chung quanh đều ngạc nhiên và cho đó là một cây đèn kỳ lạ chưa từng thấy.

Ngay lúc ấy, Đức Phật vừa đến, Ngài điềm đạm bảo:

"Thôi! Đệ tử hãy thôi. Dù cho đệ tử có tận dụng tất cả thần lực của đệ tử cũng không thể nào làm tắt được cây đèn này; vì đó là ánh sáng công đức của vị Phật trong tương lai".

Lời dạy ấy của Đức Phật đã làm cho nhiều đệ tử của Ngài muốn tìm hiểu ai là người đã cúng dường đèn ấy. Sau một cuộc điều tra kỹ càng, họ biết rõ người cúng dường cây đèn kỳ lạ ấy chính là một bà lão hành khất!

Câu chuyện này đến tai vua A Xà Thế. Nhà vua cho vời đại thần Kỳ Bà đến để thuật lại câu chuyện và hỏi:

- Kỳ Bà! Như khanh đã biết quả nhân làm rất nhiều công đức và cúng

dường rất nhiều đèn nhưng không thấy Đức Thế Tôn dạy gì về quả báo của quả nhân. Trái lại, bà lão hành khất chỉ cúng dường có một cây đèn lại được Ngài thọ ký là nghĩa làm sao?

Đại thần Kỳ Bà đứng lên ngăn ngại mãi không dám trả lời.

- Kỳ Bà! Người đừng ngại gì cả, quả nhân muốn tìm hiểu những nguyên khuyết điểm chứ không bao giờ dám nghĩ khác về Đức Thế Tôn.

Đôi mắt của đại thần Kỳ Bà bỗng sáng lên và khiêm tốn trả lời câu hỏi của nhà vua:

- Tâu đại vương! Theo những điều mà hạ thần được phỏng vấn từ cửa miệng của những người thân cận các thầy Tỳ kheo và cộng thêm sự suy luận của hạ thần thì tuy đại vương cúng dường rất nhiều phẩm vật, song tâm ý không được chí thành cho lắm và có lẽ đại vương không phát đại nguyện; cho nên tuy có công đức mà không làm sao bằng công đức của bà lão hành khất chỉ cúng dường một cây đèn nhưng đó là cả một tấm lòng chí thiết, một dạ chí thành đối với những Đấng Giác ngộ và nhất là lời thệ nguyện cao rộng của bà ấy.

Nghe đại thần Kỳ Bà phân tích tỷ mỉ về động cơ của sự cúng dường của mình và bà lão hành khất, sau một hồi suy nghĩ và xét lại bản tâm, vua A Xà Thế liền cởi mở được tất cả những điều thắc mắc...

Hết

**nhieu tác giả**

Truyện Cổ Phật Giáo

**TÌNH THƯƠNG**

Thuật giả: Thích Minh Lý

*Chớ hẹn đến già mới học đạo,  
Mồ hoang lăm kẻ tuổi xuân xanh.*

Hoàng hôn về, đem theo một ít u buồn vơ vẩn. Theo gió nam, chim nhận bay từng đàn lẻ tẻ, đàn chim nhận bay về trong khói sương chiều ảm đạm cánh mỗi chưa tìm được chỗ trú chân trong một ngày gió bạt mưa ngàn. Mưa đã tạnh, gió đã yên, những lá rụng đầy đường đang than thở với ánh dương tà còn sót lại. Cảnh tượng đượm màu hoang tàn và thê thảm.

Ngồi bên song cửa, nàng Liên Hoa băng khuâng nhìn trời với một mối u buồn khôn xiết. Đôi mắt nàng chạm phải cảnh tượng thê lương của buổi chiều vàng, cũng như lòng nàng chạm phải một cảnh đời oan trái.

Vâng, cảnh đời oan trái quá! Bao nhiêu là phỉnh phờ và bao nhiêu là dối gạt! Lòng nàng còn tươi thắm được không, khi đã bị gió mây u sầu bao phủ. Lòng người sâu độc và phũ phàng. Sắc nước hương trời mà làm chi, lâu đài vàng bạc có giá trị gì, khi lòng người phụ bạc! Ngón đàn tuyệt diệu của nàng không còn kêu gọi được những mãnh tình tan vỡ. Người mà nàng chắc chắn sẽ ngàn năm sum hợp, thì nay đã ghét bỏ nàng. Đã bao nhiêu lần như thế, và cũng đã bao nhiêu lần những buổi chiều vàng tan tác về trên cảnh vật. Tình thương trời ơi! Tình thương chỉ là man trá nhất thời. Tình thương là gì? Nếu không phải là những cánh nhận bay qua, chỉ để lại trên mặt hồ, trên trái tim nàng, những u buồn thất vọng? Tình thương mong manh quá! Trái tim nàng hình như thắt lại. Đời còn có nghĩa gì với một kiếp hồng nhan bạc phận như nàng?

Cảnh vật đã nhuộm màu đen tối. Đêm xuống giữa cảnh vật và xuống giữa tâm hồn nàng. Nàng cảm thấy bơ vơ trống trải. Nàng mẩn tiếc thời xưa, thời mà nàng còn bé bỏng, sống trong tình thương không giới hạn của mẹ nàng. Tình mẹ thương con, nàng thấy rõ là một tình yêu chân thật, vững

bền. Ôi, mẹ nàng còn đâu nữa để an ủi nàng trong phút đau đớn này. Tìm đâu ra tình thương cao cả và đằm thắm như tình mẹ yêu con.

Nhưng mắt nàng vừa chạm phải một ánh sáng xa xăm. Ừ, trăng đã lên ánh sáng dịu hiền đã lan tràn trên cảnh vật. Nàng cố tìm trong trí nhớ và chắc rằng một tình thương bao la như ánh trăng hiền hậu vẫn còn có ở đời này. Đâu đó, người ta ca ngợi tình thương. Phải rồi, tình thương của bậc giác ngộ ra đời, thấm nhuần muôn vật. Mắt nàng sáng lên, như nhìn thấy ngôi sao cứu tinh hiện lên ở chân trời rực rỡ. Người đang gieo rắc tình thương cao rộng bao la, chính là bậc giác ngộ, là Phật đà. Tình thương nhân thế mong manh, nhưng tình bác ái của đạo Vàng vẫn trường cửu và bao la cao rộng. Nụ cười thế nhân mong manh quá, nhưng nụ cười Đức Phật còn mãi hiền hậu với tất cả mọi loài. Nụ cười ấy có một cái gì giống với nụ cười mẹ yêu con tha thiết. Nàng thấy rõ: trú địa an tịnh là dưới ánh đạo Vàng mà Đức Phật còn đang gieo rắc quanh Ngài. Nàng sẽ đến dưới tình thương Đức Phật.

Tìm được nơi nương dựa cho tâm hồn, nàng thấy lòng nàng êm tịnh. Ngày mai, nàng sẽ đến với tình thương cao cả của Ngài, và như đứa con thơ, nàng sẽ được an lành dưới nụ cười êm dịu của người mẹ hiền.

Sáng hôm sau, trời mới tinh sương, Liên Hoa đã vội vàng lên đường. Đường về Cấp Cô Độc không xa nhưng nàng muốn đến nơi trước giờ ngộ nắng nung người. Nàng đi với một lòng tin tưởng ở Đức Phật Từ Bi không bến hạn của Đức Thế Tôn. Mặt trời lên cao, trời đã bắt đầu nóng nực. Nàng Liên Hoa đi nhanh hơn để mau tới đích. Được hơn một nửa đường, thì mồ hôi đã thấm ướt áo nàng. Ghé vào một bóng cây to che rợp một hồ sen nước trong như gương, nàng ngồi nghỉ, nước hồ trong quá, nàng đứng lên lại gần vuốt mớ tóc lại để rửa mặt. Nước hồ mát rượi, nàng thấy khỏe khoắn và an lành. vén tà áo sang bên, nàng bỗng thấy trong gương nước hồ trong, mặt nàng duyên dáng tươi lành in trên nền trời xanh biếc, nàng còn trẻ, tóc nàng còn xanh lẫm và môi nàng còn thắm như son. Nàng còn xuân quá! Rồi đây xuất gia đầu Phật, nàng đứng yên suy nghĩ - rồi mớ tóc sẽ còn đâu. Sống trong cảnh thanh đạm của người tu hành, nàng thấy còn sớm quá. Để năm năm sau cũng còn chưa muộn. Nàng còn trẻ và đẹp biết chừng

nào? Gương mặt nàng, biết đâu sẽ đem lại cho nàng một người yêu trong mộng tưởng.

Nghĩ thế và ý muốn quay về ám ảnh đầu óc nàng. Nhưng từ xa một bóng người đi lại. Bóng một thiếu nữ tha thướt trong dáng đi đẹp của hàng quí phái.

Liên Hoa giật mình: nàng chưa bao giờ trông thấy một người đẹp như thế! Mắt thiếu nữ trong như gương nước hồ sen, tóc nàng buông xuôi, đẹp như một làn mây mờ và mỏng. Nàng nhẹ tiến về phía nàng Liên Hoa, trên môi đã nở một nụ cười tươi như hoa phù dung buổi sáng.

Liên Hoa yên lặng cúi đầu. Nhưng thiếu nữ đã đến bên. Thiếu nữ cười, tiếng nàng trong như tiếng đàn huyền diệu:

- Sao chị buồn thế? Chị đi đâu, hẳn chị về Ca Tỳ La?

Liên Hoa chợt tỉnh, nàng đáp lời thiếu nữ:

- Không, tôi về vườn Kỳ Thọ.

Thế là hai người quen nhau.

Liên Hoa bắt đầu thấy mến thiếu nữ. Đã lâu, hai người nói chuyện tâm tình, thiếu nữ nhìn Liên Hoa cười và tiếp:

- Không, sắc đẹp chóng tàn lắm chị ạ. Chỉ có tình thương rộng rãi mới là trường cửu. Tình thương thế nhân em thấy quá mong manh.

Thiếu nữ tỏ vẻ nhọc mệt. Gối đầu lên vai Liên Hoa, nàng lặng yên nghe tiếng sáo diều đâu đây đồng vọng.

Lát lâu, không thấy thiếu nữ nói gì, Liên Hoa tưởng nàng thiếp ngủ. Nhưng Liên Hoa kêu lên một tiếng khi nàng chạm phải cánh tay lạnh như đồng của thiếu nữ. Nàng đặt đầu thiếu nữ dậy thì, than ôi! Người đẹp đã chết rồi, thân xác nàng đã lạnh ngắt và cứng đờ như gỗ. Hoảng kinh, Liên Hoa vùng dậy mắt nàng trông rõ khuôn mặt thiếu nữ: Còn đâu bao nhiêu vẻ đẹp nào nùng! Mặt thiếu nữ xám lại, mắt trắng dã, toàn thân tím lại như xác người để đã bốn năm hôm.

Liên Hoa thở dài. Nàng thoáng thấy lẽ vô thường của kiếp sống đời người. Nở rồi tàn, sắc đẹp trôi theo thời gian tàn tạ. Bao nhiêu ham muốn trở về tiêu tan mất cả. Ý chí xuất gia mạnh mẽ trở lại với nàng, Liên Hoa đặt người bạn xấu số bên bóng cây già rồi vội vã ra đi về vườn Kỳ Thọ.

Mãi bước hướng về nơi chủ đích, Liên Hoa không còn nhìn lui lại phía sau. Nàng có ngờ đâu, thiếu nữ đã đứng dậy hồi nào. Thiếu nữ đứng lên, nhìn theo Liên Hoa khuất dạng trong bóng cây rậm rạp. Hình như đã hiểu sự thay đổi trong tâm hồn Liên Hoa, nàng mỉm cười đặc chí. Nàng chép miệng:

Bao nhiêu thế nhân, khi chạm phải luật vô thường vẫn còn ham muốn không thôi!

Than ôi! Tình thương thế gian là một trò hề điên đảo! Liên Hoa sẽ được an lành dưới bóng Đức Từ Phụ. Nàng sẽ chứng được đạo mầu.

Trong khi ấy, mặt trời đã lên đến đỉnh đầu. Tiếng hồng chung giờ ngọ đã từ Kỳ Viên bay lại, ngân nga trong gió...

Hết

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**ĐẦU LÀ SỰ THẬT**

Sáng nay, trời mùa xuân quang đảng quá, những mầm non đầy nhựa đang e ấp dưới những nách thân yêu của các kẻ lá, cành cây, muôn chim đang hòa vui, reo hót những bản nhạc mừng xuân, líu lo lãnh lót. Gió xuân lùa nhẹ những làn hương trong sạch của muôn hoa, làm giảm bớt một ít u buồn của những khách trần gian tục lụy, đồng thời gạt vỡ những giọt sương còn bám chặt, đè nặng trên mình hoa lá.

Vầng thái dương đã bắt đầu lên, nhả những tia nắng vàng chiếu tỏa khắp không gian, đem lại loài người nguồn sinh lực vô biên, đánh tan sự đen tối của đêm dài đầy sợ hãi.

Thành Xá Vệ đã trở về với những sự náo nhiệt của một đô thị lớn.

Khắp các nẻo đường, người đi, kẻ lại lảng xăng nhưt là con đường lớn vô ra cửa thành.

Ô kìa! Sao những người đi đường họ đứng dừng lại và nép qua một bên đường hết thế kia? Họ còn đứng im ra dáng cung kính nữa! À, thì ra có Đức Phật từ vườn Cấp Cô Độc vào thành hóa trai, đi gần đến họ. Phải, ai thấy Phật mà không cung kính cuối đầu cho được. Bước đi khoan thai, tướng người oai nghiêm, hùng dũng sức sáng của trí huệ cao siêu, dường như không thể tìm tày hết trong người phải tung phát ra ngoài, thành muôn ngàn tia hòa quang rực rỡ. Đứng xa trông cũng đủ khiếp; lựa là phải đứng gần; càng ngắm lâu, càng nép phục.

Đức Phật vào thành, theo đường phố, tuần tự hết nhà này sang nhà khác để hóa trai. Đi như thế ngót một tiếng đồng hồ. Rồi bỗng nhiên Ngài đứng lại trước cổng một ngôi nhà khá sang trọng. Chẳng nói chẳng rằng, Ngài đứng im đấy thật lâu. Cửa cổng vẫn đóng kín và bên trong lặng lẽ tiếng người. Nếu nom kỹ, ta có thể thấy được bên trong vợ chồng chủ nhà và đứa con đang xúm quanh mâm ăn thì phải.

Đức Phật bèn thấu hào quang và dùng thần lực bay vào.

Tại thành Xá Vệ này, có một ông trưởng giả giàu có vô số thế mà thăm ông

lại là người keo kiệt nhất đời, không ưa làm việc bố thí, cũng không giúp đỡ ai bao giờ. Mỗi khi ăn ông sai vợ đóng chặt cửa cổng, không tiếp bất cứ một ai. Hơn nữa, cửa cổng nhà ông ít khi mở; ông rất sợ những vị Sa môn đến hóa trai và nhất là những người ăn mày. Ông keo kiệt đến có tiếng khắp đô thành, thì phải biết! Ngày hôm nay, ông nghe sao thèm thịt gà lạ thường, lại thêm thằng con cũng đồng một ao ước như ông. Sao một hồi tranh chấp trong côi lòng, ông bèn quyết định bạo dạn bảo vợ làm thịt con gà trống tơ. Khi món ăn làm xong, dọn lên mâm, lên bát, vợ chồng và con đồng nhau hỷ hả.

Đang thích thú khen miếng ngon, miếng béo, ép con, mời vợ, ông trưởng giả bỗng giật nảy mình, tiếng động chân của Đức Phật đã đến tận thềm.

- Đàn việt! Ông bà nên cúng dường cho các thầy Sa môn, được phước báo vô lượng, đức Phật lên tiếng.

Bị quấy rầy, lại thêm keo kiệt, trưởng giả nhà ta đổ cáu:

- Quái trong lúc vợ chồng người ta đang ăn uống, ông lại đến kỳ kèo xin xỏ? Nếu biết sự xấu hổ xin mời ông ra ngay cho.

- Trưởng giả là kẻ còn mê muội, tự mình không biết xấu hổ, chớ ta là nhà tu hóa trai có gì mà phải hổ thẹn.

- Tôi và vợ tôi, con tôi đang ăn uống ngon lành như thế này, vui sướng như thế này, mà ông bảo là xấu hổ à?

- Trưởng giả giết cha để ăn, lấy mẹ làm vợ, nuôi nấng cung cấp cho kẻ oán thù, đã không tự xấu hổ, còn lên mặt trở lại chê ta là nhà tu hành không biết thẹn à?

- Đạo sĩ nói thế nào? Nhà tu hành sao ăn nói kỳ cào thế, tôi giết cha, lấy mẹ hồi nào?

- À, thì ra trưởng giả chưa hiểu gì cả. Con gà trống tơ đang dọn ăn trên mâm kia là cha của ông. Hồi trước vì bán tánh tham lam, keo kiệt, nên nhiều đời phải sanh làm loài gà, để ăn bản cồi xay để trả nghiệp. Vì nghiệp quả của ông ngày nay chấm dứt, nên khiến ông thèm, con ông lại đốc thục. Vợ ông tuy phải buộc lòng bắt gà làm thịt, chớ khi giết bà ta vẫn đau khổ hung lắm, bởi dây oan nghiệp nhiều đời còn vương vấn. Đứa con của ông hiện đây, đời trước nó là quý La Sát.



Còn vợ ông bây giờ, là mẹ ông hồi nhiều đời trước. Vì ái ân sâu nặng chưa dứt, nên ngày nay phải làm vợ ông để trả cho hết tình yêu thương tiền kiếp. Ông vì si mê không thấu biết căn nguyên, nên đành giết cha nuôi kẻ oán cừu, lấy mẹ làm vợ, thật là điên đảo luân thường.

Chúng sinh vì nghiệp chướng che ngăn, tạo nghiệp, thọ quả, quay cuồng mãi mãi, sanh tử trôi lăn trong ba nẻo, sáu đường không ngày nào cùng tận. Thật đáng hổ thẹn, đáng thương tiếc biết bao!

- Bạch Ngài phải làm thế nào để có thể hiểu rõ được và bậc người nào mới có thể thoát khỏi vòng khổ lụy của sanh tử, luân hồi, xin Ngài từ bi bảo cho chúng tôi thật muôn phần cảm tạ.

- Nầy thiện nam tử! Những sự oan oan tương báo, tử khứ sanh lai, lặn hụp nổi chìm như thế, chỉ những bậc tu hành đã dứt trừ tất cả phiền não mê lầm, chứng đặng ngũ nhãn lục thông mới mong thoát khỏi. Còn ngoài ra đều khó tránh được sự trả vay của nhiều đời nhân quả. Ta này đã quan sát kỹ, thấy trưởng giả nhân tiên căn có gieo hạt giống Phật vào thức điền, dù trải bao nhiêu kiếp luân hồi đền trả oan khiên, nhưng phước báo vẫn không mất.

Ngày nay nghiệp quả trả xong, căn lành thuần thực, nên ta khuyên trưởng giả hãy phát tâm cho mạnh mẽ tinh tấn tu hành kéo ngày sau khó thoát.

Kỳ diệu thay! Lời của Đức Phật vừa thốt xong như liều thuốc trị bệnh, ông trưởng giả sợ tháo mồ hôi, tóc lông đều dựng đứng. Phật liền hiện oai thần cho ông nhớ lại những tội khiên tiền kiếp.

Bấy giờ ông trưởng giả hết sức ăn năn lạy Phật để sám hối những tội khiên ông đã tạo và phát nguyện tu hành, mong thoát khỏi những tội nghiệp do ngu muội tạo ra, tánh bản sển bỗng nhiên tiên tan mất.

- Lạy Ngài, nhờ thần lực của Ngài phá tan những lớp mây mờ trong đầu óc của con, ngày nay con mới thấy rõ đâu là sự thật. Bấy lâu nay, con tưởng những cái gì xung quanh con, nào vợ, nào con, nào của cải, đều là chân thật của con, nên con mới lần tiếc từ đồng. Xét ra con vì nghiệp chướng ngăn che, càng nhận thấy càng chìm, nên càng mê muội, lấy giả làm chơn, cho hư là thật. Ngày nay con đã rõ ra thì sự đã rồi, mong nhờ ơn Ngài giải thoát giùm con. Con thật muôn phần cảm tạ.

Đức Phật nhận lời thâu ông vào hàng đệ tử. Ông xin thọ 5 giới của Phật, tu

hành chứng đặng quả Tu Đà Hoàn.  
Hết

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**NHÂN NÀO QUẢ NẤY**  
Thuật giả: Trường Lạc

*Trước khi làm một việc gì  
Phải nghĩ đến kết quả của nó.*

Thuở nước Vua Lưu Ly vì thù hiềm dòng họ Thích Ca mới cử binh mà sang đánh nước Ca Tỳ La Vệ. Bắt được một nhóm thiếu nữ quyến thuộc của Phật, quân lính vua Lưu Ly toan hãm hiếp. Các người này cương quyết thà chịu chết chứ không để mất trinh tiết. Không được thỏa mãn thú tánh của mình, quân giặc liền đuổi xua tất cả thiếu nữ ra đồng đánh đập một cách tàn ác, đến khi các người ấy ngã gục mới chịu bỏ đi. Sau khi tỉnh hồn lại, các cô thiếu nữ đồng nhau một chí hướng tìm chỗ ẩn tu. Trong lúc đi lang thang giữa đồng hoang, bỗng đâu các cô gặp bà Hoa Sắc Tỳ kheo ni đi khát thực về. Các cô mừng rỡ đón chào bà và kể hết nỗi khổ đau để cầu xin theo bà xuất gia học đạo.

Động lòng từ bi, bà Hoa Sắc Tỳ kheo ni thân nhận các cô làm đệ tử. Từ ấy các cô tuy được nơi tu tập mà người nào cũng thường than thân tủi phận. Sư bà thương tình khuyên dỗ: Các con mới gặp bao nhiêu tai nạn, vừa qua đã cho là khổ. Nếu các con biết rõ đời ta, thì các con phiền não đến bậc nào! Các con ôi! Khi ta còn ngoài đời, thì ta cũng có đôi bạn như ai. Theo phong tục nước ta, hễ mỗi khi gần sanh thì các cô gái có chồng được đưa về nhà cha mẹ ruột. Cũng như hai lần trước lần thứ ba, lúc cận ngày khai hoa nở nhụy, cả gia đình ta: Chồng vợ con cái cùng kẻ ăn người ở trong nhà đều kéo nhau về mái hiên cha mẹ ta cả. Trong khi đi đường xa vất vả, bữa nọ, vừa băng ngang cánh đồng vắng cách xa làng mạc, đến con sông thì trời sắp tối. Rủi gặp con nước ròng lại không thuyền, chẳng biết làm sao qua sông, gia quyến ta phải tìm gò nông tạm nghỉ một đêm, đợi sáng ngày nước cạn sẽ đi qua, mới gặp chỗ cao ráo sạch sẽ thì bụng ta quặn đau. Một chập sau ta sanh một đứa con trai thứ ba giống hệt hai anh nó. Chồng ta và kẻ tùy tùng lập tức kiếm cây lá làm tạm cái sàn gác cho mẹ con ta nằm đó.

Khi lo xong cho bốn mẹ con ta có chỗ nằm kín đáo, ấm áp, chồng ta với bạn bè mới lên một cái nong gần bên nghỉ ngơi, một sự bất ngờ rùng rợn đã xảy ra trong giữa đêm trường canh vắng là: nhiều con rắn độc to tướng đánh hơi người bèn bò đến nuốt cả chồng ta với các tôi tớ, mẹ con ta nhờ nằm trên sàn cao, dưới có bếp lửa đỏ, loài mắng xà không dám lại gần, sáng ngày thừa dịp nước ròng sát, ta định lội qua sông về quê quán chớ không còn phương nào hay hơn nữa. Ta bèn cõng con đầu lòng đưa sang qua bờ sông bên kia trước. Ta lội trở lại bên này, đai đứa con thứ hai trên lưng, còn đứa mới sanh thì để vào cái dây vải ngậm ở miệng và đi từng bước dưới dòng nước. Đến giữa sông ta nghe bên kia bờ tiếng con ta rú lên bài hãi. Thì khốn thay! một con hổ vồ lấy nó, rồi tha tuốt vào rừng, trước cảnh đau thương bất ngờ ta không còn tỉnh trí, há miệng kêu to, đứa bé trong dây rơi ngay xuống nước. Bấm loạn tâm thần tay chân run rẩy, ta cứ lặn hụp dưới đáy sông, mò đứa bé mới nở, quên lững đứa con thứ hai đai trên lưng mà ta đã vô tình giết nó chết ngộp. Thảm thiết thay! Chỉ trong một ngày đêm, tới sáng mà cả gia quyết ta: chồng, con, tôi, bạn đều chết không kịp trời. Ta đành rơi lệ, nuốt sâu gắng gượng lội tới mé lên bờ, kiệt sức quá, ta ngã xỉu ngất đi, không còn biết sự gì nữa.

Trong lúc đó có một lũ ăn cướp đi qua gặp ta bắt đem về nhà nuôi rồi ép ta làm vợ. Chẳng bao lâu tên tướng cướp làm chồng sau của ta bị bắt và lãnh án tử hình. Ta cũng bị chôn sống theo chồng do phong tục. Sau mấy tiếng đồng hồ bị lấp đất, có bọn cướp khác đến đào mả định lấy của quý. Thấy ta còn thoi thóp, chúng bèn cứu ta đem về săn sóc lành mạnh rồi cũng bắt buộc ta lấy tên chánh đảng làm chồng.

Ăn ở với nhau được ít lâu, ta có thai. Tối nào, trước khi đi làm việc bắt lương, chồng ta cũng dặn phải chực chờ mở cửa cho nó vào mau mau khi có tai nạn xảy đến. Một hôm, nó vừa ra khỏi nhà thì ta đau bụng, cách một chập sau, ta sanh một đứa con gái. Đồng thời chồng ta bị người đánh đuổi chạy về rất gấp. Ta mắc bận bịu vì đứa con nên không kịp mở cửa. Nó giận dữ tung cửa vào định giết ta? Ta chỉ đứa con mới nở hy vọng nó nghĩ tình máu thịt mà bớt cơn thịnh nộ đi chăng. Sau ta thất vọng: nó gắt gông, chỉ mặt đứa nhỏ bảo rằng: nó là nghịch tử báo đời. Rồi nó liền giết ngay. Nó kẻ

gươm vào cổ ta, bắt buộc ta phải ăn thịt đứa nhỏ ấy thì nó mới tha. Cách ít hôm sau, tướng cướp này bị sa vào lưới pháp luật chịu án tử hình. Ta cũng bị chôn sống một phen nữa gần bên mé rừng. Ít phút sau có một con cọp đến moi mả tha xác người chết ăn thịt. Thân ta chôn ở dưới cây chông ta khỏi bị cọp ăn. Được thoát nạn này, ta ngẫm nghĩ cuộc đời của ta vào sanh ra tử, khổn khổ vô cùng, nên ta không còn tiếc những ngày sống thừa nữa, ta mới quyết chí xuất gia đầu Phật.

Các cô thiếu nữ nghe nói hết sức kinh nghi mới bạch rằng: "Nay sư bà đã tu hành đắc đạo, sư bà có thể cho chúng con rõ nguyên nhân nào sư bà gặp lắm nỗi gian nan rùng rợn như thế không?".

Bà Hoa Sắc Tỳ kheo ni thông thả đáp: "Các con ơi! Có chi lạ đâu, đó là quả báo như muôn ngàn quả báo khác của tiền nhân kiếp trước mà thôi. Đây các con hãy nghe: Nguyên kiếp trước của ta, một thuở nọ, ta có chồng có con. Chồng ta có vợ lẽ cũng có con như ta. Vì ghen tương mà nhất là tham của, ta sợ gia tài của chồng ta phải chia cho con vợ bé thì mẹ con ta chẳng được phần nhiều, nên thừa dịp chồng ta với người thiếp đi vắng, ở nhà ta giết con chúng nó hết. Chuyện sát nhân đem đến cửa quan, tra khảo cách nào ta cũng chối mãi và ta lại thề dối rằng: "Nếu tôi có giết con chồng tôi, thì tôi sẽ bị khổ sở vô cùng, cả nhà tôi tan nát, các con tôi sẽ bị cọp tha, chết chìm, tôi sẽ bị chôn sống, chết ngộp v.v... Nếu tôi có ác tâm giết con vợ lẽ chồng tôi, thì ngày kia tôi sẽ bị người ta bắt buộc tôi phải ăn thịt người con tôi."

Đó các con có thấy không, một lời nói ra thì va lấy, một tiếng thề dối mà mắc ngay, một hành động ác thì bị quả báo dữ không sai. Biết được lý nhân quả như bóng theo hình, tợ vang theo tiếng, thì các con không còn thắc mắc gì với những tai nạn của các con ngày nay cũng như của bà ngày xưa. Cho hay nhân nào quả nấy, chớ khá than van; vì không bao giờ một việc xảy ra mà không có duyên cớ. Vậy khuyên các con phải tin nhân quả mà lo tu hành.

Hết

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**HOÀNG HẬU VI ĐỀ VỚI PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ**  
Thuật giả: Thế Quán

*Dương gian là cảnh*

*Tịnh Độ là quê*

*Sống thì ta ở*

*Chết ta trở về*

Trong lúc Đức Thích Tôn còn tại thế, ở Ấn Độ có vua Tần Bà Ta La, nước giàu dân mạnh, tiếng oai hùng khắp cả bốn phương chư hầu thấy đều quy phục.

Song không bao lâu ông bị nghịch tử là A Xà Thế, sanh lòng ác muốn hại để đoạt ngôi. A Xà Thế bắt phụ hoàng giam vào ngục tối và cấm không cho ai được vãng lai. Hoàng hậu Vi Đề mật lo với ngục tối lên đến thăm, khi vào bà thấy vua ngồi trong ngục tối, nhan sắc tiêu tụy tinh thần bạc nhược sắp chết vì đói! Hoàng hậu vật mình chết ngất, sau khi tỉnh dậy về cung, bà tìm phương cứu chồng. Hoàng hậu mới hòa bột cùng mật làm chuỗi anh lạc mỗi khi vào thăm bà đổ ra cho vua dùng, nhờ vậy mà vua Tần Bà Sa La sống cầm chừng khỏi chết. Nhưng rủi thay, cơ mưu bại lộ, A Xà Thế biết được, ông giận quá xách gươm tìm mẹ để giết, may có vị đại thần can, bà mới thoát khỏi. Song bị giam vào lãnh cung. Từ đó Hoàng hậu không thể đem thức ăn cho vua được nữa. Ôi! Còn chi đau đớn bằng mình bị tù ngục và cảnh tượng chồng đói sắp chết hiện ra trước mắt! Bà kêu gào than khóc đến nỗi hai mắt gần mờ; nhân đó bà nhận thấy cuộc đời giả dối, ngai vàng là lao ngục, danh lợi là gông cùm, ân ái là hổ lang, địa vị như rắn độc.

Khi ấy bà liền nhớ đến Phật, nhờ sự cảm thông Đức Thế Tôn ở trong Kỳ Hoàn Tịnh xá, vận thần thông trên hư không cùng các đệ tử hiện vào trong lãnh cung. Trong khi bà đang quỳ gối chấp tay hướng về đấng Đại giác bỗng thấy hào quang chói khắp, bốn bức tường lạnh lẽo trở nên ấm áp. Ngẩng đầu lên bà thấy Phật; bà tủi mình khóc lóc đánh lễ đức Phật và các vị Thánh chúng mà bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn không biết con đã gây

nên tội gì mà nay sanh đứa con đại nghịch đến nỗi toan giết cha giam mẹ để đoạt ngôi? Nay con được may mắn gặp Phật, nguyện Đức Như Lai cứu độ cho con xả báo thân này để được sanh vào thế giới nào đừng gặp nghịch tử và chịu những điều oan khổ như ngày nay.

Đức Thế Tôn dịu lời an ủi: Hoàng hậu hãy bình tĩnh để nhớ lại chuyện xưa. Khi Hoàng hậu chưa sanh Thái tử thì Đại vương và Hoàng hậu đêm ngày lo buồn, cầu các vị thần linh để mong sanh con quý.

Vì lòng quá tin tưởng nên một đêm kia Đại vương chiêm bao thấy thần mách bảo: "Trên núi cao cách thành mấy dặm có vị tiên nhân đương tu trên ấy, khi xả báo thân sẽ đầu thai vào làm con bệ hạ". Lúc tỉnh lại Vua thuật lại cho Hoàng hậu nghe và truyền xa giá đưa đi, đến nơi quán nhiên thấy vị tiên nhân đang tĩnh tọa dưới gốc cây, vua quỳ làm lễ, và đem việc mình cầu tự cùng điềm chiêm bao mà thưa với đạo sĩ. Vị đạo sĩ nghe xong, nhập định một lúc lâu, rồi bảo: "Quả có như vậy, song tôi còn ba năm nữa mới ly khai được xác thân này, vậy bệ hạ hãy chờ". Vua nghe xong, buồn rầu thưa lại: "Mạng người vô thường đâu có hẹn được, xin ngài từ bi cho tôi mau mau được như nguyện, nếu chờ ba năm lâu quá, biết tôi còn sống mà đợi được chăng?" Vua năn nỉ rất lâu mà không được; phần quỳ đã mỏi gối, ông liền nổi sùng bảo sảng: "Trẫm làm vua trong một nước, chủ trị cả giang sơn, Ngài tuy tu hành song cũng ở trong đất nước của Trẫm, nay Trẫm đã hết lời yêu cầu, nếu Ngài không nghe chắc không được". Đạo sĩ ngậm ngùi sẽ bảo: "Mạng tôi chưa chết Bệ hạ lấy thế lực áp bức tôi nếu tôi không nghe chắc sẽ nguy hại, song tôi nghe thì khi vào làm con bệ hạ tôi sẽ hại bệ hạ mà đoạt ngôi thật là đáng tiếc". Đạo sĩ nói xong tự giận mà chết; và bắt đầu Hoàng hậu có thai, nhưng vua rất buồn vì câu nói và cái chết của Đạo sĩ vẫn ám ảnh trong lòng.

Chẳng bao lâu Hoàng hậu sanh Thái tử, vua đem việc ấy bàn với Hoàng hậu cả hai đồng tìm quặng con từ lâu cao rơi xuống, cố cho Thái tử chết, nhưng Thái tử chỉ gãy một ngón tay mà lại lớn rất mau, diện mạo càng lớn càng đẹp để oai nghiêm, tư chất lại thông minh khác thường, làm cho vua và Hoàng hậu yêu quý như ngọc minh châu mà quên hẳn câu chuyện cũ.

Tiếng Phật êm dịu như tơ đàn la miên, Vi Đề Hoàng hậu vừa nghe vừa nhớ

lại việc ác của mình, nên dịu lòng đau khổ và ăn năn tội lỗi, bà liền đánh lễ Phật, cầu Phật dạy cho phương pháp tu hành để diệt tội và khi xả thân được sanh về thế giới thanh tịnh bất sanh bất diệt.

Đức Thế Tôn phóng hào quang sáng chói hiện ra tất cả thế giới trong mười phương, trong đó có một thế giới Hoàng hậu nguyên sanh tức là thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, cõi ấy an vui, không thấy khổ. Nhân đó Đức Phật dạy cho bà pháp môn Tịnh Độ là chuyên niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà để cầu vãng sanh theo chí nguyện. Bà chí tâm chuyên niệm đêm ngày không hở, nhờ vậy mà bà hết sự buồn khổ và chuyển được lòng ngỗ nghịch của Thái tử. Nên từ khi giam mẹ vào lãnh cung một thời gian ngắn, một hôm A Xà Thế thấy lòng băng khuâng và nhớ lại mẹ, nhớ tội ác của mình ông bèn tự thân vào lãnh cung thăm mẹ.

Khi ngục tốt tận lực đẩy cánh cửa sắt nặng nề, A Xà Thế bước vào, bỗng ông dừng lại, ông đã thấy gì? Ông thấy mẫu hoàng tĩnh tọa trên tấm đá lớn hai tay chấp trước ngực mắt hơi nhắm, nét mặt điềm đạm hiền từ mặc dù trời lạnh ở trong cung lạnh mà bà vẫn thản nhiên, dừng vài phút, ông rón rén đến bên và như một cái máy ông quỳ sụp xuống chân mẹ. Hoàng hậu giật mình mở mắt thấy A Xà Thế, bà nhẹ nhàng để hai bàn tay lạnh trên đầu con...

Chúng ta ngày nay biết pháp môn niệm Phật là khởi nguyên từ đó.



## **nhều tác giả**

Truyện Cổ Phật Giáo

### **NGƯỜI MÙ RỜ VOI**

Thuật giả: Hoàng Minh

Các lối tuyên truyền xảo trá làm sao lung lạc được kiến thức loài người, một khi mọi người đã biết đem Chánh Pháp giác ngộ nhau.

Thuở xưa, có một vị quốc vương tên là Cảnh Điện, tánh tình thuần hậu, nhân đức ít ai bằng. Về phương diện chánh trị thì Ngài thi hành những điều lợi ích cho dân chúng, và Ngài thường đem Phật pháp để giáo hóa nhân dân, nên trong thời kỳ ấy trình độ đạo đức của mọi người lên mức khá cao; vì thế từ trong triều cho đến ngoài dân sự đều đặn thái bình an lạc.

Nhưng trong thời kỳ ấy, trong triều còn một vài vị đại thần, tôn thời ngoại đạo, tin tưởng theo bọn tà sư do đó thường tranh luận với nhau; rốt cuộc ai cũng chấp thủ cho sự kiến giải của tôn giáo mình thờ, lý thuyết chủ nghĩa mình theo là đúng cả. Muốn chấm dứt tình trạng đó, nên vua thường suy tính và tìm tòi một mưu chước gì, để cảm hóa những vị đại thần kia trở về đạo giác ngộ cứu cánh của chư Phật, và nhận thấy những sự kiến giải của mình lâu nay là sai lầm.

Thì một hôm, các vị cận thần được lệnh phải đi tìm những kẻ mù từ thuở lọt lòng, đem về cho vua. Được tin ấy, các quan trong triều cũng như dân chúng, ai nấy đều sanh nghi: vua sẽ thi hành những điều gì mới lạ chẳng?

Sau hai ba ngày tìm kiếm, các vị đại thần dẫn về một tốp người mù. Người này vịn người kia, người kia nắm kẻ nọ đi vào sân rồng, trong lòng anh nào cũng hồi hộp, không biết việc sắp xảy đến phước hay họa.

Sau khi nhìn qua tốp người mù, vua liền lớn tiếng truyền cho quần thần hay rằng: "Bổn ý của Trẫm là muốn thử xem mấy người mù này có biết mình dáng con voi ra sao không? Vậy các người sai thị vệ dẫn họ đến chuồng voi, ra lệnh quản tượng kèm voi cho chắc chắn, đặt mỗi người lại gần rờ xem cho kỹ lưỡng, rồi dắt tất cả về đây để phúc tấu. - Nếu kẻ nào tả đúng hình dáng con voi, thì Trẫm sẽ trọng thưởng".

Tốp người mù nghe thế, đều lộ vẻ vui mừng - lòng tự hện với lòng sẽ rờ

xem thật kỹ càng, và hy vọng phen này chắc chắn sẽ được nhiều tiền bạc! Anh nào cũng tự hào xúc giác của mình rất tinh tế, ý phân biệt của mình rất tinh vi, xưa nay có hề sai khi nào đâu!

Vì thế, khi dắt đến chuồng voi anh nào cũng giành rờ trước; anh thì rờ đụng cái vòi, anh thì rờ nhằm cặp ngà, anh thì rờ đụng cái tai, anh thì rờ nhằm hông, anh thì trúng chân, anh thì rờ đụng đuôi - Anh nào cũng rờ đi rờ lại thật kỹ lưỡng và trong lòng đinh ninh rằng mình đã biết đúng hình dáng con voi.

Xem xong, các vị cận thần dẫn tốp người mù trở lại trước vua để Ngài thẩm xét. Vua thấy vẻ mặt anh nào cũng lộ vẻ hân hoan, liền phán rằng: "Trẫm thấy các người con mắt bóng quáng, vì mù từ thuở lọt lòng mẹ, chỉ nghe người ta nói đi nói lại, chớ chẳng biết hình dáng con voi ra thế nào. Nay tất cả tuy là không thấy, nhưng đã đến tận nơi mà rờ rẫm con voi rồi; vậy bây giờ mỗi người phải tả hình dáng con thú ấy ra sao? Nếu đúng, Trẫm sẽ ban cho nhiều tiền bạc để hộ thân.

Không đợi hỏi lần thứ hai, anh rờ đụng cái vòi mau mắn trả lời:

- Thưa Bệ hạ, con voi hình như chiếc chiếu cuộn tròn!

Anh rờ cặp ngà vội cãi:

- Thế nào? Con voi giống chiếc chiếu cuộn tròn à? Thôi sai rồi chính tôi đã rờ xem kỹ lưỡng. Con voi như cặp sừng trâu!

Anh rờ đụng lỗ tai voi phát cáu:

- Sao? Con voi lại giống cặp sừng trâu? Cũng sai bét! Con voi giống cái quạt! Chính lúc tôi xem nó quạt vào mặt mát rượi mà!

Anh rờ nhằm hông voi không thể nhịn được nữa:

- Các anh mù thật! Con voi mà bé nhỏ giống chiếc chiếu cuộn tròn, giống sừng trâu, giống cái quạt ư? Chính tôi đã ôm sát lấy nó. Con voi như một bức tường bằng phẳng dài đến hai ba thước tây!

Anh rờ trúng chân voi, quơ tay lia lịa phân bua:

- Trật hết! Trật hết! Thôi nín đi, để tôi nói cho mà nghe. Con voi như cái cột nhà mời đúng! Chính tôi ôm thử giở lên không nổi đây nè! Con voi như cái cột nhà mới đúng! Thôi đừng cãi nhau nữa!

Anh rờ nhằm đuôi voi này giờ lặng thinh, nhưng bây giờ anh thấy đã đến

giờ phút mình cần phải cải chính.

- Thôi các anh ơi, nín đi! Để tôi nói cho mà nghe. Nãy giờ các anh nói sai hết. Con voi hình như cây chổi. Chính tôi đã mân mê vuốt ve nó một hồi lâu.

Đám người mù ấy, ai cũng cho sự hiểu biết của mình về hình dáng con voi là đúng, nên cứ nhao nhao cãi vã nhau mãi, có anh tức giận quá muốn trở gậy phan nhau. Thấy cảnh đó, từ vua cho chí quần thần không ai có thể nhìn cười được, có người cười đến tức bụng, có người cười đến chảy nước mắt...

Vua cười ngất bảo các quần thần: "Các khanh có thấy không? Trong bọn người này, kẻ nào cũng cho sự hiểu biết của mình về hình dáng con voi là đúng. Nhưng thật ra, không kẻ nào nói đúng dạng sự thật của toàn thể con voi. Các người đây cũng vậy, người nào cũng cho tôn giáo, học thuyết, chủ nghĩa mình đã đúng với chân lý; nhưng sự thật chưa có người nào hiểu dạng toàn diện chân lý. Mà chỉ có đức Phật, mới là người sáng suốt giác ngộ được hoàn toàn sự thật vậy..."

Các vị quần thần đều tỏ vẻ hổ thẹn cúi đầu.

Nhà vua Cảnh Diệp lập chước mà phá được sự kiến chấp sai lầm của các vị đại thần, và từ đó họ đều một lòng chánh tín Tam Bảo, bỏ hẳn các thứ kinh sách của ngoại đạo tà sư chỉ lo nghiên cứu nội điển của Phật để tu hành, mong thoát kiếp trầm luân sanh tử.

Hết

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**CÔNG ĐỨC SÁM HỐI**  
Trích gương: Nhân Quả

Chúng sanh khi xả báo thân này thì thọ báo thân khác. Nếu trong khi tìm thọ thân khác mà chưa đủ nhân duyên thì thân này chưa xả. Ví như con sâu đo, trong khi đang đuôi bám chặt một nơi thì đang đầu ngóc lên tìm kiếm. Hễ đang đầu tìm được chỗ mà bám xuống thì đang đuôi mới nhả ra. - Con người trong lúc nằm thiêm thiếp chờ chết, chính là lúc nghiệp thức tìm kiếm nơi thác sanh. Nếu được nơi rồi thì liền chết, bỏ xác thân này mà thọ thân khác.

Thuở xưa, đời nhà Lương, vua Võ Đế, có quen với một vị Hòa thượng, hiệu là Chí Công, hằng ngày trò chuyện với nhau rất thân thiết.

Hoàng hậu tên là Hy Thị, thấy vậy, bèn can gián vua đừng chơi với người ngu tăng ấy, nhưng vua Võ Đế chẳng hề nghe, cứ giao du như thường. Hoàng hậu giận lắm, toan lập mưu hại ngài Chí Công, bèn lén dùng thịt chó làm nhân bánh, rồi sai người đem bánh ấy đến chùa mà trai tăng.

Ai ngờ Hòa thượng Chí Công đã biết trước, nên dự sắm áo tràng rộng tay, làm bánh chay bỏ vào, rồi khi trai Tăng lén bỏ bánh mặn trong tay áo, lấy bánh chay ra ăn.

Bà Hi Thị đợi tin Hòa thượng ăn rồi, tức thì tâu với vua rằng: "Bánh ấy thiếp dùng thịt chó làm nhân, ông Chí Công ăn mà không biết, thiệt là người phạm ngu muội, không có đạo đức trí tuệ gì cả, nay bệ hạ còn làm bạn nữa chăng?".

Vua nghe nói nổi giận, liền mang gươm đến chùa mà giết Hòa thượng.

Khi ấy, ngài Chí Công cũng đã biết trước, nên ra ngoài cửa chùa đứng đợi.

Lúc vua ngự đến trông thấy Hòa thượng thì hỏi rằng: "Ông ra đứng đây mà làm chi?".

Ngài Chí Công đáp rằng: "Bần tăng biết bệ hạ đến giết bần tăng, nên bần tăng ra đây đứng đợi. Nếu Bệ hạ mà vào chùa mà giết hại, thì ô uế chốn Già lam càng tội nghiệp lắm!".

Vua nghe nói kinh hồn chấp tay niệm Phật và sám hối, rồi liền mời Hòa thượng vào chùa mà hỏi rằng: "Ngài đã tiên tri được như vậy, vì sao còn ăn lẫn bánh thịt chó mà không biết?".

Ngài Chí Công bèn đáp rằng: "Muôn tâu Bệ hạ! Bần tăng có ăn đâu!"

Tâu rồi Ngài liền thỉnh vua ra sau vườn, dạy người đào lấy bánh thịt chó lên, thấy vẫn còn đủ 120 cái. Hòa thượng bèn lấy nước Tịnh thủy phun vào, tức thì mỗi mười bánh hiệp lại thành một con chó, hình thể vận động như thường.

Vua thấy vậy thất kinh, mới biết pháp lực thần thông của Ngài Chí Công thiệt là cao cường quảng đại, liền trở vào chùa hết lòng lễ sám hối những sự lỗi lầm. Từ ấy Võ Đế càng yêu mến Hòa thượng Chí Công hơn ngày trước nữa; trái lại bà Hy Thị thấy thế lại càng giận thêm, nên khiến kẻ hầu hạ đến chùa lấy kinh sách đem ra đốt hết.

Đến niên hiệu Thiên Giám, bà mang bệnh nặng rồi phải từ trần, rồi bào thai làm con rắn mãng xà ở sau hậu cung ẩn mình không cho ai thấy, thừa khi ban đêm, bà lại mách điềm chiêm bao cho vua Võ Đế hay rằng: "Khi thiếp còn sống ăn ở bất nhân, tổn vật hại người, làm điều tham độc. Vì có ấy nên nay thiếp phải làm thân mãng xà, thân đã dài, vóc lại lớn, bò lết không nổi, đói không có chi ăn, khát chẳng có chi uống, cực khổ nhiều bề, còn mỗi trong chân vẩy lại có thứ độc trùng đeo vào cắn rút da thịt, đau thắt ruột gan thật là khó chịu! Thiếp nghĩ vì thiếp cùng Bệ hạ vẫn là tơ duyên chỉ nợ, tình vợ nghĩa chồng, mà nay thiếp bị đọa ra thân súc sanh thế này, Bệ hạ nữ nào hưởng thọ phú quý một mình mà không tìm phương chi cứu thiếp, nên xin Bệ hạ từ bi thỉnh thầy làm chay độ giải cho thiếp, may nhờ Phật pháp hộ trì, thoát ra khỏi vòng ác báo, thì thiếp cảm ơn đời đời".

Vua Võ Đế nghe rồi, bèn thức dậy rầu rĩ khóc lóc một hồi; sáng ra liền truyền lệnh rước các thầy Sa môn nhóm tại điện mà hỏi rằng: "Vậy trong hàng chư tăng, ai có phép chi cứu giải Hoàng hậu khỏi điều tội khổ chẳng?".

Hòa thượng Chí Công tâu rằng: "Muôn tâu Bệ hạ! Tội của Hoàng hậu rất nặng, xin Bệ hạ hãy thiết lập đàn tràng lễ bái sám hối, thì mới cứu được".

Vua Võ Đế bằng lòng, liền cầu Hòa thượng Chí Công soạn ra mười quyển

sám vắn, rồi thiết đàn trong cung là chay ba tháng, cầu sám cho Hoàng hậu. Có một hôm kia, khi trai đàn gần mãn có mùi hương nồng nã bay khắp trong cung điện. Vua Võ Đế ngược mắt ngó lên trời, thấy có một nàng con gái, nhan sắc tuyệt trần, đứng giữa hư không mà chấp tay tâu cùng vua rằng: "Thiếp nhờ công đức của Bệ hạ cầu sám hồi đã thoát được thân mỡn xà mà sanh về cõi trời Đao Lợi. Nên thiếp phải hiện thân ra cho Bệ hạ thấy để làm chứng nghiệm vậy - Thôi, mấy lời cảm tạ, kính chúc Bệ hạ ở lại bình an". Bà nói rồi liền ẩn mình không thấy nữa.

Khi ấy vua Võ Đế nửa mừng nửa khóc, khôn xiếc sự tình bèn lui vào cung mời Hòa thượng Chí Công mà hỏi rằng: "Hoàng hậu của Trẫm buổi còn sống, hết sức thù ghét Hòa thượng là túc duyên làm sao mà gây ra cừ oán như vậy?".

Ngài Chí Công tâu rằng: "Muôn tâu Bệ hạ! Sự cừ oán duyên do kiếp trước có một vị Trú trì và một vị Giám tự ở chung một chùa. Trong chùa ấy có cái đôn để nước, dưới chân cái đôn có con thiện trùng thường thường kêu trong khi ban đêm; tiếng kêu của nó inh ỏi như thể tiếng con dế hay con vạt sành vậy. Thường khi ông Trú trì tới đó lấy nước súc miệng, rửa mặt thì cũng chú nguyện cho con ấy mau mau thoát đặng cái thân súc vật, mà sanh về đường nhân luân.

Một bữa kia ông Trú trì đi khỏi, ông Giám tự ghét con thiện trùng đêm nào cũng kêu, và làm cho lòng ông không được thanh tịnh và chẳng cho ông ngủ thẳng giấc, nên ông bèn bắt con ấy, lấy dao cắt ngang giữa lưng làm hai, rồi cũng bỏ lại dưới chân đôn như cũ.

Qua bữa sau ông Trú trì về, trót đêm không nghe tiếng con thiện trùng kêu nữa, bèn kiểm dưới chân đôn, thì thấy nó đã chết rồi. - Ông thương khóc, niệm Phật chú nguyện cho nó và lấy một miếng vải đỏ buộc vào chỗ lưng bị cắt, rồi đem chôn sau vườn chùa.

Muôn tâu Bệ hạ! Con thiện trùng ấy tức là kiếp này làm thân Hoàng hậu; còn vị Giám tự là kiếp này làm thân của Bần Tăng đây. - Vì vậy oan gia gặp nhau toan đòi nợ trước, nếu tôi kiếp này tu hành lơ láo, thì có thể nào thoát ra khỏi tay của Hoàng hậu!".

Vua Võ Đế nghe nói liều gạt đầu mà đáp rằng: "Hèn gì Hoàng hậu của

Trẫm thường thường buộc sợi dây đỏ ngang lưng, không khi nào rời bỏ, mà Trẫm không biết có làm sao. - Có một đêm Hoàng hậu ngủ mê, Trẫm lén mở sợi dây ấy ra, thì Hoàng hậu nói rằng đau lưng, rồi lấy dây ấy buộc lại vào, tức thì không đau nữa. Nay Hòa thượng bày tỏ sự tức trái như vậy, thì biết Phật nói "NHÂN QUẢ" thiệt là không sai".

Từ ấy, vua Võ Đế lại càng tin tưởng Phật pháp, trọng đãi Chúng Tăng và nguyện một lòng phụng sự Tam Bảo...

Hết

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**HOÀNG TỬ HIẾU THẢO**  
Tác giả: Trích Viên Âm

*Cùng tột điều thiện không gì hơn Hiếu,*

*Cùng tột điều ác không gì hơn Bất hiếu.*

Xưa có vị hoàng tử tên là Nhẫn Nhục, tướng mạo khôi ngô, trí rất thông minh, lòng rất nhân đức. Ngài đem lòng thương xót hết cả mọi người, nên rất được mọi người thương mến. Đối với Vua cha và Hoàng hậu, Ngài rất kính yêu và hiếu thảo, không bao giờ từ chối một việc gì mà Ngài có thể làm cho cha mẹ vui lòng.

Một ngày kia Vua cha đau nặng, thuốc thang chạy chữa đã hết phương mà bệnh vẫn không thuyên giảm. Hoàng tử lo buồn lắm. Ngài hội các đình thần lại để hỏi xem ai có cách gì cứu chữa cho Vua cha. Trong triều có một kẻ gian thần, vì muốn giết Thái tử để cướp ngôi sau khi vua mất, liền đứng dậy thưa rằng: "Thưa Thái tử bệnh của Hoàng đế chỉ có một thứ thuốc có thể chữa được, nhưng khó kiếm". Hoàng tử tỏ vẻ vui mừng, vội hỏi: "Chẳng hay thứ thuốc ấy là thuốc gì thế? Nếu chữa được bệnh cho Phụ vương tôi, thì dầu khó thế nào, tôi cũng cố tìm cho được". Bẩm, ấy là cái nảo của một người trẻ tuổi mà từ nhỏ đến lớn rất hiếu thảo với cha mẹ và nhân đức với mọi người". Hoàng tử hỏi: "Vậy nảo của tôi có thể đem dùng để làm thuốc được không?". Kẻ đại thần nghe nói, trong lòng lấy làm mừng rỡ, nhưng giả vờ buồn bã mà thưa rằng: "Thưa chắc được, vì còn ai hiếu thảo và nhân đức hơn Ngài. Nhưng chúng tôi không dám và cũng không nỡ làm một việc nhẫn tâm như thế". Hoàng tử khẳng khái trả lời: "Nếu tôi chết mà cứu sống được Phụ vương tôi, thì tôi rất sung sướng. Xin các Ngài đừng lo ngại".

Nói xong, Ngài liền truyền đem cắt đầu mình, lấy nảo đem hòa với thuốc để Vua cha uống. Lòng hiếu thảo của Thái tử động đến trời đất, nên khi vua uống xong chén thuốc thì bệnh liền thuyên giảm ngay.

Hoàng tử hiếu thảo trên đây, chính là tiền thân của Đức Phật Thích Ca.



**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**XÁ TỊNH KỲ HOÀN**

Đọc kinh sách Phật, chúng ta thấy Phật thường thuyết pháp ở "Tịnh xá Kỳ Hoàn hay Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên" cũng thế.

Được truyền tụng hơn hết, Tịnh xá này là công trình kiến tạo to tát của ông Tu Đạt Đa, một Phật tử tại gia thuần thành tên tuổi được hậu thế luôn luôn nhắc nhở.

Tu Đạt Đa, người ở thành Xá Vệ, xứ Ấn Độ, là tôi đại thần của vua Ba Tư Nặc và là một nhà giàu có nhất thời bấy giờ. Tánh tình hào hiệp ưa cứu giúp kẻ cô bản, hay làm việc bố thí, thi ân, khoan hồng với người dưới, khắp xứ đều biết danh, ông được người thời bấy giờ gọi tặng là Trưởng giả "Cấp Cô Độc".

Tu Đạt sanh được bảy người con trai. Chúng đều khôn lớn cả và có gia thất, trừ cậu út. Hình dung tuấn tú diện mạo khác thường, chàng có ý tự mình lựa chọn bạn trăm năm. Trưởng giả mới nhờ một thầy Bà La Môn tìm nơi mối lái.

Một hôm thầy Bà La Môn đến hóa trai ở một nhà nọ tại thành Vương Xá. Một người con gái xinh đẹp tuyệt trần, đem vật thực ra dâng. Hỏi ra mới biết là ái nữ của Trưởng giả Hộ Di. Thầy yêu cầu xin tiếp chuyện với phụ thân của nàng. Thiếu nữ vào trong thưa lại, một chập sau thầy được ra mắt Trưởng giả và lấy thật tình tỏ ý mình muốn tác thành cho hai họ.

Vì đã được nghe đại danh của Trưởng giả Tu Đạt Đa chẳng những là người giàu có muôn hộ, hay cứu giúp kẻ nghèo đói, cô bản, mà còn là một vị đại thần quyền thế ở thành Xá Vệ, nên không ngần ngại gì; Hộ Di vui lòng hứa lời cho đàn trai bước tới.

Nhân dịp có người khách buôn dong xe về Xá Vệ Bà La Môn liền gửi một phong thư báo tin lành, ông Tu Đạt tức tốc khởi hành, cho gia nhân chở theo rất nhiều châu báu.

Lúc đến nơi, thầy Bà La Môn đưa ông tới nhà ông Hộ Di. Đàn gái hết sức vui mừng, tiếp rước trọng hậu. Nhận thấy tôi trai, tứ gái tấp nập cỗ bàn, Tu

Đạt Đa mới hỏi thăm duyên cớ. Trưởng giả Di cho biết sáng hôm sau ông sẽ làm lễ cúng dường Phật và chư Tỳ kheo Tăng.

- Phật là gì? Tu Đạt hỏi

- Quan huynh chẳng nghe ư? Con vua Tịnh Phạn ở thành Ca Tỳ La Vệ, tên Tất Đạt Đa, vì thấy khổ, sanh, già, bệnh, chết, buồn lòng không vui thú gia đình, bèn bỏ cung điện đi tu, sau sáu năm khổ hạnh, được trí huệ đầy đủ, thắng chúng ma vương, tự tại thần thông, quan minh chiếu diệu được người xưng tôn là Phật.

- Còn thế nào gọi là Tăng?

- Tăng chỉ các vị đệ tử của Phật đều là bậc sáng suốt giải thoát, có thể vì chúng sanh làm đám ruộng phước.

Tu Đạt vui mừng vô hạn hỏi tiếp:

- Chẳng hay Phật và chư Tăng ở đâu?

- Tại một Tịnh Xá trong vườn Trúc (Trúc Lâm).

Trong đêm ấy Tu Đạt Đa sanh lòng kính tin, lăn lộn không ngủ, trông mau trời sáng để đến ra mắt Thế Tôn.

Vừa bình minh ông đã trời dậy, hỏi hướng rồi ra đi.

Tịnh xá Trúc Lâm vẫn còn yên tĩnh, sương lạnh phủ dày, các Tỳ kheo còn đang thiền tọa. Tu Đạt Đa đang ngơ ngác, thì đằng xa có bóng người tiến đến. Thì ra đó là Đức Phật, bởi biết trước nên xuất thiền ra ngoài kinh hành. Vừa trông thấy tướng mạo nghiêm trang, oai nghi, đỉnh đạt của Ngài, Tu Đạt Đa mừng quá quên cả lễ phép:

"Thưa ông, không biết đức Cù Đàm đã dậy chưa? Ngài ở đâu? Tôi muốn gặp liền bây giờ được chăng?" Đức Phật vui vẻ chỉ chỗ mời ngồi, rồi ôn tồn hỏi: "Ông tìm đức Cù Đàm có việc chi? Chính tôi là người ông đang tìm".

Biết là Đức Phật và cảm kích trước lời nói của Ngài, Tu Đạt Đa liền cúi mình làm lễ và tha thiết bạch rằng: "Lạy Ngài rũ lòng thương xót, mở lòng dạy bảo cho kẻ đệ tử đầy tội lỗi này!".

Đức Thế Tôn bèn nói Pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã và Niết Bàn yên vui vắng lặng cho ông Tu Đạt nghe. Khi nghe xong, ông quá đỗi vui mừng, liền nhiếp Thánh pháp, đặc quả Tu Đà Hoàn, thí như miếng lụa trắng để ăn màu nhuộm. Trưởng giả bèn quì xuống, chấp tay lạy Phật: "Bạch Thế Tôn,

những người ở thành Xá Vệ nghe pháp có thể dễ thâm nhiễm như con không?" Phật bảo: "Ông vì tức căn nên mới sớm ngộ như thế không phải ai cũng ngộ như vậy đâu. Và lại dân thành Xá Vệ phần nhiều tin theo tà giáo, khó mà nhiễm thánh pháp". Tu Đạt bạch Phật: "Cúi xin Ngài thương xót, rủ lòng đại từ quang lâm Xá Vệ đánh chuông cảnh tỉnh để người theo tà quay về lẽ chánh".

Phật bảo: Phép của người xuất gia không được ở chung chạ với người thế tục, bên ấy không có Tịnh xá thì làm sao ta và các Tỳ kheo sang ấy ở được.

- Đệ tử xin phát tâm kiến tạo Tịnh xá mong Phật từ bi hứa khả cho.

Đức Phật yên lặng, tỏ dấu hứa chịu.

Mấy hôm sau, khi lo vợ cho con xong ông Tu Đạt trở lại rừng Trúc báỉ Phật xin phái một vị đệ tử đi theo chỉ bảo cách thức xây cất Tịnh xá. Đức Thế Tôn nghĩ rằng ở Xá Vệ bọn Bà La Môn rất nhiều, họ tin tưởng xằng bậy những điều không hợp chánh lý thế nào họ cũng ra mặt tranh đương, người kém tài kém đức, khó bề hàng phục được họ. Chỉ có Xá Lợi Phất trước là dòng dõi Bà La Môn thông minh đa trí, hiểu rõ nội bộ của họ đi mới có lợi. Phật liền sai Xá Lợi Phất đi theo Tu Đạt sang Xá Vệ.

Dọc đường Tu Đạt hỏi Xá Lợi Phất: "Đức Phật đi bộ bao nhiêu dặm trong một ngày?" Xá Lợi Phất đáp: "Chừng nửa do tuần". Ông Tu Đạt bèn cứ hai mươi dặm là mướn người cất một khách xá (nhà tạm) để khi Phật sang Xá Vệ, đêm có chỗ tạm nghỉ.

Khi về đến nhà, Tu Đạt và Xá Lợi Phất trải qua mấy ngày vất vả và vẫn chưa tìm ra chỗ nào vừa ý. Một hôm đi ngang vườn cây của Thái tử Kỳ Đà, thấy đất đai bằng phẳng, cây cối xum xuê. Xá Lợi Phất bảo Tu Đạt: "Trong vườn này cất Tịnh Xá được, vì không xa không gần thành; xa quá thì khó cho sự khất thực, còn gần quá thì ồn ào, loạn động khó yên tâm để tu hành". Thấy Tu Đạt ra chiều suy nghĩ, Xá Lợi Phất tiếp: "Phải chăng ông sợ không thể mua được chớ gì? Ông nên đến ướm hỏi Đông cung xem sao".

Ông Tu Đạt liền đánh bạo đến ra mắt Thái tử Kỳ Đà.

- Tâu Thái tử! Tôi muốn kiến tạo một Tịnh xá để thỉnh Phật và chư Tăng sang đây diễn giáo, nhưng tìm mãi không ra chỗ. Nay Thái tử có vườn cây

tốt, rộng rãi, xin Thái tử vui lòng nhường, miếng vườn ấy lại cho tôi, công đức của Thái tử thật vô lượng vô biên.

Thái tử cả cười bảo: "Tôi đâu có thiếu thốn gì mà phải bán; vườn này để làm chỗ ngoạn thưởng trong khi nhàn rỗi, cho thư thả tâm hồn, bán đi thì làm thế nào?".

Ông trưởng giả Tu Đạt năn nỉ mãi. Thái tử tánh dễ cảm, song vì tiếc miếng vườn nên định làm thối chí ông Tu Đạt:

- Nếu trưởng giả mua, xin đem vàng lót khắp mặt đất tôi sẽ bán cho.

- Vâng.

Thái tử hỏi hồi:

- Tôi nói chơi như thế, chớ bán đi thì làm gì.

- Quân tử vô hý ngôn, Thái tử sẽ làm vua trị dân, nói bõn sao được.

Tu Đạt bèn vội trở về nhà hối gia nhân chở vàng đến lót. Khi đã phủ xong nơi đất liền. Trưởng giả suy nghĩ coi phải làm thế nào để lót mấy nơi bị cây mọc choán. Thái tử đến gần vỗ vai hỏi: "Thế nào Trưởng giả suy nghĩ gì? Nếu ông chê mắc thì thôi vàng ông chở về vườn tôi xin trả lại cho ông".

- Không, tôi không nói mắc rẽ gì đâu, thưa Thái tử. Tôi đang suy nghĩ coi phải chở ở kho nào cho vừa đủ, khỏi đem đi đem về thất công và tính coi mấy gốc bao nhiêu vàng đấy chứ.

Thái tử Kỳ Đà nghe xong hết sức ngạc nhiên, tự hỏi Phật là người thế nào mà Trưởng giả coi của cải như không, xem vàng rỗng như đất cục. Thật kỳ lạ quá... Có lẽ là một thánh nhơn, đạo cao đức cả mới có thể cảm hoá được lòng người như thế.

- Thôi, Thái tử bảo, ông đừng chở vàng đến nữa, bây giờ đất vườn thuộc về ông, còn cây thuộc về tôi, tôi xin cúng cho Phật đấy.

Trưởng giả vui sướng quá. Ngay ngày hôm sau kê thợ đo đất khởi công, còn Xá Lợi Phất thì vẽ bản đồ và chỉ bảo cách thức.

Song một trở ngại lại xảy ra. Phái Lục sư ngoại đạo Bà La Môn kéo nhau đến tâu vua Ba Tư Nặc: "Trưởng giả Tu Đạt Đa mua vườn của Thái tử để kiến tạo Tịnh xá cho bọn Sa Môn Cù Đàm xin bệ hạ cho phép chúng tôi cùng bọn kia tranh tài, nếu họ thắng được bọn tôi, chừng ấy họ mới được phép cất Tịnh xá và sang đây thuyết đạo, còn trái lại, thì ở đâu phải ở đó".

Nhà vua liền triệu Tu Đạt Đa vào triều vào bảo rằng: "Hàng Lục sư Bà La Môn không chịu có phái nào khác truyền giáo. Nay khanh mau vườn cất Tịnh xá để rước đồ chúng của Đức Cù Đàm về đây dạy đạo. Lục sư vào đây khi này, xin cho hai phái cùng nhau một trận thư hùng, nếu họ thua thì khanh tự ý muốn làm gì thì làm, còn nếu phe Cù Đàm thua thì đừng bèn mảng đến đây. Muốn cho yên thuận, ta đã hứa với họ rồi, vậy khanh lo liệu thế nào cho chu tất".

- Xin bệ hạ cho phép hạ thần trở về bạch lại với đệ tử của Đức Phật xem sao.

- Được, khanh cứ đi, muốn cho bọn họ và công chúng biết được giá trị của đôi bên, ngoài phương pháp đó, không còn gì hơn nữa.

Trưởng giả cáo từ ra về, mặt luôn luôn dàu dàu, đầu óc miên man lo nghĩ: "Không rõ bên ta có thể thắng được không? Hơn chẳng nói gì, còn rui thua thì khổ biết bao. Lục sư pháp thuật cao cường, lại bè lũ đông đảo, liệu một mình Ngài Xá Lợi Phất có đương cự lại chăng?". Bao nhiêu câu hỏi làm lòng ông ngổn ngang lo sợ, đến nỗi về đến cửa nhà mà ông không hay.

Trông thấy vẻ mặt đượm đầy u buồn, lo ngại của Tu Đạt, Xá Lợi Phất bèn cất tiếng hỏi: "Hôm nay có việc gì mà Trưởng giả không được vui?".

Tu Đạt rầu rầu đáp: Thưa Ngài công việc kiến tạo Tịnh xá sợ không thành tựu.

- Tại sao thế?

- Thưa Ngài, bọn Lục sư quyết lòng ngăn trở công việc làm của mình. Họ đã đến khiếu nại với vua, xin cho cùng chúng ta tranh thủ nếu chúng ta thắng họ thì mới được cất Tịnh xá. Vua đã chuẩn y lời của họ. Bây giờ trăm việc tôi xin trông cậy vào Ngài. Tôi lo lắng, bọn họ tu hành theo tiên đã lâu, tài nghệ pháp thuật cao cường, trong thành này ai cũng biết, thêm nỗi bọn họ rất đông, liệu mình Ngài có chống nổi chăng?

- Trưởng giả đừng ngại. Tôi tuy một mình, nhưng ông có thấy chăng, chỉ một ánh sáng mặt trời đủ phá tan bao nhiêu bóng tối; cần gì phải đông. Đồ chúng của Lục sư có nhiều đến bực nào cũng không làm chi tôi nổi. Trưởng giả cứ vững lòng tin tôi và tâu lại nhà vua xin định ngày đấu sức, không sao.

Tu Đạt nghe nhõm người, chạy bay vào cung, xin định ba hôm sau là mở hội tranh tài.

Bọn Lục sư truyền rao cho tín đồ của chúng hãy đến xem cuộc đấu phép ít có mà phần thắng chắc chắn về phái họ. Vua Ba Tư Nặc cũng truyền lệnh cho dân gian và cho phép tam cung lục viện đến dự. Đồng thời vua cho cất khán đài tại một miếng đất trống to lớn phía ngoài thành.

Đúng ngày giờ hẹn, trời vừa tang tảng sáng, bọn Lục sư đã lũ lượt kéo tới, cả dân chúng nữa, người người không thể tính số được. Giữa khán đài, vua và hoàng hậu ngồi ghế lớn, hai bên trăm quan và cung phi mỹ nữ đứng hầu, còn dân chúng chen nhau đứng phía dưới. Trước đài, tả hữu có hai đài khác, dành cho hai phái tranh thủ.

Giờ đấu tài đã đến, bọn Lục sư thấy thế tuyên bố âm lên: "Bọn Cù Đàm sợ chúng ta rồi, đã tới giờ mà không thấy bóng hình đâu cả". Tiếng bàn tán cải cộ thêm to. Có kẻ đánh bạo đến gần tâu vua: "Tâu bệ hạ, bọn đệ tử Cù Đàm có lẽ tự biết mình vô tài nên không dám đến. Vậy xin bệ hạ kể họ như thất trận rồi".

Vua Ba Tư Nặc trầm tĩnh đáp: "Chưa gì mà các người đã vội ca khúc khải hoàn, hãy đợi một chút nữa xem nào". Đoạn vua xoay qua Tu Đạt: "Tại sao thầy của khanh chưa đến, khanh hãy đi xem thử sao?".

Lúc ấy, Xá Lợi Phất đang ngồi thiền định dưới cội cây to, yên lặng suy nghĩ: "Hội chúng hôm nay phần đông theo tà giáo đã lâu, tà pháp đã thâm nhiễm vào trong óc của họ, nên họ đây vẽ kêu mạn, tự cao. Làm thế nào mà cứu vớt họ? Phật đã dạy, trong khi truyền đạo, không nên dùng thần thông làm kinh dị lòng người, nhưng trong trường hợp này, nếu không dùng thần thông thì làm sao gây được tín tâm. Vậy xin Phật thấu hiểu và xá tội cho!". Vừa nghĩ xong thì Tu Đạt hấp tấp đến.

- Bạch Đại đức, công chúng đã nhóm họp đông đủ cả rồi, nhà vua đang chờ trông, xin Đại đức quang lâm cho.

Xá Lợi Phất bèn xuất thiền đứng dậy, sửa ngay y phục, vắt tọa cụ lên vai, rồi oai nghiêm cất bước, từ từ tiến về phía diễn trường mà quang cảnh mà là một biển người, lô nhô đầu là đầu không hàng ngũ trật tự gì cả. Thế mà khi Xá Lợi Phất đến, công chúng lại tự dừng vệt ra, chừa một đường khá

rộng cho Ngài vào. Tu Đạt ung dung theo sau khỏi chen lấn gì cả.

Xá Lợi Phất đi đến đâu thì đám đông cúi chào, xa trông như một đồng lúa bị gió đùa. Còn bọn Lục sư, tuy lúc đầu đã dạn nhau không được tỏ vẻ kính nể nào, nhưng khi thấy vị đại đệ tử của Phật, tất cả như bị một sức mạnh gì ở thâm tâm thúc đẩy, đồng đứng dậy lễ phép chào như bao nhiêu người khác. Xá Lợi Phất chậm rãi thượng đài và an tọa. Vua Ba Tư Nặc liền ra lệnh cho hai bên đầu phép.

Lao Độ Sai, tay huyền thuật giỏi nhất trong phái Lục sư, trở tài trước. Công chúng đang lao nhao chờ đợi, bỗng thấy một cây đại thọ mọc lên giữa sân sừng sừng, to lớn một cách nhanh chóng khác thường, tàn che kín khắp vùng đất chiếm làm diễn trường.

Đồ chúng của Lục sư, biết là sự biến hóa của phe mình, lấy làm thích chí, trầm trồ khen ngợi vang rền. Tứ phía muôn mắt quay về hướng Xá Lợi Phất đang tĩnh tọa, đôi mắt lim dim như không hay thấy gì hết. Một phút, hai phút... Mọi người đều nóng ruột, nóng hơn hết có lẽ là Tu Đạt Đa. Tiếng ồn ào vừa ngưng trong một hồi chờ đợi thắt thỏm, thì từ đôi mắt của Xá Lợi Phất hai luồng hào quang xẹt ra, bao luyện thân cây rồi cùng với thân cây biến mất trong chớp mắt. Tiếng hoan hô nổi dậy để tức khắc đổi thành tiếng kinh khủng: một con rồng nhiều đầu, thân thể to lớn dị thường, múa lộn trên hư không, giữa tiếng sấm sét vang tai điếc óc. Nhưng kìa, từ miệng của Xá Lợi Phất, một đạo bạch quang phóng ra, biến thành một con đại bàng, to gấp hai kẻ nghịch, xáp đến xót rồng bay mất.

Thua canh này bày canh khác, Lao Độ Sai bèn dùng mình biến thành một con quỷ Dạ Xoa ketch xù, trên đầu lửa cháy, mắt lồi, miệng đỏ, xông xô chạy lại đài Xá Lợi Phất, hung ác vô cùng. Trầm tĩnh vị đệ tử của Phật xòe bàn tay năm ngón dịu mềm: Năm vị Tỳ sa môn Thiên vương hiện ra, đứng bao bốn phía và trên không. Đồng thời lửa tam muội bùng bùng nổi dậy, phủ vây con ác quỷ không phương đào tẩu. Lửa càng cháy, tiếng than khóc cầu tha mạng sống càng lớn. Tâm khinh mạn đã tan, bốn phía lửa dữ cũng hạ, Lao Độ Sai hoàn phục nguyên hình, dập đầu sám hối tạ tội. Xá Lợi Phất bèn bay vọt lên hư không hiện đủ bốn oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hiện thân to lớn như hư không rồi lại hiện nhỏ, hoặc nữa, chia thân ra trăm



ngàn thân khác rồi thân trăm ngàn trở lại một. Xong, Ngài trở về chỗ cũ, ngồi yên, thuyết kệ rằng:

Tâm sanh các pháp thủy đều sanh,

Tâm diệt các pháp thủy đều diệt.

Muôn ngàn nghiệp chướng thủy do tâm,

Rồi cũng do tâm mà diệt nghiệp.

Công chúng được xem các phép biến hóa và được nghe bài kệ rồi, nhảy nhót vui mừng như người nghèo được của báu.

Nhân cơ hội ấy, Xá Lợi Phất dạy: Các pháp là khổ, là không, là vô thường, vô ngã; tất cả đều do tâm, tâm không dính mắc theo trần lao phiền não là Niết bàn tịch tịnh. Trong thính chúng bấy giờ có nhiều người nhớ lại nhân duyên trước của mình, phát tâm hướng về nẻo giải thoát, thấu được lý đạo, kẻ chứng quả Tu đà hoàn, người chứng quả Tư đà hàm v.v... Hơn ba ngàn đồ chúng của Bà La Môn đều làm lễ Xá Lợi Phất xin thọ giáo.

Cuộc so tài đấu phép đến đây chấm dứt, vua truyền bế mạc. Công chúng lục tục ra về với bao vẻ hân hoan, mà người vui mừng nhất là Tu Đạt.

Mờ sáng hôm sau, người ta đã thấy Xá Lợi Phất, Tu Đạt Trưởng giả và những công nhân kiến trúc có mặt tại vườn Kỳ Đà, bắt tay vào việc. Tuy mệt nhọc nhưng mọi người đều vui vẻ sốt sắng.

Một hôm, đi ngang nền Tịnh xá, Xá Lợi Phất bỗng nhiên dừng bước chỉ con kiến càng to lớn đang bò, bảo Tu Đạt trưởng giả: "Một khi ta mất thân người, muôn kiếp khó hoàn phục. Con kiến này đã nhiều kiếp chết đi sanh lại nơi đây là chỗ bảy đời Phật hằng giảng pháp. Ông nên biết, dầu ở sát bên chỗ Phật nói pháp mà trót mang thân súc sanh thì có mắt cũng như đui, có tai cũng như điếc, không giải thoát. Còn làm người mà mê muội, cứ nhắm mắt chạy theo tiếng gọi của vật dục, tham luyến dục lạc hiện tiền, không chịu suy nghĩ, chỉ biết có ngày nay không tin nhân quả, đã vậy còn gây thêm nghiệp hủy bán chánh pháp, thì xét kỹ không hơn con kiến bao nhiêu, cảnh sống càng xa ánh sáng giác ngộ, khổ não trăm bề, sa đọa vào bậc thấp hèn đem tối. Thế nên sanh được làm người là một điều khó; là một đại bất hạnh khi đã được thân người mà không lo tu sửa để được lần về nẻo giải thoát, hoặc kiếp sau còn trở làm người cố công tu học, thì thật uổng



cho một kiếp.

Công trình kiến trúc vĩ đại quá, thành thử Xá Lợi Phất cũng như Tu Đạt trưởng giả phải vất vả, cực nhọc suốt ba bốn tháng mới hoàn thành. Tu Đạt bèn vào triều yết kiến vua Ba Tư Nặc trình các việc và xin vua phái sứ thần sang thành Vương Xá thỉnh Phật quang lâm. Vua y lời.

Một buổi sáng trời quang gió mát, Đức Thế Tôn cùng các đệ tử lên đường sang Xá Vệ, ngày đi đêm nghỉ nơi các khách xá của Tu Đạt đã lo xa cho cất bước kia. Khi gần đến thành, vua quan cùng dân chúng ra đón cách một khoảng xa. Vào đến Tịnh Xá, Đức Phật an tọa, mọi người làm lễ rửa chân cho Ngài và đi nhiễu ba vòng, rồi theo thứ cấp ngồi dưới chân quanh Phật. Đức Thế Tôn phóng ra năm sắc hào quang rực rỡ chiếu khắp thế giới, đoạn Ngài diễn nói công đức bố thí, tu phước cho đại hội thính chúng nghe. Ai nấy đều được lòng dạ sáng tỏ vui vẻ vâng làm.

Từ ấy, mỗi ngày Đức Phật và các đệ tử vào thành khất thực, đến trưa về Tịnh xá thọ trai xong và thăng tòa diễn pháp cho các đệ tử hai phái cùng nghe. Số người theo về quy y đông vô kể.

Chẳng những là một công trình xây dựng lịch sử, Tịnh Xá Kỳ Hoàn còn là một nhắc nhở lớn cho các hàng Phật tử tại gia về bốn phận hộ trì Tam Bảo.

*Xây dựng một ngôi chùa,*

*Tức là đã phá huỷ một nhà lao.*

*Thêm một đoàn thể học Phật,*

*Tức nhiên bớt một số người tù tội.*

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**LÒNG NGƯỠNG MỘ PHẬT PHÁP CỦA VUA A DỤC**  
Trích: Viên Âm

*Hoa thơm nhờ nhụy*

*Người có giá trị bởi đạo đức.*

Vua A Dục trước là người rất độc ác, từ khi theo đạo Phật đổi thành người rất nhân từ. Hồi mới theo đạo, vì lòng cảm mộ quá dồi dào nên mỗi khi ngự ngoài đường hễ gặp vị Tỳ kheo nào đi ngang qua, liền xuống kiệu khấu đầu lạy.

Có một vị đại thần tên là Da Tát lấy thế làm quá đáng bèn can ngăn vua rằng: "Các Tỳ kheo kia chẳng qua là những người các cấp đi hành khất ngoài đường, không đáng tôn trọng lắm". Vua yên lặng không trả lời.

Cách vài ngày sau, vua truyền cho các quan văn võ, mỗi ông phải đem bán một đầu súc vật, và cho biết giá bán các đầu ấy như thế nào. Ông Da Tát phải bán một đầu người. Các đầu súc vật thời bán được với giá tiền sai khác hơn kém nhau, duy có đầu người của ông Da Tát bán thời không ai mua cả. Vua hỏi cố sao, ông Da Tát trả lời: Vì đầu người là vật hèn hạ không có giá trị gì, Vua lại hỏi: "Chỉ có một đầu này là hèn hạ hay tất cả đầu người đều hèn hạ?" Ông Da Tát đáp: "Tất cả đầu người đều hèn hạ". Vua bèn hỏi: "Vậy đầu Trẫm đây cũng hèn hạ sao?" Ông Da Tát sợ hãi không dám nói, sau Vua cũng thú thật đầu Vua cũng hèn hạ.

Vua bèn giảng cho ông Da Tát nghe rằng: Phải! Người muốn can ta đừng lạy các vị Sa môn là nhà người có ý kiêu căng tự đắc. Nhưng cái đầu của Trẫm này là một vật hèn hạ không ai thèm mua, vì cúi xuống mà được thêm công đức, thêm giá trị lên, thì phổng có hại gì? Nhà người muốn chỉ trích các thầy Sa môn là người các cấp không sang trọng nhưng nhà người không rõ uy đức của các Thầy. Khi nào có đi ăn tiệc, ăn đám cưới thời mới nên hỏi đến giai cấp người ta, chớ đi tu học phân biệt gia cấp làm gì. Như người sang trọng danh giá bị tội nặng thời ai cũng nói "Người này là kẻ có tội" và ai cũng đem lòng khinh bỉ. Trái lại con người hèn hạ mà tu nhân tích đức

thời ai cũng kính trọng ai cũng cúi đầu.

Vua nói đến đây, bèn chỉ hần vào mặt ông Da Tát mà nói lớn rằng: Nhà ngươi há lại không biết câu này của Đức Phật Thích Ca hay sao? Ngài dạy "Người có trí thời dầu vật không có giá trị cũng làm nên giá trị". Ta muốn theo Phật, ngươi lại can gián ta, ấy là bất trung. Đến khi ta nằm xuống đất như cây mía kia thì dầu muốn lay, muốn đứng dậy, muốn cung kính cũng không sao được nữa, thời làm thế nào được công đức. Vậy ngươi để yên ta lay các vị Sa môn để kiếm chút phước đức. Nếu có người dám tự nói "Ta là người đáng tôn trọng hơn cả", thời người ấy là người u mê nhất đời vậy. Nếu lấy huệ nhãn của Đức Phật mà xem xét thân thể, thời biết thân thể ông vua và thân mọi người giống nhau, cũng là da, thịt, xương, khác nhau chỉ có cái phù hoa trang sức bề ngoài. Nhưng cốt yếu ở đời là lòng đạo đức thời trong thân thể người hèn hạ nhất ở đời cũng có được, chính cái ấy con người trí giả gặp đâu cũng phải cung kính phải vái lạy vậy.

Hết

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**TÌNH THƯƠNG VÀ THÙ HẬN**  
Huyền Thanh

Trường Thọ Vương ngược nhìn ra trời đêm mù mịt. Kinh thành Ba Diệp đang ngập trong bóng tối nặng nề. Ngoài xa, có le lói ánh lửa chắc quân thù đã hạ trại khi trời chiều, ở đồi bên kia.

Ngày mai!... Vâng, ngày mai nếu cứ tình trạng này thì cũng đến đánh nhau to. Không lẽ thành kia vấy máu, hồ kia ngập xác người, máu thấm đất cày đã hút nhiều mồ hôi lao động? Ai thích nghe chi những tiếng gầm gào say máu, tiếng khóc than trên trận địa?

Càng nghĩ Vương càng thấy ruột rối bời. Lời khuyên nhủ của vị trung thần còn văng vẳng.

Bệ hạ không lý do chậm trễ. Giờ phút hưng vong của nước nhà là đây. Chúng ta không thiếu người tài giỏi. Đội ngũ đã sẵn sàng, xin Ngài mau ra lệnh tiến binh.

Vương thấy ngao ngán vô cùng. Suốt đời làm vua, Trường Thọ Vương không bao giờ dùng thanh gươm nhọn để trị nước. Bằng đức độ và tình thương, Vương đã đem đến cho nhân dân cuộc sống yên lành. Nhưng cũng vì thế mà binh không hùng, tướng không mạnh. Vương có bao giờ nghĩ đến việc chinh phạt ai? Nhược điểm đó đã bị Phiên vương, một chư hầu nhòm ngó, rồi nảy ra ý tranh đoạt ngai vàng.

Bây giờ biết tính làm sao? Xuất binh ư? Chắc gì đã thắng? Mà nếu thắng thì cũng chỉ là giết người, có gì vui sướng. Gây chiến chinh thì làm sao tránh được cảnh mẹ già khóc con, vợ trẻ môi mắt chờ chồng và những em bé ngây thơ ôi chúng có tội tình gì đâu mà bắt chúng phải mồ côi, phải sống cuộc sống không tình thương và đói lạnh.

Mà để làm chi nếu không phải bảo vệ một ngai vàng vô nghĩa lý? Vương lắc đầu chán ngán: "Không thể được, ta không tham cái của phù hư đó. Các người cứ việc giành nhau. Ta sẽ đi tìm một cái gì nhân loại hơn đạo đức hơn".

Vương đứng dậy, mắt sáng ngời quyết định. Ngài bước lên về phía hậu cung, phòng Thái tử vẫn còn ánh sáng. Qua những phòng cung nga Vương khẽ thở dài khi nhìn họ đang mê mết ngủ. Họ đâu biết ngày mai có sự đổi chủ thay Thầy.

Đây là phòng Thái tử Trường Sanh Thái tử gục đầu xuống bàn, một ngọn nến lập lòe bên cạnh. Đứa con nhỏ hiếu học ấy là nguồn hy vọng và vui sống độc nhất của nhà Vua từ ngày Hoàng hậu chết giữa tuổi xuân. Vương sờ nhẹ trán con bằng một cử chỉ thương mến. Thái tử chợt tỉnh, ngỡ ngàng trong cái quỳ lạy đón chào. Vương nói với con:

- Con ơi! Phiên vương kéo quân đến cướp ngôi báu. Cha không muốn chỉ vì một ngai vàng nhỏ mọn mà nhân dân hai nước phải khổ đau. Hãy nhượng ngai vàng cho họ, cha con ta lên rừng tìm Đạo.

Thái tử chợt hiểu. Đôi mắt xanh biếc bỗng xoe tròn hai hàng lệ ngọc. Chàng nắm lấy tay cha như tìm nguồn an ủi. Thôi từ nay vĩnh biệt hoàng cung!...

Đêm ấy, theo hướng sao đêm có hai người dắt nhau vào núi.

Thế rồi dưới gốc cây già. Trường Thọ Vương cùng con tu luyện. Ôn ào của thế nhân chỉ còn vắng vắng phía bên kia đồi. Bụi đời mờ mịt nhân gian đã lắng yên trong người tu ẩn. Thái tử thường vào núi hái hoa quả cúng dường cha.

Hôm ấy chàng đi vắng. Trường Thọ Vương thiền định một mình. Bỗng giật mình vì một tiếng reo vui: "A! Chính Vua đây rồi!..." Một người ốm o hiện từ lùm đũa lại. Y nói:

- Kinh thành đã bị chiếm. Một số trung thần tử tiết. Phần lớn trở về vui thú đoàn viên. Phiên vương ra lệnh tầm nã Ngài rất dữ. Nhân dân rất nhọc nhằn không hiểu cái họa ấy đến bao giờ mới hết. Ngài thấy không, tôi đã đi khắp nơi trong nước. Hôm nay tình cờ gặp được, còn chi vui sướng bằng.

Vương hỏi như rên lên vì đau đớn:

- Vì ta trốn dân phải nhọc nhằn đày đọa?

- Vâng, Phiên vương đã đánh đập tra khảo biết bao nhiêu người vì nghi họ chứa Ngài. Phiên vương còn treo giải cho ai bắt được.

Y nắm lấy tay Trường Thọ:

- Ngài hãy đi theo tôi về triều để tôi nạp lấy thưởng.

Vương rầy mạnh, tên tay sai của Phiên vương gần ngã dụi. Nhưng Vương nghĩ: "Không lẽ ta để cho dân chúng phải đọa đày? Ta đã nguyện hy sinh tất cả để cứu đời. Mà thân mạng này rồi cũng có ngày tan rã. Phải cứu lấy nhân dân!" Vương đến để hai tay xuống vai người định bắt mình:

- Người ạ, nếu người bắt ta, nhân dân đỡ lo sợ, người có thể sung sướng ta nào tiếc chi.

Nhớ đến con, Vương khắc lên thân cây già một dòng chữ: "Cha đã bị bắt đưa vào kinh đô. Con ở lại tiếp tục tìm Đạo". Rồi nắm lấy tay y, Vương thúc giục: "Thôi ta đi".

Hắn làm sao hiểu được tâm trạng của nhà Vua khi hắn chưa quan niệm rồi những con người xả thân cứu thế. Những con chim rừng thường hót líu lo chúc tụng đời giác ngộ nay reo gọi nào nề...

Trường Sanh ôm giỏ hoa quả trở về thì còn đâu Từ phụ? Chàng tìm khắp nơi, gọi đến vang rừng cũng không một lời đáp lại. Tiếng tử quý buồn hiu hiu. Tình cờ đọc dòng chữ cha để lại, chàng ôm mặt khóc. Ôi đời có thể tàn bạo đến thế kia ư? Dù ở rừng sâu núi thẳm con người vẫn không được sống yên lành?

Theo đường cũ chàng lần về kinh thành Ba Diệp. Chính hôm đó, Trường Thọ Vương bị đưa lên giàn hỏa. Phiên vương đã đoạn tình khi xử tử một đấng vua hiền. Dân chúng bao nghẹt lấy giàn hỏa có những đôi mắt rơm rớm lệ. Họ đã khóc, thương một mạng sống lìa đời, tiếc một người cầm quyền đôn hậu.

Thái tử len lỏi đến tận giàn hỏa. Chàng lấy tay làm hiệu để cha biết đang có mình ở đây. Vừa lúc ấy, lính châm lửa vào giàn. Lửa bùng bùng bốc cháy. Những ngòi lửa đỏ lòm lập lòe liếm quanh người Trường Thọ Vương như đang còn nếm thử. Thái tử bỗng giựt mình: Phụ vương đã thấy mặt con. Mắt Thái tử như đổ đồng tử. Nhưng tia lửa trên giàn hỏa kia liệu có rực đỏ bằng những tia lửa cắm hờn trong mắt chàng thiếu niên ấy? Mũi chàng mím lại, lúng búng một tiếng thét bị dẫn vào trong: "Cha ơi! Con sẽ trả thù! Con phải trả thù! Trả thù cho cha!".

Lửa bắt đầu cháy mạnh. Trường Thọ Vương muốn nói với con đôi lời trăn

trời. Người ngửa mặt lên trời để tránh sự nghi kỵ của đám tay sai Phiên vương. Người kêu lớn:

- Trường Sanh con! Hãy tưới tình thương và đức độ xuống hận cừu. Đừng bao giờ dùng gươm giáo để trả lời gươm giáo. Hãy sống cuộc đời Chư Phật, hỷ xả, từ bi...

Dàn lửa rừng rực, rừng rực. Lửa như reo hát, múa men. Những lời cuối cùng ấy bị tiếng lửa át mất. Thái tử mình trần trời và đau đớn vô cùng. Mắt cha hiền nhìn chàng tồi nhắm lại. Mùi khét lại bắt đầu lan xa...

Thái tử ngất đi trong đau thương cùng tận. Chàng đã thổ huyết đến 5 lần. Tuổi mười bốn ấy sớm chứng kiến những đau khổ của đời nên trở thành già dặn. Chàng bỏ vào rừng để nguôi ngoai tâm sự. Nhưng cứ một bước đi, một cái nhìn, hình ảnh cha hiện trên giàn hỏa rừng rực cháy cứ hiện ra như thực giục tăng trưởng ý chí phục thù. Chàng nghĩ:

- Nó đã giết cha ta. Nó đã cướp giang sơn ta. Phải lấy máu kẻ thù rửa hận. Giết! Giết!

Sương nắng của núi rừng rèn luyện thêm lòng chàng. Đói rét của cuộc đời lang thang thử thách con người chí khí. Thái tử đã quyết báo phục thù. Chàng lại lần mò về kinh thành Ba Diệp. Chàng tìm mọi cách để được gần Phiên vương.

Một viên đại thần thấy chàng có sức lực nuôi và cho chàng trồng rau. Vốn bật thiệp và thông minh, chàng lần hồi được mọi người mến phục. Những việc khó giải quyết trong nhà viên đại thần, chàng đều giải quyết được cả. Vì thế chàng trở thành kẻ tâm phúc của ông ta. Nhưng ông không hề biết đó là Trường Sanh Thái tử vì chàng cải trang rất khéo.

Một hôm, ông hỏi Thái tử:

- Này, nhà ngươi có tài gì đặc sắc nữa không?

- Thừa đại quan tôi có tài làm bếp.

Quả đúng như lời, Trường Sanh nấu ăn còn giỏi gấp mấy anh bếp trong nhà. Viên quan rất thích. Muốn khoe người bếp giỏi, ông ta mời Vua đến dự tiệc tại tư dinh.

Thái tử cố gắng nấu ăn thật ngon để thỏa phục làm ham thích của Phiên vương. Quả nhiên, Phiên vương nài nỉ viên đại thần trao cho mình người

đầu bếp. Và Thái tử nghiêm nhiên trở thành người đầu bếp riêng của nhà Vua.

Chàng tìm cách mua chuộc lòng tin yêu của Vua và đã nhiều lần chàng tỏ rõ sự thông minh uyên bác của mình. Phiên vương rất mến phục cho làm kẻ hộ vệ tâm phúc của mình. Hơn nữa làm việc gì Vua cũng hỏi ý kiến của chàng. Đi đâu, Vua cũng cho chàng đi theo.

Ngày mong đợi đã đến. Hôm ấy, chàng phò Vua đi săn. Mãi theo con mồi, Vua cùng chàng tiến sâu vào trong rừng thẳm. Kể ra thì Trường Sanh cũng biết lối ra nhưng chàng cố ý đưa Vua đi lạc.

Mặt trời đã lặn mà hai người còn lẫn quẩn trong rừng. Đoàn hầu cận không có một ai. Những tàn cây u ám giăng bóng tối che khuất ánh sao đêm leo lét phía chân trời. Vua buộc lòng phải ngủ dưới một gốc cây. Thái tử đeo gươm đứng hầu bên cạnh.

Cơ hội tốt đã đến. Trường Sanh cứ nhìn kẻ thù đang mê mệt dưới chân mình. Tâm tư chàng thúc dục: "Nó đã giết cha mày, chiếm giang sơn của mày! Còn chờ chi nữa mà không ra tay?..." Chàng rút gươm ra khỏi vỏ. Bỗng nhiên chàng như thấy đôi mắt dịu hiền của Trường Thọ Vương trên giàn hỏa. Tiếng nói của người như đang dội lại trong lòng chàng: "Con ơi hãy tưới tình thương và đức độ xuống hận cừ. Đừng bao giờ dùng gươm giáo để trả lời gươm giáo. Hãy sống cuộc đời Chư Phật, hỷ xả, từ bi...". Ôi lời cha còn đó, Thái tử có thể quên chăng? Chàng run tay, thanh gươm bén lại hiền lành chui vào vỏ. Vừa lúc Phiên vương thảng thốt thức dậy:

- Này khanh trẫm vừa mơ thấy một người muốn giết trẫm.
- Muôn tâu bệ hạ, có lẽ hơi lạnh thấm vào người sinh ra mộng寐. Có hạ thần đứng đây thì ai mà dám bén mảng?

Phiên vương yên tâm nằm xuống ngủ. Hình ảnh cha mình bị thảm sát lại hiện lên rước mắt Thái tử. Tâm tư chàng lại thúc dục: "Còn chờ gì nữa mà không lấy máu kẻ thù tế cho linh hồn cha..." Trường Sanh cương quyết tuốt gươm. Nhưng cũng vẫn đôi mắt dịu hiền, vẫn câu nói ngày xưa văng vẳng: "...Hãy sống cuộc đời Chư Phật, hỷ xả từ bi!.." Trong tâm hồn Trường Sanh hai dòng nước ngược đang ào ạt chảy: một dòng hận cừ đổ máu, một dòng đức độ thơm ngọt sửa hiền. Giữa ngã ba đường ấy biết về đâu?



Đã ba lần, chàng rút gươm toan hạ thủ nhưng nghĩ đến lời cha dặn, chàng lại thôi. Cuối cùng không chịu nổi sự dày dạn của lòng chàng hét lên tức bực:

- Hỡi kẻ thù tàn ác, vì danh giá nhà ta, vì lời dặn cha ta, ta sẵn lòng tha cho ngươi.

Từ bi đã thắng hận thù. Thanh gươm bây giờ không còn chịu ra khỏi vỏ. Phiên vương tỉnh dậy ngỡ ngàng:

- Khanh ơi! Trẫm vừa chiêm bao thấy con của tiên vương tha trẫm mà không trả thù. Khanh có biết là điềm gì không?

Trường Sanh trả lời trong nước mắt:

- Thưa Ngài, con của vua nước này chính là tôi đây. Khi cha tôi bị ngài thiêu trên giàn hỏa có căn dặn tôi không nên buộc chặt oán thù, hãy noi gương Chư Phật sống cuộc đời từ bi, hỷ xả. Vì thế đã ba lần tôi rút gươm muốn giết ngài nhưng lại thôi.

Phiên vương vô cùng hối hận. Vua ôm chầm lấy Thái tử mà nước mắt:

- Thôi khanh hãy giết trẫm để báo phục thù, Trẫm không muốn khanh phải khổ tâm hơn nữa.

Trường Sanh cảm xúc đáp:

- Không, hạ thần xin chịu tội. Bệ hạ hãy xử cho rồi!

Và cả hai im lặng. Đêm tối đã bắt đầu lui bóng. Phía chân trời ánh bình minh le lói như ánh sáng từ bi vừa lé sáng trong lòng người. Ôi từ bi quang! Từ quang đã dập tắt hận thù, chiếu sáng tâm hồn người đoạ lạc. Từ quang ôi! Hãy tuôn chảy như suốt thác, như sông biển dạt dào xuống lòng nhân loại si mê.

Phiên vương ôm đầu suy nghĩ. Vua thấy tội mình mới lớn làm sao. Gương sáng của Trường Thọ Vương làm ngài thấy hổ thẹn. Một ý so sánh chợt đến trong óc ngài. Vua nói:

- Khanh ơi, đêm nay ta bắt gặp những gì cao đẹp nhất của đời. Chiến tranh và hận thù đều là tội lỗi. Không gì quý bằng tình thương.

Trời đã sáng hẳn, Thái tử dắt vua ra khỏi rừng. Các quan đang nóng lòng chờ đợi. Đêm rồi nào ai biết vua ở đâu? Vua hỏi hết bá quan:

- Các khanh có biết Thái tử con vua cũ nước này ở đâu không? Rồi không

đợi trả lời, người nắm lấy tay Thái tử, cao giọng:

Đây là ân nhân của ta, Trường Sanh Thái tử con vua cũ, người đã vì hiếu quên thù. Nay các khanh, không có gì cao cả cho bằng đức độ của tiên vương. Hãy nghe theo lời người... "Tưới tình thương và đức độ xuống hận cừu..."

Ngày hôm sau, Phiên vương trả nước lại cho Thái tử. Công đức Trường Thọ Vương được tán tụng khắp nơi. Thái tử nối chí cha, gieo rắc từ bi trong lòng nhân loại. Cuộc đời vì thế bớt đau thương...

(Đây là một chuyện tiền thân của Phật Thích Ca do chính Ngài kể lại. Trường Sanh Thái tử là A Nan đệ tử yêu quý của Phật, còn Phiên vương là Đề Bà Đạt Đa.)

Hết

## **nhieu tác giả**

Truyện Cổ Phật Giáo

### **GƯƠNG BỐ THÍ**

Thuật giả: Chơn Trí

*Sướng gì hơn sướng làm lành*

*Cho bao nhiêu của để dành bấy nhiêu*

Ngày xưa có một vị Bồ tát, nhân thấy cuộc đời vô thường cho đến cả thân mạng và của cải cũng vậy. Nên Bồ tát phát tâm đồng mãnh đem tất cả sản nghiệp của mình bố thí.

Trong khi bố thí Bồ tát không phân biệt người oán kẻ thân, miễn thấy ai thiếu thốn khổ sở là Ngài đem lòng thương xót và tận tâm giúp đỡ. Cũng vì thế, nên lòng nhân từ của Ngài vang khắp mọi nơi, và ai nghe đến tên Ngài cũng đều cảm phục.

Nhân đó, một vị Thiên đế Thích chương quản Dục giới sanh lòng ghen ghét lo sợ. Ông ta thầm nghĩ: "Nếu vị Bồ tát này tu hạnh bố thí quảng đại như vậy không bao lâu phước đức của người sẽ hơn ta và khi ấy địa vị Thiên Đế Thích này chắc gì ta giữ mãi được". Nghĩ thế rồi; Thiên Đế Thích bày mưu kế để lung lạc hạnh bố thí của Bồ tát. Ông bèn dùng thần thông hóa hiện một cảnh địa ngục ghê rợn trước mắt Bồ tát và trong địa ngục ấy, một tội nhân đang bị hành hạ khổ sở... Thấy tội nhân bị hành hạ Bồ tát thấy làm đau đớn thương xót trong khi ấy thì Thiên Đế Thích kia liền đến chỉ vì chuyên tu hạnh bố thí, nên ngày nay y phải chịu quả báo đau khổ và nếu người tu hạnh bố thí, thì sau này khi mạng chung, người cũng phải đọa vào địa ngục này để chịu mọi điều đau khổ như thế. Vậy, người còn muốn tu hạnh bố thí nữa không?".

Nghe Thiên Đế Thích nói, Bồ tát rất ngạc nhiên, và bảo với Thiên Đế Thích rằng: "Tôi chưa hề nghe ai nói bố thí mà bị đọa vào địa ngục và chịu mọi đau khổ!". Đế Thích trả lời: "Nếu người không tin, thì người thử đến hỏi tội nhân ấy". Bồ tát liền đến hỏi tội nhân: "Người vì duyên cớ gì mà phải chịu hình phạt như thế?". Tội nhân trả lời: "Cũng vì lúc sanh tiền có bao nhiêu tiền của tôi đều đem giúp hết cho người, nên nay tôi chịu quả báo đau khổ

ở đây". Bồ tát lại hỏi: "Nếu người đem tiền của bố thí mà nay phải chịu quá báo đau khổ, vậy những kẻ được bố thí thì sao?". Tội nhân đáp: "Những kẻ được bố thí, sau khi mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời hưởng quả báo an vui".

Nghe vậy Bồ tát vui vẻ nói: "Sở dĩ ta đã bố thí là vì muốn cho chúng sanh thoát khổ được vui... Nhưng nếu vì bố thí mà thân ta phải đọa vào địa ngục để chịu muôn ngàn đau khổ, ta cũng vẫn vui lòng. Và lại cứu giúp chúng sanh mà thân mình bị đau khổ cũng là điều rất thường đối với Bồ tát".

Thiên Đế Thích nghe vậy, rất lấy làm cảm phục và cung kính hỏi rằng: "Vì chí nguyện gì mà người có những hành động quả cảm như thế?" Bồ tát trả lời: "Chí nguyện của ta không ngoài mục đích cầu Phật đạo để cứu khổ chúng sanh".

Sau khi biết rõ chí nguyện của Bồ tát, Thiên Đế Thích tự thấy hối hận, liền thành kính đến quì trước Bồ tát: "Thưa Ngài chỉ vì nghiệp chướng mê mờ, sợ mấy quyền vị Đế Thích nên tôi giả bày cảnh địa ngục ấy, để hầu lung lạc chí nguyện bố thí mà phải chịu quả báo đau khổ! Nghĩ lại hành động lỗi lầm của tôi, tôi rất hổ thẹn và đau đớn. Vậy trước Ngài tôi xin sám hối và xin nguyện sẽ mãi mãi noi gương bố thí cao quý của Ngài; và nguyện sẽ hết lòng giúp đỡ những ai trong cõi Dục giới này, phát tâm tu hạnh bố thí."

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**MỘT CÂU ĐÁNG GIÁ NGHÌN VÀNG**  
Trích báo: Viên Âm

Muốn biết nguyên nhân thời kỳ đã qua, thì nên xem kết quả hiện tại đương thọ.

Còn muốn biết kết quả về sau thế nào, thì nên xem cái nhân hiện tại đương làm.

Đời xưa có một nhà triết lý treo biển giữa chợ nói: "Ai chịu hể một trăm lạng vàng thì sẽ dạy cho một bài học rất hay!". Một vị quốc vương lúc ấy đi dạo chơi, thấy biển đó, động lòng hiếu kỳ, liền đem một trăm lạng vàng cho nhà triết lý để xin một bài học, thì nhà ấy chỉ dạy cho một câu: "Phàm làm việc gì trước phải nghĩ đến kết quả".

Câu ấy giản dị đến nỗi phần đông cận thần của vua bữu miệng trề môi cho giá một trăm lạng vàng là quá đáng. Nhưng sau khi ngẫm kỹ, vua nhận thấy lời ấy rất hay và truyền khắc câu ấy trên các tấm cửa cung điện và các đồ khí dụng của vua, để hằng ngày nhớ mãi không quên. Nhờ một câu ấy mà vua xóa bỏ được nhiều điều tệ, phát minh được nhiều điều hay về chính trị làm cho nước mỗi ngày mỗi thêm thịnh vượng.

Thời ấy có những bậc Hoàng thân thấy Thái tử còn nhỏ, muốn gấm ghé ngôi báu, nên âm mưu làm nhiều điều thí nghịch, họ lo lót với một quan ngự y để đầu độc vua trong những khi đau ốm.

Một hôm, vua se mình đòi quan ngự y đến làm thuốc, quan ngự y chế thuốc độc sẵn, rót vào chén ngự để dâng vua. Nhưng may thay, trong lúc quan ngự y lại thấy nơi chén câu cách ngôn: "Phàm làm việc gì trước phải nghĩ đến kết quả". Ngự y giật mình, nghĩ đến kết quả, thấy sự thí nghịch chẳng những làm cho mình phải tru di tam tộc, mà còn gây biết bao tai họa cho thần dân, nên liền hối quá, đem tất cả việc đầu độc thí nghịch tâu cho vua rõ. Nhờ sự thú nhận, mà cả bọn gian đảng đều bị tiểu trừ mà ngôi vàng càng thêm bền vững...

**nhều tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**CẶP MẮT THÁI TỬ CÂU NA LA**  
Trích: Phật Pháp

Tạo một nghiệp nhân gì, dù lâu đến trăm ngàn kiếp cũng không mất, hễ đủ nhân duyên rồi, thì mình phải chịu quả báo.

Thuở xưa ở Ấn Độ có một ông vua tên là A Dục trị dân rất công bình. Hồi còn trẻ, tính Ngài hay giận dữ nhưng dần dần Ngài trở nên hiền từ dĩa dàng. Nhờ gương sáng của Ngài, nhờ huấn dụ đưa ra, Ngài dạy cho dân tính nhã nhặn đối với mọi người và lòng bác ái đối với kẻ khổ sở. Ngài lập bệnh viện để chữa trị người bệnh, lập công viên để người và vật có chỗ nghỉ ngơi, sai đào giếng để khách bộ hành và vật khỏi bị khát nước, sai trồng hai bên đường những cây ăn quả và cây để làm thuốc.

Người con đầu tiên của Ngài có cặp mắt đẹp hiền từ như chim "Câu Na La". Vì thế người ta gọi chàng là Câu Na La. Đức vua rất đối yêu mến, Hoàng hậu Liên Hoa là mẹ của Thái tử.

Hoàng hậu mất sớm. Nhưng Thái tử rất được vua cha yêu dấu và tin dùng. Lòng từ ái, tính dĩa dàng và khiêm nhượng của Ngài làm nhân dân rất yêu mến và kính trọng. Vợ Ngài rất dĩa dàng, bao giờ cũng làm vừa lòng Ngài, tên nàng là Ma Đa Vi.

Hoàng hậu mất, vua A Dục lấy một người vợ kiêu căng và độc ác tên là Xích Di. Sau khi nàng sanh được một con, nàng ước ao nó sẽ được nối ngôi thay chân Câu Na La, và tuy không để lộ ra một cử chỉ gì, lòng nàng rất ghét người con ghẻ.

Nhân khi vua mắc bệnh nặng, các thầy thuốc đành bó tay, nàng Xích Di tìm cách chữa khỏi, vua tỏ ý muốn tạ ơn nàng, nàng xin vua cho con nàng được nối ngôi. Thật éo le cho vua A Dục. Ngài rất làm buồn rầu vì không thể chiều lòng ân nhân, và Ngài nhắc lại lời hứa với chánh hậu lúc lâm chung là chỉ truyền ngôi cho Thái tử Câu Na La mà thôi. Ngài nói: "Ta có thể bỏ ngôi báu chứ không thể phụ lời hứa được".

Thấy chuyện không lành, Xích Di xin vua cầm quyền chánh một ngày mà

nàng sẽ định sau. Vua nghe lời, và nàng định nhân dịp ấy mà làm những việc ghê gớm.

Trong nước có một thành gọi là Đắc Xô Thi La nổi lên chống lại các quan cai trị của nhà vua. Chính hoàng hậu Xích Di cũng dính vào việc ấy. Thật thế, trước hết nàng cho các quan tiền rồi bảo lấy thuế dân thành ấy thật nặng, sau xúi dân nổi lên làm loạn. Hoàng hậu xúi dân nên yêu cầu vua cho Thái tử Câu Na La ra cai trị thành ấy, lấy cớ rằng chỉ có Thái tử là công bình mới dẹp loạn được. Sáng hôm sau các đại biểu thành Đắc Xô Thi La đến để yêu cầu việc ấy, Xích Di tâu vua cho được tự tiện dùng ấn của Ngài, là cái ấn dùng để niêm phong những sứ mệnh gửi đi. Thế tức là nàng nắm được quyền hành trong ngày ấy.

Rồi các đại biểu, Hoàng hậu tán thành lời yêu cầu của họ, tâu vua rằng chỉ có Hoàng tử được dân khâm phục và vì thế đưa dân đến chỗ bình an mà không có cuộc bạo động vì. Vua nghe lấy làm bối rối, vì Ngài nghi Hoàng hậu có manh tâm.

Có gì nguy hiểm bằng sai Thái tử đến một thành phiến loạn.

Thấy vua lo âu, Hoàng hậu giả vờ đau đớn nói rằng: "Nếu nhà vua còn nghi ngờ lòng nàng thì từ nay nàng không nói gì nữa". Rồi nàng giả bộ giận dỗi trả ấn lại cho vua, vì nàng biết thế nào vua cũng không nỡ thu. Thật thế, vua A Dục trọng lời hứa không dám lấy ấn lại. Thái tử cũng một mực xin đi, Ngài phải bằng lòng. Nhưng muốn chắc chắn Ngài định cho một đội quân đi hộ thân Hoàng tử. Hoàng tử từ chối việc ấy, vì ngài nghĩ muốn tránh sự đổ máu, phải hành động rất mau: Nếu đi với đạo quân thì mất nhiều thì giờ. Ngài lại nói rằng: "Nào phải thấy gươm giáo như rừng, nghe tiếng ngựa hí, voi gầm, tiếng xe, tiếng trống, tiếng kèn, mà yên nhân tâm được đâu".

Vua không nói gì nữa. Thái tử từ giã Ngài, từ giã nàng Ma Đa Vi rồi một mình cỡi ngựa Ma Đẳng La phi đi mau như gió. Chàng có ngờ đâu sau lưng chàng có người kỵ mã phóng nước đại. Đó là người rất trung thành với Hoàng hậu, đương mang trong mình một sứ mạng có niêm ấn vua kỳ lưỡng.

Thái tử cưỡi bạch mã đi mau như bay. Hai bên đường làng mạc núi đồi

đồng lúa rừng xanh như thụt lui lại. Nhưng cái tên chàng còn đến nhanh hơn, vì nhân gian mong ngài đến lắm. Họ sửa soạn tiếp chàng. Kẻ thì rắc hoa xuống đường, kẻ thì hái quả đến hiến, đâu đâu cũng dậy tiếng hoan hô. Nhân dân xin Thái tử tha tội vì dân chúng không dám nổi lên chống vua, mà chỉ vì bọn tham quan ô lại. Nghe tiếng kêu vang. Ngài lấy làm thương hại tha lỗi mà đi vào thành giữa tiếng nhạc vang lừng. Thái tử đặt lại thuế má chọn người công bình ra trị dân; dân lấy làm mừng rỡ và phái đại biểu về tâu vua tỏ bụng trung thành, và ca tụng Thái tử đã đưa lại sự yên ổn.

Thành Đắc Xô Thi La đang vui vẻ thì bỗng nhiều người cười ngửa theo Thái tử vừa đến, và giao cho công chức trong thành một cái dụ. Mở ra xem ai nấy sững sốt sợ hãi vì đạo dụ ra lệnh: "Phải móc mắt Thái tử Câu Na La kẻ thù lợi hại của nhà vua và là kẻ làm như nước nòi giống". Đạo dụ lại nói rằng khi đã làm hình phạt ấy rồi, không được người dân nào cứu giúp Thái tử và cấm không được nói đến tên Ngài nữa.

Các viên chức không dám cho Thái tử biết đạo dụ vô nhân đạo ấy. Sau một đêm lo ngại, họ nói với nhau rằng: "Nếu ta không tuân lệnh sẽ bị nhiều nguy hiểm. Đến Hoàng tử là người tốt đối với tất cả thiên hạ mà nhà vua còn bắt tội nữa là chúng ta".

Ngày mai họ dâng đạo dụ lên cho Hoàng tử. Đọc xong Ngài nói: "Đây chính là lệnh của nhà vua, vì có niêm ấn rõ ràng, các người cứ thi hành theo lệnh ấy".

Ngài cũng biết rằng vua cha chẳng bao giờ có ra lệnh hành hình con, đó là chỉ do Hoàng hậu, nhưng đã có niêm ấn thì phải tuân theo.

Dân gian được tin sẽ thi hành mệnh lệnh tại một khoảng đất giữa thành phố. Đến giờ đao phủ được lệnh móc mắt Thái tử, nhưng bọn này chỉ chấp tay cung kính xin chịu: "Chúng tôi không ai đủ can đảm làm việc ấy".

Thái tử tháo chuỗi ngọc mang trên đầu đưa cho đao phủ nói rằng: "Đây là tiền thưởng cho các người để làm tròn phận sự". Chúng vẫn một mực từ chối. Sau cùng có một người hình thù quái gở, đến xin thay chân bọn đao phủ. Nhưng anh này cũng không có gan dùng tay móc mắt. Anh ta đốt một đồng lửa lớn nung một thanh sắt đỏ rồi lại gần Thái tử. Thái tử ngồi tự nhiên để đốt cặp mắt. Cảnh tượng bấy giờ thật là đau đớn đến nỗi hằng



nghìn người chung quanh đều khóc vang lên.

Hành hình xong, Thái tử một tay chống lên người kia, một tay ra hiệu bảo mọi người chung quanh yên lặng. Thái tử khuyên phải xa Ngài ra không được cứu giúp Ngài và kêu tên Ngài, y như trong đạo lệnh. Họ cúi đầu vừa đi vừa khóc, trong lúc ấy Thái tử nằm phục xuống đất. Nghe nắng dội nóng, Ngài lê đến một chỗ có bóng mát để nghỉ.

Lâu lắm, chung quanh Ngài yên tĩnh không một tiếng động, bỗng Ngài nghe tiếng chân ngựa dậm gần đến rồi có tiếng kêu thảm thiết.

Nhận là con ngựa Mãng Đa La, Ngài nói: "Còn con nữa, con cũng nên bỏ thầy con".

Con ngựa quanh quẩn vài lần rồi đi xa, ra khỏi thành phố, một mình lúi thúi trở lại con đường mà nó đã vui vẻ đưa Thái tử đi.

Mặt trời lặn. Một vài người động lòng muốn giúp Ngài. Song đã có lệnh cấm, họ đành đứng xa nhìn nhau lắc đầu. Sau mãi một bà lão nghèo đi lại gần Ngài lấy nước rửa chỗ đau và lấy cỏ băng lại; bà đỡ Ngài dậy, dìu ra khỏi cổng làng rồi đành thở dài trở về.

Trong lúc Thái tử đang đau đớn, thì đại biểu thành Đắc Xô Thi La được vua tiếp đãi ân cần. Thấy nói Thái tử được tung hô tôn trọng, lòng nàng Ma Đa Vi cũng bớt lo sợ, vì nghe chồng nàng phải đi dẹp loạn nàng vẫn áy náy không yên.

Mấy ngày sau, sốt ruột nàng đi đến chỗ nàng từ biệt chồng; qua ngày thứ ba, nàng bỗng thấy con ngựa Ma Đa La trở về một mình. Một tư tưởng ghê gớm thoáng qua óc nàng; rồi như cây gỗ bị đốn gốc, nàng ngã xuống bất tỉnh.

Tỉnh dậy nàng nghĩ rằng có lẽ chồng nàng đã bị dân nổi loạn giết chết. "Sao ta lại không tin chồng ta còn sống?" Nếu chưa được tin chắc chắn, sao ta không đi tìm chồng". Nghĩ vậy nàng không để mất một phút, trở về cung, trút bỏ đồ trang sức, ăn bận như người thường dân rồi trốn đi tìm chồng nàng không dám cho vua biết, sợ vua vì thương mà cầm lại chẳng.

Nàng lúi thúi đi về phía thành Đắc Xô Thi La, ruột đau như cắt, dọc đường gặp ai nàng cũng hỏi có gặp Thái tử không? Đi ngày này sang ngày khác chẳng được tin gì cả.

Một buổi sáng vừa ra khỏi chỗ trú đêm, nàng liền gặp một người nông phu đang gieo mạ. Người ấy nói lúc rạng đông, nhân đi qua đám rừng nhỏ thấy một người trẻ tuổi mù mặc áo ra dáng ông hoàng; người nông phu liền cho người ấy mấy quả cây hái trong rừng và một chén nước lã.

Nàng Ma Đa Vi liền đến chỗ ấy thì nàng thấy Câu Na La một mình ngồi trên đá. Nhưng đau đớn thay, cặp nhõn tuyến của chàng đã tắt hẳn. Nàng khóc nức lên và quì trước chàng nghẹn ngào, cầm lấy tay chàng hôn. Nghe nước mắt nhỏ xuống tay, Thái tử cảm động, đoán là nàng Ma Đa Vi. Nhưng chàng chưa dám tin. Đến khi nghe rõ tiếng nàng thì không còn nghi ngờ gì nữa. Chàng bảo nàng ngồi xuống; trong lúc đang đau khổ ấy, được gặp người thân yêu, nỗi vui mừng khôn xiết.

Thái tử thuật lại cho vợ nghe những chuyện xảy ra. Rồi nàng đỡ chàng đứng dậy đưa chàng cùng về ra mắt vua cha.

Về phần vua A Dục từ khi được tin con ngựa Ma Đa La về một mình và nàng Ma Đa Vi đi trốn, Ngài rất lo ngại. Tức khắc sai sứ về thành Đắc Xô Thi La để hỏi tin Thái tử và tìm nàng Ma Đa Vi. Nhân dân trong thành, thấy vua lo ngại cho Thái tử liền hiểu họ bị cái dụ đầu tiên lừa. Sợ bị nghiêm trị, họ bèn tìm cách lừa sứ giả rằng Thái tử đã một mình về triều. Dân chung quanh không dám hé răng, vì chúng biết rằng nói sẽ bị trừng phạt. Sứ giả nghi dân đã giết Thái tử nhưng không có chứng cứ gì đành trở về.

Trong khi ấy hai vợ chồng Thái tử cùng dắt nhau về kinh. Bấy giờ Thái tử đã trút bỏ bộ quần áo ông hoàng mà khoác đồ rách rưới vì trong cảnh ấy đồ trang sức chỉ làm thêm đau lòng. Đi qua làng hai vợ chồng cất tiếng hát trong trẻo dịu dàng, dân làng động lòng đưa cho đồ để ăn uống.

Một ngày kia hai người đến cung điện nhà vua. Lính canh cửa thấy người lam lũ nên không cho vào. Nhưng thấy cảnh thương hại áo rách bần lây bụi bặm nên cho vào trú trong chỗ chứa xe. Mỗi một hai người ngủ thiếp. Ngày mai vua A Dục đương buồn rầu nghĩ đến con thì ngài giật mình vì nghe tiếng hát quen tai; đó là tiếng hát của Thái tử ở trong nhà chứa xe. Vua nhận ra là tiếng con, nhưng còn sợ lầm. Ngài sai ra hỏi xem ai hát. Cận thần tâu rằng: đó là tiếng hát của người ăn mày mù, đi với một người vợ. Vua

liền sai dẫn cặp vợ chồng kia đến sân rồng. Thoạt đầu thấy người ăn mặc rách rưới vua còn nghi ngờ chưa dám nhận là con nhưng hộ mặt hiền từ phúc hậu kia thật là của Thái tử, còn làm sao được. Hơn nữa đầu nàng Ma Đa Vi áo quần thô kệch cũng còn dễ nhận. Vua đưa mắt nhìn dâu, nhìn con rồi ôm choàng cả hai mà khóc nước nở.

Một hồi lâu vua mới định thần lại, hỏi vì sao Thái tử mắc nạn. Khi hiểu nguyên do, vua nổi giận, hỏi rằng: "Đứa nào dám dùng ấn của trẫm để làm việc tà trời kia?". Thái tử ngồi im, vì chàng không muốn nói vì sợ Hoàng hậu bị nghiêm phạt, hỏi mãi, nàng Ma Đa Vi mới nhắc lại cho vua hay rằng Hoàng hậu Xích Di có được phép dùng riêng ấn vua trong một ngày. Đã nhiều lần vua nghi Hoàng hậu có bụng ác với Thái tử. Vì Ngài nghĩ rằng, Hoàng hậu muốn con được nối ngôi tức là muốn trừ Hoàng tử Câu Na La; tuy nghi vậy Ngài vẫn không dám tin. Nhưng bây giờ sự đã rõ ràng, Ngài liền truyền lệnh vời Hoàng hậu đến.

Về phần Hoàng hậu, từ khi thi hành được thủ đoạn, mất ăn mất ngủ; hễ chớp mắt là thấy hiện ra cảnh mắt Thái tử bị hành hình. Thế rồi vừa tỉnh dậy vừa la. Nàng lo rằng tội nàng sẽ có ngày tiết lộ. Nàng tưởng tượng rằng từ vua chí dân, lính tráng, quan lại ai cũng nhìn thấu rõ tâm can mình, khiến nàng càng thêm khắc khoải lo sợ.

Khi có lệnh đòi, nàng đoán biết là việc bại lộ, lúc thấy các tội ác của mình, nàng hối hận nhưng không nói ra tiếng nữa chỉ cúi gầm mắt xuống, đợi lời tuyên án. Thái độ ấy rõ ràng hơn lời thú tội.

Vua A Dục nổi giận mắng lớn và truyền rằng trước khi đưa Hoàng hậu ra chém còn bắt chịu nhiều cực hình đau khổ đã. Thái tử tâu xin vua mở lượng từ bi giảm tội cho nàng. Nhưng vua vẫn không nghe. Thái tử bèn quỳ xuống nói rằng: "Tâu lạy phụ vương, nào phải một mình Hoàng hậu phạm tội đâu! Đó chỉ là kiếp trước con làm nhiều tội ác, nên nay bị nghiệp báo thôi. Đã từ lâu con cố nhớ xem lại kiếp trước con đã tạo nên tội ác gì nhưng mãi đến tối hôm qua, con mới nhớ rõ..."

Vua ngắt lời: "Như con thì có tội gì, con là người tốt nhất trên đời!". Thái tử cảm động đáp: "Một người hiền lương chưa hẳn là vô tội. Vì nếu kiếp này ăn ở hiền lành, nhưng kiếp trước bạc ác thì cứ phải chịu quả báo. Tâu

phụ vương, thuở xưa, có một người đi săn, một hôm thấy năm chục con dê rừng trong núi, liền lung núi bắt hết. Anh ta nghĩ rằng nếu giết hết thì tiêu thụ làm sao cho hết, chi bằng ta móc mắt chúng đi, chúng không trốn được, ta sẽ lần lượt đưa từng con tới tỉnh mà bán. Nghĩ thế anh ta không ngần ngại liền dùng tay móc mắt chúng đi rồi thả vào hang núi để bán dần. Người đi săn ấy là tiền kiếp của con. Người đi săn ấy đã làm đau khổ năm mươi chúng sanh, ngày nay là ngày cuối cùng người ấy trả nợ vậy".

Vua nghe lấy làm cảm động, nhưng còn phân vân chưa tin thì Thái tử ngồi ngay ngắn lại, chấp tay trước ngực mà nói rằng: "Nếu lời tôi nói đúng sự thật thì xin Phật chứng minh cho và mắt tôi sáng lại".

Lời nói vừa dứt, mắt Thái tử bỗng sáng như thường, vua A Dục và nàng Ma Đa Vi xiết bao vui mừng.

Vua dẹp giận ra lệnh ân xá cho nàng Xích Di, chỉ buộc nàng phải tìm chỗ yên để sám hối tội lỗi. Vua từ đó ngôi báu vững vàng, còn Thái tử được chính thức phong Đông cung đế nối ngôi sau và nàng Ma Đa Vi sẽ là Hoàng hậu.

*Thái tử Câu Na La là tiền thân Phật Thích Ca vậy.*

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**ĐÂU LÀ NGUỒN HẠNH PHÚC**  
Thuật giả: Trí Hiền

*Có thì sẽ mất*

*Giàu sang sẽ nghèo hèn*

*Tụ hội sẽ phân ly*

*Mạnh khỏe rồi sẽ đau chết*

Ánh tà dương dịu sáng, vui tươi, lan rộng giữa khoảng trời xuân êm ả. Gió muôn phương thổi lại, đem hương hoa về ướp thơm cảnh vật nơi vùng tịnh xá Kỳ Hoàn. Cỏ cây lành mướt đượm vẻ thái bình, thanh tịnh trong buổi chiều hôm. Đó đây vài làn khói lam uốn éo vươn mình trên mấy túp lều tranh cũ kỹ. Xa xa một đỉnh núi cao của dãy Hy Mã Lạp Sơn đội xấp xóa lùm cây trắng trông giống như ông lão bạc đầu.

Giữa khung cảnh thiên nhiên vừa êm đềm, vừa ẩn vẻ hùng tráng ấy, bốn thầy Sa môn cùng ngồi đàm luận dưới gốc cây cổ thụ. Trời xuân tươi đẹp như dục khách sanh tình, một vị bồng lên tiếng bảo: "Này các huynh đạo: thử nghiệm xem trong đời có điều chi đáng yêu và vui thích nhất?". Nghe lời ấy ba vị đều tỏ vẻ tán thành, nói tiếp: "Hay lắm, chúng ta mỗi người nên suy nghĩ, rồi đưa ý kiến ra để giải đáp câu hỏi này, xem đấng nào hơn?".

Sau vài phút trầm ngâm, vị thứ nhất bảo: "Vào tiết trong xuân, cây cỏ khoe tươi, muôn hoa cười nụ, tiếng chim líu lo trên cành bích, hương thanh phảng phất khắp nơi, phong cảnh thật là đẹp! Trong lúc ấy ví ta được thả thuyền nhẹ theo giòng nước hay mang theo bầu rượu đến sườn non, chắc trong đời không chi thú bằng!".

Vị thứ hai đáp: "Cảnh gia đình sum họp vẫn là vui. Nhưng nếu thêm vào đây những thức ngon, rượu quý, và tiếng sinh ca khoan nhặt lẫn trong tình thân mật, nét hân hoan thì tôi thiết tưởng hạnh phúc trên đời chỉ trong ngần ấy!".

Vị thứ ba nói: "Tôi thấy: nếu ta được sinh trong dòng tôn quý giàu sang, ở lầu cao nhà rộng, sẵn tiền bạc nhiều ta muốn sắm món gì cũng tùy thích.

Khi ra đường ta phục sức cực kỳ xinh đẹp, xuống ngựa lên xe. Lúc nào nhà ta gọi đến, lắm kẻ kính thưa hầu hạ. Trong cảnh đó thử hỏi còn chi hơn? Theo ý tôi đó là thú vui độc nhất".

Vị thứ tư lại bảo: "Giữa đời, tiền bạc, quyền tước có lẽ còn dễ tìm hơn giai nhân. Riêng về tôi, người nào có được ba nàng hầu tuyệt sắc, kẻ ấy chưa chắc vua chúa sánh bằng! Còn thú gì vui hơn: Khi ngắm nét hoa tươi đẹp, băng khuân đường lạc non hồng; lúc nghe giọng hát du dương; ngơ ngẩn như vào động bích. Lại còn lúc khi cùng người ngọc bàn câu phong tuyết, cạn chén đồng tâm, chắc rằng hạnh phúc giữa trần hoàn không qua mấy điều tôi đã kể". Sau khi tỏ bày ý kiến, bốn vị đều cho chỗ nhận xét của mình là đúng, cùng nhau tranh luận phân vân.

Bấy giờ, cách đây không xa, Đức Phật đang đi kinh hành xung quanh Kỳ Hoàn tịnh xá. Nghe mấy lời ấy, Ngài động lòng thương xót, liền bước đến hỏi: "Các ông bàn luận chuyện gì thế?". Bốn vị Tỳ kheo không dám che giấu, phải đem sự thật thưa lên. Đức Phật bảo: "Những lời mà các ông vừa nói, đều là đường lối đi vào sự lo sợ, đau buồn không phải hạnh phúc lâu dài, chân thật, vì sao? - cảnh vật dù tươi đẹp trong mùa xuân, nhưng sang thu đông là phải tàn tạ héo khô. Thân quyến tuy sum họp vui cười, song có lúc đau khổ vì sinh ly tử biệt. Tiền của, ngựa xe là những vật không lâu bền, và khi chết ta không thể đem theo. Đến như sắc dục là một mối nguy vô cùng nó làm cho con người thân thể suy mòn, tinh thần mờ mịt. Những cảnh hư nhà, mất nước đều từ ấy sinh ra. Tóm lại bao thú vui các ông vừa kể, đã mong manh ngăn ngại, lại chính là nguyên nhân cho sự luân hồi đau khổ về sau. Chỉ có cảnh niết bàn là sáng suốt, thường còn, an vui, trong sạch. Đây mới chính là nguồn hạnh phúc chân thật lâu dài. Là Sa môn đã lánh trần tìm đạo, các ông đừng để cho sự vui giả dối ám ảnh, mà tiến theo con đường chân chánh, sáng suốt của mình".

Tiếp theo mấy lời ấy, Đức Phật lại nói kệ rằng:

*Thương mừng sinh lo*

*Thương mừng sinh sợ*

*Biết rõ thương mừng*

*Đâu còn lo sợ?*

Ái dục sinh lo  
Ái dục sinh sợ  
Nếu không Ái dục  
Đâu còn lo sợ?  
Ham muốn sinh lo  
Ham muốn sinh sợ  
Nếu không ham muốn  
Đâu còn lo sợ?  
Ưu pháp trong sạch  
Lòng thành, biết thẹn  
Sửa mình gần đạo  
Được chúng yên mến  
Xa lìa thị dục  
Nghĩ rồi mới nói  
Lòng không tham ái  
Sẽ thoát luân hồi

Đức Phật lại bảo bốn vị Tỳ kheo: "Về kiếp trước có vị vua tên Phổ An, kết bạn với bốn ông vua bên nước láng giềng... Một hôm, vua Phổ An mời bốn ông bạn sang nước mình hội yến. Tiệc hoa kéo dài đến tận bốn tháng, tiếng ca nhạc, thức lạ ngon, đã làm cho tình thân hữu càng thêm đậm đà, khăng khít. Đến ngày chia tay, vua Phổ An hỏi bốn bạn rằng: "Trên đời có thú chi vui nhất?" Bốn vị quốc vương đều theo chỗ ưa thích, tuần tự đưa ra mấy điểm sau này: Cuộc dạo chơi - Gia đình sum họp - Giàu sang - Sắc dục. Vua Phổ An nói: "Theo ý kiến tôi, những điều các ông bàn luận, đều là thú vui mong manh và nguyên nhân đau khổ, chỉ có đạo vô vi trong sạch là vui".

Này các Tỳ kheo! "Vua Phổ An thưở trước chính là thân ta ngày nay; bốn vị quốc vương kia là tiền thân các ông đấy. Kiếp xưa ta đã giải rõ sự vui khổ, mà các ông còn chưa hiểu, nên mới trôi lăn mãi trong biển sanh tử cho đến đời nay. Nếu hôm nay các ông lại không cố gắng tu tỉnh thì bánh xe sống thác khổ đau chưa biết bao giờ dừng nghỉ".

Nghe Đức Phật nói, bốn vị Tỳ kheo hổ thẹn, sám hối khỏi tham dục tiêu

tan, gương lòng lặng yên, trong sạch. Khi Đức Phật trở ngót bước đi, không ai bảo ai, bốn người đều ngồi thẳng mình, để tâm vào cõi thanh nhàn, vắng lặng...

Chiều dương từ từ đi thẳng xuống phương đông xa thẳm. Dạ thần cũng bắt đầu rủ màn âm u trên vạn vật. Giữa khoảng trống của hai quả núi bên chân trời tây, bỗng lộ ra nhiều vệt mây hồng rực rỡ, tạo nên một vẻ đẹp huyền ảo, thiên thần. Cùng trong lúc ấy, khi ánh sáng đời sắp tắt, ánh sáng đạo lại bật chiếu nơi tâm của bốn vị Tỳ kheo. Trong một buổi chiều xuân, họ đã tìm thấy nguồn hạnh phúc khơi dòng trong cảnh trời xuân bất diệt - trời xuân của lý dục và thanh đạm.

Hết



**nhieu tác giả**

Truyện Cổ Phật Giáo

## **CỨU VẬT VẬT TRẢ ƠN CỨU NHÂN NHÂN TRẢ OÁN**

Thuật giả: Thế Thanh

Xưa có vị quốc vương nước Thiên La, ông là một người thông minh, nên đã trực nhận: thế cuộc vô thường nhân sanh thống khổ.

Liên từ bỏ ngai vàng với tình thương nhỏ hẹp để vào núi tu hành. Ở được 30 năm, bỗng một hôm nay có người đi săn ham đuổi theo một con nai, lỡ bước sa vào một cái hầm sâu, ở trước chỗ Ngài thường ngồi tham thiền; đồng thời có một con rắn một con chim, vì sợ hãi cũng đều rơi xuống đó, thân thể bị thương đau đớn vô cùng. Người trông lên cầu cứu kêu la thảm thiết. Vị đạo sĩ nghe tiếng kêu la, động mỗi từ tâm lấy đuốc soi xuống các nạn nhân đang gục đầu khóc lóc. Ngài đến bên hầm bảo rằng: "Các người hãy yên tâm, ta sẽ cứu các người thoát nạn". Ngài liền đi kiếm dây thòng xuống, người, rắn, chim đều nhờ sợi dây đó mà lên, thoát khỏi tai nạn. Sau khi lên khỏi hầm cả ba đều thành kính lạy tạ và thưa rằng: "Thân mạng chúng con được sống ngày nay, là nhờ lòng hoàng từ phổ độ của Ngài, vậy chúng con xin trọn đời cung cấp các vật dụng Ngài thiếu thốn, để đền đáp công ơn trong muôn một!". Đạo sĩ nói: Ta là quốc vương trong một nước, trân bảo đầy kho, muốn gì cũng được, nhưng ta nhận thấy phú quý như ngục tù, tài sắc danh vọng là cạm bẫy đưa ta vào vòng tội lỗi, chúng nó là những lưỡi gươm sắc bén để giết đời ta, là những mũi tên nhọn để bắn vào tâm ta và cũng vì chúng ta lặn hụp mãi trong biển sanh tử, chịu đủ mọi điều đau khổ. Vì thế, ta phải từ giả xuất gia học đạo, ta nguyện chứng được đạo quả Vô thượng chánh biến tri để khai hóa chúng sanh trở về giác tánh, đâu phải ba người mà thôi?. Ngài nói tiếp: Từ nay các người đền ơn ta, không gì quý hơn quy y Tam bảo, vâng lời Phật dạy, làm các việc lành.

Người thợ săn thưa: "Ở đời tuy có những nhà nho sĩ tích công lũy đức, làm lành tránh dữ, nhưng đâu bằng người Phật tử quên mình cứu người, mà không cần sự đền đáp của người chịu ân. Thâm ân của Ngài con không biết lấy gì đền đáp, song chỉ xin Ngài nếu thuận tiện quá bước đến nhà con, cho

con cúng dường đôi chút".

Chim thưa: "Con tên Bác, khi nào gặp việc gì cần đến con xin Ngài gọi đến tên con, con sẽ đến ngay".

Rắn thưa: "Con tên Trành, nếu đạo sĩ có gì không hay xảy đến xin Ngài gọi tên con, con sẽ đến hầu".

Thưa rồi cả ba đều từ biệt đạo sĩ ra về. Tình cờ một hôm đạo sĩ đến nhà thợ săn, người này vì lòng gian tham ám ảnh nên vừa trông thấy Ngài đi đàng xa, vội vàng báo vợ: "Ngài đến kia sẽ không may cho ta, nếu ta có bảo người làm thức ăn gì để cúng dường, người hãy chậm chậm, vì quá ngộ thì ông ấy sẽ không ăn nữa". Đạo sĩ vừa đến nhà, hai vợ chồng thợ săn niềm nở tiếp rước, mời ở lại thợ trai nhưng dần dà nói chuyện mãi quá ngộ, Ngài phải về không.

Trở về núi thấy chim, Ngài gọi: Bác!... Bác!...

Chim thưa: "Ngài ở đâu về?"

- Ta ở nhà thợ săn về.

- Ngài đã thợ trai chưa.

- Nhà kia chưa kịp dọn thì đã quá ngộ, nên ta không ăn mà trở về đây.

Nghe vậy chim tức tối than rằng: "Thật người quá vong ân bội nghĩa!". Rồi quay lại thưa với đạo sĩ: "Con không biết lấy gì để cúng dường Ngài. Mời Ngài ngồi đây con đi chốc lát sẽ trở về". Chim liền bay vào hậu cung của vua nước Bà Già, thấy Hoàng hậu nằm ngủ, trên đầu có gài hột ngọc kim cương; chim tha về dâng cúng đạo sĩ. Hoàng hậu tỉnh dậy tìm ngọc không thấy, liền tâu vua. Vua truyền sắc trong nước: người nào tìm được ngọc trọng thưởng.

Đạo sĩ khi được ngọc kim cương bèn nghĩ rằng: "Ta tu hành dùng gì đến vật này, thôi đem lại cho người thợ săn". Người thợ săn biết là ngọc của vua, bèn trói đạo sĩ đem đến nộp cho nhà vua.

Vua hỏi đạo sĩ: "Nhà người từ đâu đến mà được ngọc quý này?".

Đạo sĩ suy nghĩ: "Nếu nói sự thật thì loài chim trong cả nước này đều bị chết hết; nếu nói trộm được thì không phải người tu hành", Ngài nghĩ vậy đành im lặng vui lòng chịu đựng sự hành phạt ngọn roi tàn nhẫn! Ngài không oán vua không thù người thợ săn. Trái lại, Ngài động lòng từ bi nên

phát nguyện rằng: "Cho tôi được mau thành Phật để cứu độ các sự quả báo khổ não của anh thợ săn vì lòng tham ác đã gây nên, và tất cả chúng sanh hiện đang đau khổ". Vua truyền đem chôn đạo sĩ chừa đầu lại sáng mai để giết.

Bấy giờ đạo sĩ gọi tên con rắn:

Trành! Trành... Rắn nghĩ: "Trong thiên hạ không ai biết tên ta, chỉ có đạo sĩ thôi, có lẽ cần gì đến ta chẳng?". Rắn vội vàng tìm đến, thấy đạo sĩ bị hình phạt như thế. Rắn đau đớn cúi đầu thưa rằng: "Vì sao Ngài bị mắc nạn này?".

Đạo sĩ kể tất cả nguyên do. Rắn rơi nước mắt thưa: "Lòng nhân đạo của đạo sĩ rộng lớn không bờ bến, mà còn gặp tai nạn như thế này, huống gì kẻ không đạo đức, thì tai họa lại sao tránh khỏi". Rắn thầm nghĩ: ông vua này chỉ có một Thái tử rất cứng quý, ta sẽ vào cung cắn chết Thái tử rồi trở ra đưa thần dược cho đạo sĩ. Và dặn: "Hãy thấy đám Thái tử đi ngang qua, Ngài đem thuốc này cứu Thái tử, Ngài sẽ thoát nạn".

Sau khi hay tin Thái tử chết, nhà vua đau đớn vô cùng, bèn truyền lệnh: "Người nào có tài năng làm cho Thái tử sống lại, ta xin chia một nửa nước". Nhưng tất cả lương y trong nước đều bó tay. Nhà vua đành đem thân Thái tử vào núi để hỏa tang. Đám đi ngang qua bên đạo sĩ, đạo sĩ hỏi: "Thái tử đau bệnh gì mà bỏ mạng chóng thế? Hãy thông thả tôi có thể cứu sống Thái tử". Thị tùng nghe vậy vội vàng đến tâu vua. Vua rất mừng cảm động nói: "Nếu Ngài cứu sống con tôi, tôi sẽ xá tội cho Ngài và chia nước để Ngài làm vua".

Đạo sĩ lấy thuốc xoa khắp thân thể, bỗng nhiên Thái tử ngồi dậy: "Vì sao ta ở đây?". Người hầu thuật rõ mọi việc đã xảy ra. Thái tử vui mừng trở về cung. Vua giữ lời hứa chia nửa nước cho Đạo sĩ, Đạo sĩ nhất định từ khước không nhận. Khi đó nhà vua tỉnh ngộ, Đạo sĩ là người đã sống ra khỏi vòng danh lợi, bèn hỏi: "Ngài ở nước nào, và được ngọc ở đâu?".

Đạo sĩ thuật rõ đầu đuôi việc đã xảy ra. Nhà vua nghe rồi ăn năn cầu xin sám hối, rồi đòi thợ săn đến bảo: "Người có công với nước, đem tất cả bà con đến đây ta sẽ trọng thưởng". Khi đã đến đầy đủ vua truyền lệnh: "Vì người đã bất nhân bội nghĩa, mà đạo sĩ gần thác oan, tội người rất nặng ta

sẽ giết cả họ". Lệnh vừa truyền ra, Đạo sĩ vội đến can vua: "Chúng ta là kẻ trượng phu, không nên đem oán để báo oán, nên đem ân mà báo oán, oán ấy mới mong dứt được. Vậy xin bệ hạ hãy vì tôi tha cho tất cả những người này". Vua nghe cảm động và mến phục đức nhẫn nại hy sinh cao cả của đạo sĩ. liền ân xá cho những tội nhân ấy.

Đạo sĩ trở về núi, tiếp tục tinh tấn tu hành, đến khi mạng chung được sanh lên cõi trời và lần lượt chứng thành đạo quả.

Nói đến đây, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni gọi các Tỳ kheo mà bảo: "Đạo sĩ này chính là tiền thân của ta, chim là tiền thân của ông Thu Tử, rắn tức là A Nan ngày nay, thợ săn chính là Điều Đạt đó vậy".

Hết

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**TÌNH GIẤC MƠ HOA**  
Thuật giả: Trí Hiền

Đàn én bốn phương bay về, đem lại cho trần gian tin xuân vui đầm ấm. Ánh triều dương sắc vàng rực rỡ, lần lần lan rộng, phá tan màu khói sương vẫn màu sữa đục của buổi bình minh. Đôi hàng cây bên vệ đường đã trút sạch lớp áo vàng để thay vào những mầm non mập mạnh. Ngọn gió đông dịu mát đầy sinh khí, nhẹ nhàng thổi lướt trên đám cỏ xanh. Thành Thất La Phiệt vào buổi mai, âm thanh tràn ngập vẻ thanh hòa đáng mến.

Phút chốc vàng hồng đã lên cao.

Trên con đường lớn quanh co hướng dẫn vào thành, một đoàn Sa môn có hơn nghìn người, đi nối tiếp nhau như con rồng lượn khúc. Các Tăng sĩ, vị nào cũng có vẻ điềm tĩnh đoan trang, nhìn xuống lặng lẽ bước, dáng đi xem tự tại thoát trần. Dẫn đầu là một bậc Tôn túc, thân xác vàng ánh, tướng tốt trang nghiêm, đi chậm rãi oai nghi như voi chúa. Sau đấng ấy một vị Tỳ kheo trẻ tuổi ôm bát theo hầu. Đây là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cùng thị giả A Nan và chư Tăng vào thành khất thực. Bấy giờ, những người có lòng tin ngôi Tam Bảo, muốn gieo trồng giống phước, đem thức ngon vật lạ cúng dường Phật và chúng Tăng. Lại có kẻ không dâng cúng, nhưng thấy dáng điệu trang nghiêm siêu thoát của đấng Điều Ngự và các Đại Đức Tỳ kheo, cũng họp nhau đứng nơi cửa trông ra, hoặc đứng bên đường để nhìn ngắm.

Từ nơi cửa sổ trên lầu cao, nàng Ma Đăng Đà một bậc tài sắc trong thành Thất La Phiệt, nghe tiếng động, khẽ vén bức màn thêu, đưa mặt nhìn xuống. Nhưng sống với hương tình vị ái của tuổi xuân, nàng làm sao nhận thức được sự giải thoát đức thanh cao nơi các nhà tu sĩ. Trông qua lớp áo hoại sắc của những vị Sa môn, nhìn lại y phục sa hoa lộng lẫy nơi thân mình, nàng tự thấy phong lưu sang trọng. Rồi kêu hãnh, nàng điếm trên môi một nụ cười. Nhưng bỗng ngạc nhiên, Ma Đăng Đà chăm chú nhìn vị Tỳ kheo trẻ tuổi đứng hầu sau Đức Phật. Ôi! giữa trần gian này sao lại có

trang nam nhân đẹp đến thế? Nàng tự nghĩ thầm nếu được cùng người này chung hưởng được trăm năm, dù phải nghèo nàn, khổ nhọc, ta cũng ưng lòng, không còn ước mong gì hơn nữa! Mắt vẫn nhìn, trí mãi suy nghĩ, Đức Phật và chư Tăng đi khuất từ lúc nào, nàng Ma Đăng Đà còn ngồi ngơ ngẩn dường như không hay. Đến chừng định thần lại, nhìn ra khoảng đường vắng vẻ, nàng buông một hơi thở dài, trên mặt lộ đầy vẻ băng khuâng nhớ tiếc...

Không rõ A Nan xinh đẹp thế nào, mà Đức Phật không cho ông mặc áo trần vai, vì sợ hàng phụ nữ trông thấy động tình. Và Ngài Văn Thù Bồ Tát từng khen tặng ông rằng: "Mặt như vàng nguyệt sáng, mắt tựa cánh sen tươi". Thế thì cô mỹ nữ kia yêu mến ông, điều ấy cũng không lấy chi làm lạ.

Nàng Ma Đăng Đà từ khi trông thấy A Nan mỗi tình si dường như vấn vương khó dứt. Mỗi ngày, nàng thường lên lầu, trông ra cửa sổ, chờ chư Tăng đi khất thực, mong sao cho được thấy mặt người yêu. Sống trong tình khát ái khó tỏ nỗi lòng, Ma Đăng Đà tâm thần ngơ ngẩn, quên ăn uống, biếng nói cười, gương mặt xinh tươi lần lần hóa ra tiêu tụy. Thân mẫu nàng thấy con có những trạng thái bất thường như thế, sinh nghi đôi ba phen gạn hỏi. Không thể che giấu, nàng phải đem sự thật tỏ bày và van xin mẹ làm thế nào cho mình khỏi thất vọng. Nghe xong, mẹ nàng lộ vẻ ngậm ngùi bảo: "Con ơi! Điều con muốn khó thể thực hiện được. A Nan là người hầu cận thân tín của ông Cù Đàm ông ấy và những Sa môn đệ tử của ông có nhiều phép thần thông kỳ diệu. Những bậc cao đức trong hàng lục sư còn phải nhường họ, thì mẹ đâu có tài gì làm thỏa nguyện cho con. Hơn nữa, A Nan là người thuộc dòng tôn quý, con của ông Học Phạm Vương, nếu không xuất gia, có lẽ y thay thế cho thái tử Tất Đạt Đa là vua trong một nước, mẹ con ta là phận thấp đâu mong gì sánh được với người. Thôi con hãy xóa bỏ những ý nghĩ ấy và khuây khỏa nỗi sầu khổ để cho mẹ vui lòng. Mắt A Nan này sẽ có A Nan khác, trong bốn phương thiên hạ lẽ không tìm được một người đẹp như thế hay sao?". Nghe mẹ nói, tuy lặng yên không đáp, song nàng Ma Đăng Đà thật trăm phần đau đớn. Trước kia, một tia hy vọng lập loè trong trí, nay hiểu qua mọi nỗi khó khăn, nàng tự cảm thấy như rơi vào cõi âm u ghê sợ.

Tâm tư tràn ngập nỗi buồn thương thất vọng, nàng thầm than: "Thôi, thế là hết! Đời ta đã đến giai đoạn kết cuộc từ hôm nay..."

Thế là bệnh của Ma Đăng Đà mỗi ngày một nặng. Trong cơn mơ thấy A Nan đi đến, nàng vô cùng mừng rỡ, vội chạy đến choàng vai, nhưng vị Tỳ kheo trẻ tuổi nhẹ nhàng thoát khỏi tay nàng rồi biến mất; nàng cất tiếng khóc to lên thì vừa thức giấc... Thân mẫu nàng thấy con khi mê khi tỉnh, thoạt khóc thoạt cười, lấy làm buồn rầu lo lắng, một mặt khuyên dỗ, một mặt chạy chữa đủ thứ thuốc thang, song vẫn không hiệu quả.

Một buổi sáng tà dương đang tiết trời dìu dịu, gió bên ngoài nhẹ thổi động bức rèm thêu đùa không khí trong mát vào phòng; cơn sốt như được giảm bớt, Ma Đăng Đà lặng lẽ thức tỉnh. Nhìn lạy thân hình vỏ vàng gầy héo, lộ vẻ chua cay, nàng nhẹ nhếch một nụ cười. Nhưng vừa khi ấy nàng bỗng ngạc nhiên, vì nhận thấy hôm nay trong phòng trang hoàng rất sạch sẽ. Đối diện nàng bức họa: "Vườn xuân dưới nắng mai" được treo lên với vẻ mỹ thuật. Và, chiếc lọ thủy tinh cắm đầy hoa tươi, ai đã đem đến đây để ngay ngắn giữa mặt bàn như tấm thảm màu xanh da tươi. Để ý trông qua khe cửa, Ma Đăng Đà thấy mẹ đang ngồi tiếp chuyện với một vị đạo sĩ râu tóc bạc phơ, vàng trán sáng suốt, nét mặt trầm ngâm. Hai người nói gì nàng không nghe rõ, nhưng hình như xem mẹ nàng có vẻ chú trọng lắm, Ma Đăng Đà chưa hiểu, còn đang nằm yên suy nghĩ, thì nghe có tiếng giày của mẹ đi nhẹ vào phòng. Nàng nhắm mắt giả vờ như không hay biết, tiếng giày đi lại bên giường chợt im bật hồi lâu, thốt nhiên nàng cảm thấy bàn tay từ mẫu đặt lên trán mình và tiếp theo đấy, nổi lên một giọng đều đều êm dịu: "Con ơi! Chớ nên buồn rầu! Con là lẽ sống duy nhất của mẹ; với lòng quý mến con, mẹ có thể hy sinh tất cả hạnh phúc trên đời. Vì thế vừa rồi mẹ có mời được một đạo sĩ danh tiếng, ông đã truyền cho mẹ bài mật ngữ "Ta Tì La Phạm Thiên chú". Theo lời ông mật ngữ có năng lực mê hoặc người, dù người ấy đạo hạnh đã đến mức cao siêu. Nếu học thuộc thần chú này, con có thể thực hiện nguyện vọng của mình bằng cách mê hoặc A Nan, khiến cho y mất sức tự chủ và hoàn toàn bị sai sử tùy theo ý con muốn". Máu nóng chảy rần rật trong huyết quản, Ma Đăng Đà như cảm thấy có một nguồn sinh lực màu nhiệm làm cho nàng mạnh mẽ hơn hồi chưa bệnh,



sau khi nghe được mấy lời ấy; gương mặt tươi tỉnh hẳn lên, nàng nói với giọng run run vì sung sướng, cảm động: "Thật thế hở mẹ? Nếu vậy bệnh con sẽ lành và con không còn lo buồn gì nữa!". Rồi nàng trỗi dậy gọn gàng như người vô sự.

Nửa tháng sau, khi sức khỏe gần bình phục, Ma Đăng Đà đã thuộc lòng bài mật ngữ. Nàng còn chờ một thời gian ngắn cho trong người thật mạnh sẽ thi hành ý nguyện, lòng chứa chan hy vọng, tin chắc thế nào mình cũng đắc thắng bằng hai lợi khí: nhan sắc và thần chú nhiệm màu. Rồi, một buổi sớm mai, nàng trang sức rất đẹp, sẵn sàng những thức cúng dường để gọi ý trung nhân. Nhưng bóng ác càng cao, Ma Đăng Đà càng nhìn trông mỗi mắt và cuối cùng phải thất vọng, vì đã quá ngộ mà vẫn vắng bóng hành khất của chư Tăng. Hoài công chờ đón như thế đến bốn năm hôm, hỏi ra nàng mới biết lúc này vào đầu mùa mưa, chư Tăng theo lệ thường mỗi năm phải ăn cư một chỗ trong vòng ba tháng. Nghe được tin ấy, nàng âu sầu khổ não, song cũng phải dẫn lòng đợi dịp, không biết phải làm thế nào.

Lá tươi rồi héo, hoa nở rồi tàn, cảnh vật âm thầm biến chuyển mau lẹ theo cánh thời gian, thấm thoát đã đến ngày chư Tăng mãn hạ. Đối với nàng Ma Đăng Đà, ba tháng thật là mấy năm trường đằng đằng! Nhưng việc sẽ đến tất phải đến, hôm nay nàng sẽ cảm thấy sống dậy một mùa xuân tươi đẹp mùa xuân ở cõi lòng. Từ sáng sớm, những thức cúng dường đã được sắp đặt đâu vào đấy. Công việc xong xuôi, Ma Đăng Đà đến trước gương trang điểm, vừa đọc nhẩm mấy câu Phạm chú. Vẻ vui tươi đặc ý hiện rõ trên mặt nàng. Giai nhân lồng bóng trong gương, hai dáng xinh đẹp in nhau, phưởng phất như cành hoa Tịnh Đế. Khi ánh nắng mai chiếu vào song cửa, trên con đường vào thành, hình dáng của đoàn Sa Môn đi khất thực lần lần lộ rõ và cũng lại gần, Ma Đăng Đà vô cùng mừng rỡ, định thỉnh riêng ông A Nan đến trước nhà để tiện bề dùng huyền thuật. Nhưng lần này nàng rất ngạc nhiên, vì không thấy vị Tỳ kheo trẻ tuổi theo hầu Đức Phật. Thêm một điều lạ: chư Tăng cùng đi thẳng, không dừng lại từng nhà để thọ cúng như mọi khi. Ma Đăng Đà để ý nhìn từng vị Sa Môn lần lượt đi qua, nhưng cũng không thấy người mình muốn gặp. Mỗi nỗi buồn vô tả xâm chiếm tâm nàng, khi vị Sa Môn cuối cùng vừa đi khuất. Nàng để rơi mình xuống ghế,



hai tay bưng mặt, choáng váng cả tâm thần. Không biết ngồi như thế được bao lâu, khi ngược đầu lên, Ma Đăng Đà chợt thấy từ xa tiến đến một hình dáng quen thuộc. Nàng mở to đôi mắt nhìn kỹ người ấy không ai đâu lạ, chính là vị Tỳ kheo trẻ tuổi mà nàng đã thương nhớ từ lâu. Lòng rạo rức, nỗi vui mừng không thể tưởng tượng, nàng vội vã đứng dậy đón chờ.

Tại sao lại có việc như thế?

Nguyên vào lúc các thầy Tỳ kheo mãn hạ, nhân ngày kỵ phụ vương Ba Tư Nặc sắm những thức ăn quý lạ, mời Phật và chư Tăng thọ trai trong hoàng cung. Đức Thế Tôn thân lãnh các vị Tỳ kheo thẳng đến cung vua để ứng cúng, nên không theo thường lệ đi từng nhà khát thực. Duy có ông A Nan trước đã chịu người mời riêng, đi xa chưa về, không kịp dự hàng trai chung. Vì về trễ, ông đi giữa đường một mình. Nhớ lời Đức Phật đã quở Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp và Tu Bồ Đề làm A La Hán tâm không quân bình, ông kính vâng lời dạy vô giá của đấng Điều Ngự, ôm bát theo thứ lớp ghé vào từng nhà, kính giữ phép hoá trai.

Khi A Nan đi đến, nàng Ma Đăng Đà đem thức ăn ra cúng dường đồng thời gọi thăm tên vị Tỳ kheo trẻ tuổi và đọc mấy câu Phạm chú, đoạn nàng xây lưng trở vào nhà.

Tay chân bủn rủn, thần trí không định, A Nan cũng nổi gót theo sau. Lúc hai người đã vào đến phòng, như cây héo gặp mùa xuân, Ma Đăng Đà giở đủ trò khêu gợi quyết tâm làm nổi dậy ngọn sóng tình trong con người tịnh hạnh. Trong giờ phút nguy hiểm ấy; tuy bất lực, song cũng còn tỉnh trí, A Nan tha thiết tưởng nghĩ: "Hỡi Đức Từ Nghiêm! Nay con bị nạn, Ngài đành bỏ con sao?".

Khi ấy Đức Như Lai thọ trai xong, đã về đến tịnh xá và đang ngồi thuyết pháp giữa vô số thánh chúng. Đấng Từ Nghiêm trí tuệ thần thông nghe thấy ông A Nan mắc nạn, liền từ nơi nhục kế trên đánh, phóng ánh sáng trăm thứ báu rất tự tại nhiệm màu. Trong ánh sáng có vô số hóa Phật, mỗi vị đều ngồi trên toà sen nghìn cánh, đồng thời nói ra thần chú bí mật. Đức Như Lai khiến Ngài Văn Thù phụng trì chú ấy, đến dẹp trừ tà chú đem ông A Nan về. Ngài Văn Thù vâng lời đến, phóng ánh sáng nói lại thần chú bí mật. Bấy giờ ông A Nan tâm trí sáng suốt, như cá đã thoát khỏi lưới, vọt

chạy ra ngoài. Chưa được thỏa nguyện, bỗng mất người yêu, Ma Đăng Đà cũng chạy theo A Nan tâm trạng như người cuồng dại. Khi ba người đã đến Tịnh xá, lòng si ái quá nặng, Ma Đăng Đà sàu khổ bạch với Phật: "Xin Ngài trả ông A Nan lại cho tôi". Đức Phật mỉm cười, dùng phương tiện bảo: "A Nan là kẻ xuất gia, nàng là thế tục, hình thức và đời sống của đôi bên đều khác, thế thì làm sao gần gũi nhau được? Nếu nàng chịu cạo tóc, mặc áo cà sa, ta sẽ giao A Nan lại cho". Trước tiên, Ma Đăng Đà còn dùng dằng, nhưng bị ái tình làm mù quáng, đã thương trót phải liều, nàng nghĩ thầm: "Nếu Phật không giữ lời hứa, ta sẽ năm áo Ngài và ông A Nan".

Nghĩ như thế nàng liền ưng thuận, sau khi đã thành hình thức xuất gia, Ma Đăng Đà lập lại yêu cầu khi trước, Đức Phật không đáp hỏi lại:

- Nàng thương A Nan vì chỗ nào?
- Tôi thương đôi mắt xinh đẹp của ông.
- Mắt của A Nan chỉ là hai khối thịt hôi, trong ấy chứa những nước mắt, ghen dơ, có chỗ nào tinh sạch đặng cho nàng mến?
- Tôi thương cái mũi ông A Nan.
- Mũi của ông ấy có những chất nhớt bên trong và thường chảy ra thứ nước không sạch, nàng chẳng nên ưa thích.
- Tôi thương cái miệng ông A Nan.
- Miệng của A Nan có những nước miếng, đờm, dãi, nếu ông ấy không năng súc rửa, nơi đó sẽ đóng cáu bọt và tiết ra mùi hôi. Thế thì không đáng cho nàng yêu chuộng.

Sau khi đánh tan những chỗ ái chấp của Ma Đăng Đà, Đức Phật lại vì nàng giải thích, chỉ rõ thân người không sạch, mong manh chóng suy tàn, là nguyên nhân của sự đau buồn trong hiện tại và vô lượng nỗi khổ về sau.

Nghe lời chánh chơn hợp lý của Đức Phật, như người trong bóng tối chợt bắt gặp ánh sáng, Ma Đăng Đà đứng lặng suy nghĩ. Trước kia nàng lầm tưởng ái tình là vườn hoa tươi đẹp, đầy màu sắc rực rỡ, hương vị thơm tho, nơi ấy hẳn hứa hẹn cho thế gian một diễm phúc tuyệt trần. Nhưng hôm nay nhìn sâu vào thực tế, nàng mới biết nó là một mũi gai độc ẩn núp dưới lớp lá xanh; một sợi dây vô hình lôi kéo người vào ngục tối đau khổ, Tỉnh Giác Mơ Hoa, nàng quan sát những lý: bất tịnh, khổ không, vô thường, vô ngã

của Đức Phật vừa khai thị, liền chứng được quả A Na Hàm. Vừa mừng rỡ vừa tủi thẹn, nàng cúi xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, xin trọn đời làm đệ tử và phát nguyện sẽ dẫn dắt chúng sanh thoát khỏi vòng hoa mộng, vào bản thể an vui trong sạch...

Hết

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**CÔNG CHÚA THUẦN NHẪN**  
Thuật giả: Thế Quán

Công chúa Thuần Nhẫn là con gái út của vua Ba Tư Nặc. Công chúa là người hiếu hạnh, lại có đức nhẫn nhục, nhưng phải có tội xấu quá, nên đã 18 xuân mà vua cha chưa tính việc xuất giá được.

Ôi! Bà mẹ cay nghiệt làm sao?

Bắt nặn thế nào cho công chúa xấu đến nỗi ai thấy cũng bực mình, mũi tẹt, trán dô, miệng hô, mắt toét, đó là chưa kể đến thân hình nếu nói đến thân hình thì nàng chỉ cao vồn vẹn một thước lênh khênh. Vì vậy mà trong triều các vương tôn, công tử phải tìm kế du học ráo, để tránh cái nạn bị trạch phò mã.

Mỗi khi công chúa thấy hai chị hãnh diện trước nhan sắc xinh tươi, nàng rất ngậm ngùi tủi hận, song cũng không hề ganh tỵ. Trái lại, hai chị thì kêu căng, mỗi khi thấy nàng thường tỏ vẻ khó, không muốn gần gũi chuyện trò. Lại tâu với vua cha cấm không cho nàng đi ra ngoài sợ thế gian chê cười. Công chúa thui thủi một mình trong cung cấm.

Nàng hiếu hạnh với cha mẹ, chiều chuộng hai chị và hết lòng thương yêu những người hầu hạ. Nàng thường đem tiền bố thí cho người nghèo khổ, cung cấp thuốc men cho người bệnh hoạn, vì thế ai cũng yêu mến công chúa hơn hai bà chị.

Nhan sắc kỳ dị của công chúa Thuần Nhẫn bay ra, cũng như đức hạnh của nàng, nên một ngày kia Hoàng tử một nước lân cận đến xin cưới nàng làm vợ.

Cầm tay người nghĩa hiệp, vua Ba Tư Nặc cảm động, bảo Trọng Đức rằng: "Con trẫm được Hoàng tử thương mến thật trẫm không biết lấy lời gì tả cho hết được nỗi lòng cảm bội". Khi về nước, Hoàng tử không cho tiếp xúc với người, sợ thiên hạ thấy bên ngoài chê cười chẳng?

Nhưng than ôi! Lòng hào kiệt của vị Hoàng tử thanh niên cá hạn, mà nhan sắc công chúa lại xấu vô cùng, nên mặc dầu vẫn mến đức, trọng tài của vợ,

mà lắm khi Thái tử cũng bực mình về cái xấu của người vợ đáng thương. Rồi lần lần Trọng Đức tìm cơ sẵn bả vui chơi riêng. Công chúa như con chim trong lồng son, tuy có gạo trắng nước trong, nhưng ngoài bốn bức tường thì nàng không còn hay biết gì cả. Công chúa biết nghiệp duyên nên thâm trách kiếp xưa bởi vụng đường tu nên kiếp này phải mang lấy quả xấu, không bao giờ oán thán ai. Nàng chỉ một lòng nhu thuận với chồng, khoan dung độ lượng với người trong cung.

Nhưng ác thay! Các bà Vương phi quận chúa thường tìm đến với nàng để khoe khoang hãnh diện, có khi còn dám chế nhạo nàng ra mặt. Đức nhẫn nhục của công chúa thuần thành, nên nàng luôn luôn vui vẻ xem như không có gì đáng để ý.

Một hôm các bà về xúi chồng bày một bữa tiệc, mời khắp cả Vương tôn danh nhân trong nước. Theo lệ thường thì vợ nào chồng nấy đều đến đủ mặt... Duy chỉ có Hoàng tử Trọng Đức lui thủ đến một mình. lui thủ đến một mình. Thôi thì các bà Vương phi, quận chúa, tiểu thư khoe khoang duyên dáng, các bà lại đi tìm Hoàng tử Trọng Đức chế giễu.

Hoàng tử không chịu nổi cơn tức giận, nên sanh lòng ghét vợ. Chàng hăm hăm chuyển này thì về nhất quyết ly dị cho rảnh.

Chồng đi yến tiệc, công chúa một mình vò võ trong cung. Tự nhiên nàng thấy nao nao trong lòng, tin chắc có điều gì không hay xảy đến cho mình. Nàng tủi thân rơi nước mắt. Tự nghĩ ta đời trước đã tạo nhân gì ác nghiệp đến nỗi sanh thân kỳ dị, làm khổ tâm biết bao nhiêu người vì thương yêu ta. Nàng liền chắp tay thành kính hướng về giữa thanh không thầm niệm. "Nam mô Phật, nam mô chư Phật". và tự khẩn nguyện: Đức Phật hiện nay Ngài hay ban bố ích lợi cho chúng sanh, cứu khổ cho tất cả người khổ sở. Nay con là một người đang chịu khổ, lại không làm sao ra khỏi cung cấm để hầu Ngài. Nguyện xin oai thần Đức Thế Tôn từ bi khuất giá giáng thần vào trong chốn u đày này, cho con được đánh lễ. Nỗi thống khổ lòng thành kính tha thiết của con người đáng thương ấy, ứng hiệp với Đức từ bi của Phật. Được Đức Phật ở tịnh xá Kỳ Viên liền vận thần thông hiện ra trước mặt, trong khi công chúa đang quì lạy. Ngưỡng lên thấy Phật, vừa mừng vừa tủi, nàng kính bạch: "Bạch Đức Thế Tôn! Đời trước con đã gây nghiệp

ác gì, mà ngày nay bị quả báo thân hình xấu xí như thế này? Lại nhờ phước đức gì mà sanh vào chốn giàu sang?" Ngài động lòng thương xót dịu dàng bảo: "Đời trước con là một người đàn bà có nhan sắc, lại hay cúng dường bố thí, nhưng khắc nghiệt với tôi tớ, kiêu căng với bạn bè và hay ganh tỵ với người có nhan sắc hơn mình, mắt thường hay nguýt, miệng hay nói xấu người, khi sân hận nổi lên thì đánh đập tôi tớ một cách tàn nhẫn. Nhất là hay ý mình có nhan sắc của cải khinh ngạo kẻ khác. Ngày nay con phải thành tâm tha thiết cần cầu sám hối đi, thì những tội lỗi trước kia sẽ tùy theo tâm niệm mà tiêu diệt".

Tiếng Phật dịu dàng như tiếng chim Ca Lãng Tần Già, công chúa thấy tự nhiên lòng nhẹ lâng lâng, nàng rút khăn lau ráo lệ, rồi tha thiết cần cầu sám hối. Nàng quỳ xuống chân Phật hàng giờ với những lời chân thật phát sinh ra tự đáy lòng. Đức Phật để cánh tay vàng lên đầu nàng, công chúa ngẩng lên thấy đôi mắt hiền từ trong sáng của Đức Phật nàng rất sung sướng. Liên khi ấy mắt nàng cũng trong sáng như mắt chim thu nàng thấy sắc diện của Phật đoan nghiêm hiền hậu, lòng nàng cảm động, sanh bao sự vui mừng, tự nhiên mặt nàng cũng đoan nghiêm mỹ lệ. Nàng thấy chân Phật sáng ngời, cốt cách siêu phàm, lòng nàng lại bội phần mến phục, tự nhiên thân nàng cũng đoan nghiêm điều đặn, các tướng xấu xa của nàng bị tiêu diệt. Nàng liền trở nên một công chúa đẹp đẽ xinh tươi đầy đủ phước tướng.

Phật thuyết pháp cho nàng nghe xong liền vận thần thông trở về Tịnh Xá.

Giữa bữa tiệc vui, Hoàng tử Trọng Đức không chịu được lời chế giễu của các bạn. Tình yêu không thể kéo lại cái hổ, cái nhục. Thái tử bực tức lên ngựa trở về cung, vừa đi vừa thầm nghĩ: "Chuyến này nhất định để, nhất định ly dị".

Tiếng gió ngựa của người hào kiệt sao mà gấp gáp thế? Công chúa lo ngại vội vàng bước xuống thang lầu thấy mặt chồng đầy sát khí, nàng không dám hỏi han gì. Theo lệ thường nàng cúi xuống tháo chiếc đai ngọc trên lưng Thái tử và cất chiếc mũ vàng cho đầu chàng đỡ nặng. Thái tử ngạc nhiên, cử chỉ ấy rõ ràng là vợ, mà sao nhan sắc nàng biến đổi thế kia? Công chúa hiểu ý, liền đem chuyện cầu Phật kể lại cho chồng nghe. Từ đó vợ chồng vui vẻ hòa thuận cùng nhau lo tu phước thiện.

Một hôm vui câu chuyện, công chúa bảo chồng: "Thiếp xem chàng trọng sắc hơn trọng đức". Hoàng tử cả thẹn nói lảng qua chuyện khác.

Đọc câu chuyện này chúng ta nhận thấy nhân nhục là điểm cốt yếu cần phải có trong tất cả hạng người, cần phải dùng trong tất cả hoàn cảnh. Nhờ sự nhân nhục, nhờ lòng thiết tha ăn năn của công chúa Thuần Nhân đã đổi được cuộc đời tối tăm trở thành tươi sáng. Chúng ta nên biết nếu tâm đức thanh tịnh thì sẽ chuyển được hình tướng bên ngoài. Vậy ta nên nhớ "NHÂN NHỤC LÀ GỐC HẠNH LÀNH, SÂN SI LÀ NGUỒI TỘI LỖI".

Hết

**nhieu tác giả**

Truyện Cổ Phật Giáo

## **NGƯỜI HỌC TRÒ BỊ THẦY GẠT ĐƯỢC PHẬT ĐỘ**

Thuật giả: Thích Trường Lạc

Dứt ác làm lành, giữ tâm hồn cho trong sạch, đó là Phật giáo.

Thuở xưa, tại thành Xá Vệ có ông Phạm Chí làm cố vấn cho nhà vua, mở trường giảng đạo Bà La Môn, thu được một số học trò rất đông. Trong đám đệ tử của ông, có chàng Ương Quật Ma là một ngôi sao tỏ rạng: Văn đã giỏi, võ cũng hay, nét na thuần túy, thêm diện mạo khôi ngô. Ai biết được Ương Quật Ma rồi cũng trầm trồ khen ngợi là người tài đức song toàn.

Người vợ của ông Phạm Chí lại chú tâm yêu thầm trộm mến đứa học trò tài giỏi của chồng. Nhân lúc chồng đi vắng, nàng phấn son trang điểm xạ ướp hương xông đến nhà Ương Quật Ma đường đột vào phòng liếc mắt đưa tình, nói sỗ sàng những lời hoa nguyệt tray trúa, tỏ bày thái độ quyến luyến gió trăng một cách lá lơi chẳng biết ngại ngùng.

Trước cử chỉ khiêu dâm, người học trò nét na thuần túy ấy không bao giờ để cho lửa tà xâm chiếm, Ương Quật Ma giữ lễ đệ tử, thưa với vợ thầy rằng: "Thưa thím, thầy ví như cha, thì thím ví như mẹ, đệ tử thà chết chứ không dám làm điều bất chính để tiếng nhơ nhớp ngàn năm".

Vợ ông Phạm Chí còn giòn giã nói thêm: "Hễ đói thì ăn, khát thì uống; hưởng nữa ta đã sẵn sàng cho thì cứ tha hồ thưởng thức cái gì gọi là bất chính?".

Ương Quật Ma nghiêm nghị nét mặt cự tuyệt lại rằng: Kẻ ngu dốt lờ làng thói chim muông còn biết hổ thẹn! người học đạo như tôi há chẳng thẹn, nếu không biết tôn ti thượng hạ. Vả lại thím cũng như mẹ tôi, tôi đâu bạo gan làm điều vô liêm sỉ. Dứt lời, Ương Quật Ma liền bước ra khỏi nhà.

Vợ Phạm Chí biết người học trò của chồng mình lòng cứng như sắt đá không thể lay chuyển nổi, nên nàng riu riu ra về một nước với sự mắc cỡ chua cay. Dọc đường, nàng tức giận quá mới nghĩ kế trả thù cho đã nư, nhất là cho khỏi gai mắt. Về nhà, nàng xé quần áo, lấy màu thoa mặt biến sắc,



quàu mình trầy trụa, giả bộ đau nặng, nằm rên hì hì...

Ông Phạm Chí về, thấy vợ đầu bù tóc rối, quần áo rách rưới, thân thể bị vít, thêm nghe vợ kêu nhức rối rít, ông hỏi tại sao mà đến nỗi như thế?

Nàng đáp rằng: "Sớm mai này, thừa lúc chàng đi vắng, Ương Quật Ma lén vào phòng thiệp, kéo áo nắm tay, giở trò hãm hiếp: thiệp không không thuận tình, bị gã cưỡng bức mới ra nông nỗi như vậy".

Ông Phạm Chí nghe lời vợ nói thảm thiết đau thương, liền tin, không cần xét lại thật giả, quyết trừng trị ngay đũa học trò mình một cách nặng nề mới vừa lòng. Ông nghĩ ra một chước để gạt Ương Quật Ma sa vào lưới pháp luật, bị án tử hình hơn là mình ra tay giết nó; ông bèn gọi Ương Quật Ma nói ngon ngọt rằng: "Con đến học với thầy bấy lâu nay nghề kiếm thuật được tinh thông; theo chỗ thầy thấy thì trong đời không ai sánh kịp. Nhưng vì thiên hạ chưa biết nên con còn mai một tên tuổi. Muốn cho con mau nổi tiếng anh hùng, trước làm rạng rỡ tông môn, sau làm vẻ vang thầy tổ, nên thầy ban cho con thanh kiếm này để cho con lập công danh trong chớp mắt". Ương Quật Ma lãnh thanh kiếm và đứng chờ thầy chỉ dạy thêm. Ông Phạm Chí bảo rằng: "Sáng sớm, con mang gươm ra ngã tư đường cái là chỗ đông người qua lại đón chặt lấy mỗi người một ngón tay, đến đứng trưa, lấy cho đủ một trăm ngón, xỏ xâu làm như tràng hạt mà đeo, thì tự nhiên nổi danh "hoàn cầu vô địch đồng sĩ". Con phải lập tức thi hành y như lời thầy đã dạy. Hăng hái mau lên con!".

Ương Quật Ma gắng gượng mang gươm ra đi, vừa suy nghĩ sợ sệt, buồn rầu: nếu không nghe lời thầy thì lỗi đạo làm học trò; còn vâng lời thầy thì trái với lẽ phải; vì có ngăn ngừa mười điều ác và rộng làm mười việc lành mới sanh lên cõi trời; ấy mới phải phép con nhà Phạm Chí; con người lung lẳng giết hại trái với lương tâm, con người học đạo nở lòng nào tàn nhẫn. Mãi so hơn tính thiệt, nghĩ tới xét lui, Ương Quật Ma bán loạn tâm thần, đi vừa đến cội cây cổ thụ bên vệ đường, chàng bị xây xẩm mặt mày, ngã gục ngất người bất tỉnh. Thừa cơ, quỷ ác ám ảnh làm cho chàng như điên như dại, trợn mắt ngẩn rờn, hươi gươm vùn vụt.

Lúc bấy giờ, kẻ bộ hành bốn phương vì nghiệp xưa đuổi đến bị Ương Quật Ma chặt đứt mỗi người một ngón tay, trong chốc lát gần đủ số một trăm.

Những kẻ mắc nạn kêu la thảm thiết, tiếng đồn thấu tai nhà vua, các thầy Tỳ kheo đi khắp thực cũng rõ việc chẳng lành ấy, nên khi về tới tịnh xá, liền bạch với Phật:

Đức Thế Tôn nghe qua động lòng thương xót, bảo các thầy Tỳ kheo rằng: "Các người cứ ngồi yên, để ta đi cứu khổ cho mọi người". Dọc đường, Phật gặp bọn chăn dê và dân chúng khuyên Ngài đừng vào con đường đương có người điên rồ tàn ác giết hại không biết bao nhiêu người rồi. Nếu Đức Phật đến đó; Sợ e không khỏi bị thiệt hại: mất một ngón tay.

Đức Thế Tôn đáp: "Không sao cả, giả sử trong ba cõi đều là giặc cả, ta cũng không ngại gì, huống chi chỉ có một người tàn bạo, thì ta có sợ gì, chúng người chớ lo ngại".

Mẹ Ương Quật Ma thường ngày vẫn thấy con gần đến giờ Ngọ là về dùng bữa, mà hôm nay sắp đứng bóng rồi sao chẳng thấy con về, bà bèn đem cơm ra khỏi nhà tìm con. Khi đến nơi thì Ương Quật Ma đương đếm ngón tay được 99 cái. Nó trông lên mặt trời thấy đúng Ngọ mà còn thiếu một ngón tay nữa, sợ quá giờ hỏng việc. Ương Quật Ma lòng đương bối rối, thoát thấy mẹ đến, không rõ là ai, giơ kiếm chực chặt lấy ngón tay cho đủ số một trăm.

Mẹ Ương Quật Ma thấy con có bộ tịch hung hăng, bà hoảng hốt lui lại, thì lúc đó Phật vừa đến kịp.

Thương hại cho Ương Quật Ma thành linh bị ác quỷ ám ảnh mê muội làm việc tàn nhẫn nếu chặt đứt tay mẹ, phạm lấy tội ngũ nghịch, sẽ bị trầm luân nhiều kiếp rất tội nghiệp, bèn hóa làm thầy Sa Môn lướt tới đứng trước mặt mẹ chàng. Gã thấy thầy Sa môn liền gươm toan chém lấy ngón tay. Nhưng vô hiệu quả, nó không làm sao lại gần bên mình thầy tu ấy được, mặc dầu nó ráng hết sức chạy theo cũng không bắt kịp. Ương Quật Ma nghĩ rằng: Ta nhảy một cái vượt khỏi sông lớn dễ dàng như kẻ thế gian bước mương rãnh, còn thầy Sa môn này đi bộ mà ta hết sức chạy theo cũng không kịp. Thật là lạ! Vậy ta phải dùng phép nhiếp hồn mới được. Ương Quật Ma bèn nạt một tiếng thật to vang như sấm, kêu rằng: "Thầy Sa môn kia phải dừng lại". Thầy Sa môn đáp: "Ta đứng yên đã lâu, tại người cứ chạy mới cách xa ta mãi!".

Ương Quật Ma nghe nói hồi tỉnh lại, bèn ngâm bài kệ:

"Thầy nói đã đứng lâu,

Sao tôi rượt không kịp?

Thầy nói tại tôi chạy,

Ấy là tôi bị hiếp,

Xin thầy giải nghĩa giùm,

Cho tôi hết nghi hoặc".

Thầy Sa môn dạy rằng:

Chỉ mang[1] nghe ta nói, mới khỏi sai lầm.

Vì người trọng vọng, để cho ám vào, nên không tự chủ được.

Muốn nổi tiếng anh hùng gây ra nhiều tội ác.

Thật là rất u mê, mong gì nên đạo nghiệp.

Ta đã đứng yên lặng, nên ta được giải thoát.

Người vẫn cứ lảng xãng, nên người bị khổ não.

Ương Quật Ma nghe nói tỏ ngộ, như say mê được tỉnh táo, liền ném gươm bên vệ đường, quì mọp xuống đất lễ Phật, bạch rằng: "Lạy Đức Thế Tôn, xin dung thứ cho con là kẻ mê muội. Từ đây con xin làm đệ tử Ngài, bỏ tà theo chánh; mong nhờ Đức Thế Tôn rộng lòng thương xót cứu độ con".

Đức Phật biết Ương Quật Ma cơ duyên đã thuận thực, bèn nhận lời làm đệ tử, đưa về tịnh xá tại vườn ông Cấp Cô Độc. Từ đó người tu các phạm hạnh, tinh tiến, chẳng bao lâu chứng đặng quả thánh.

Bấy giờ vua Ba Tư Nặc kéo binh đi tìm bắt kẻ sát nhân là Ương Quật Ma. Ngài đi cùng nơi khắp chỗ mà tìm không gặp. Thoạt đến tịnh xá, vua Ba Tư Nặc vào đánh lễ Phật.

Đức Thế Tôn hỏi vua ở đâu lại đây con có vẻ mệt mỏi quá vậy.

Vua bạch rằng: "Lạy Đức Thế Tôn! Vì nghe quân báo có đứa nghịch tặc tên Ương Quật Ma đón đường giết hại lắm kẻ bộ hành; tôi phải đem binh tìm bắt để trừ hại cho dân lành, nên phải tuôn pha gió bụi dơ bẩn".

Phật nói: "Thế là Ương Quật Ma hiện nay đã xuất gia làm Tỳ kheo ở tại đây: Vua có cần trị tội người đó nữa chăng?".

Vua bạch Phật rằng: "Nếu người đã phát tâm xuất gia học đạo, thì chẳng những tôi không trách phạt lỗi trước, mà tôi nguyện xin hứa nguyện trọn

đời tứ sự cúng dường nữa. Bạch Đức Thế Tôn, chẳng biết Phật thế nào mà khuyến hóa được kẻ hung ác ấy vào đạo dễ dàng? Và bây giờ người ấy ở đâu?".

Phật vừa nói vừa chỉ: Người ấy ngồi kể bên đây!

Vua ngoảnh lại thấy Ương Quật Ma, mặt liền biến sắc tỏ vẻ sợ hãi.

Phật an ủi rằng: Vua chớ sợ, người ấy nay đã hiền lành không còn tánh bạo ác như xưa đâu, vua Ba Tư Nặc đi ngay trước mặt Ương Quật Ma chấp tay và chào hỏi rằng: "Thầy có phải là chỉ mang Ương Quật Ma không?".

Thầy Tỳ kheo đáp lại rằng: "Chính tôi là Ương Quật Ma".

- Thầy lúc còn ở tại gia họ là chi?

- Tôi Kỳ Giốc.

- Sao lại gọi là Kỳ Giốc?

- Vì tôi phải lấy theo họ của cha tôi lưu truyền.

- Thế là phải lắm! Thưa Thầy Kỳ Giốc Tỳ kheo, tôi xin trọn đời cúng dường cho thầy các món cần thiết trong lúc thầy tu hành.

Ương Quật Ma cảm lòng chí thành của vua nên hoan hỷ nhận lời.

Vua Ba Tư Nặc cúi đầu bái chào thầy Kỳ Giốc Tỳ kheo rồi lại trước pháp tòa khâm khen công Đức Phật như vậy: "Từ bi thay, Đức Thế Tôn! Giác ngộ cho người mê muội, dắt dẫn kẻ tàn ác trở lại đường lành, xuống phước cho nước nhà, ban ân cho lê thứ, cứu độ tất cả chúng sanh thoát khỏi vòng khổ não!". Vua tán thán công đức của Đức Phật rồi liền kéo binh về hoàng cung.

Bấy giờ Tỳ kheo Ương Quật Ma đắp áo cà sa, bưng bình bát vào thành Xá Vệ, lần lượt theo thứ lớp từ nhà xin ăn. Dọc đường, thầy gặp một người đàn bà có thai gần ngày sanh, cầu xin thầy chú nguyện cho được bình an. Thầy Tỳ kheo không biết chú nguyện thế nào, trở về tịnh xá, ăn cơm xong, thầy đến trước Phật bạch rằng: "Lạy Đức Thế Tôn, hồi sáng này, con vào thành khát thực, gặp một người đàn bà có mang gần ngày sanh nở. Người ấy lo ngại thai nghén thế nào nhờ Phật từ bi dạy cho con được rõ".

Phật bảo rằng: "Người mau trở lại an ủi người đàn bà ấy như vậy: Tôi rất thành thật nói lời chắc chắn, từ khi tôi mới sanh ra đến ngày nay, tôi chưa từng sát nhân hại vật. Vậy tôi nguyện cho bà đến lúc sanh sản được bình an

vô sự".

Thầy Tỳ kheo Ương Quật Ma do dự bạch Phật rằng: "Con đã làm nhiều tội ác, chém đến 99 người lấy mất mỗi người một ngón tay, còn đâu dám nói vọng được!".

Phật nói việc ấy đã qua như thuộc về đời trước, khác hẳn với đời này. Từ khi người xuất gia đến giờ chưa từng nói dối, vì thế người cứ chú nguyện như vậy cũng đủ cứu thoát ách nạn cho người đàn bà ấy.

Ương Quật Ma vâng lệnh Phật đến nhà người đàn bà chữa chú nguyện y như lời Phật dạy. Vừa dứt lời thì người đàn bà liền sanh được một cách dễ dàng, mẹ con đều bình an.

Lúc trở về tịnh xá, giữa đường thầy Tỳ kheo Ương Quật Ma gặp lũ trẻ hung tợn ngược đãi thầy, đứa thì lấy đá ném vào đầu, đứa dùng búa nện trên lưng, đứa lại lấy dao đâm, lấy gậy đập. Thầy bị u đầu, xể mặt, rách y, nhưng thầy vẫn coi như thường, không hề oán giận cũng không thốt ra một lời nào than phiền. Về đến tịnh xá, ngài đánh lễ Phật và ngâm bài kệ rằng:

*"Tôi thật là tàn ác  
Chỉ mang tiếng lẫy lừng  
Nay qui y theo Phật,  
Học đạo dứt lòng sân.  
Trước khi hay sát hại,  
Nay lại rất hiền nhân,  
Tuy chỉ có một kiếp,  
Đã đổi xác thay hồn.  
Phật từ bi vô lượng,  
Không gây cũng không gươm,  
Giáo hoá điều phục tôi,  
Thoát khỏi vòng nhân ngã.  
Tấm lòng đã sáng suốt,  
Không giận cũng không tham,  
Không mừng cũng không sợ,  
Không khổ cũng không vui.  
Chỉ mang Ương Quật Ma,*

*Đã thành A La Hán,  
Ở trước Đức Như Lai,  
Kính cần đọc kệ này".*

Hết

\* Mang: Vì chặt ngón tay người làm chuỗi đeo nên gọi là Chỉ Mang.

**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
Trích báo: Viên Âm  
**CON DAO TRONG TÂM**

*Tâm bình thế giới bình*

Ngày xưa ở thành Xá Vệ nước Ấn Độ, đức Phật đến giáo hoá độ cho một gia đình kia, hai vợ chồng đều cá tánh tham lam độc ác, không biết tôn trọng đạo đức. Ngài liền hóa một vị đạo nhân, mang bình bát đến khất thực. Lúc ấy người chồng đi vắng, người vợ ở nhà, thấy vị đạo nhân vào liền mắng chửi ầm lên. Vị đạo nhân hiền từ nói:

"Tôi là người tu hành, chỉ xin ăn mà tự sống. Lòng chỉ mong gia chủ cho bát cơm để đỡ lòng, có sao lại mắng chửi tôi đủ điều thậm tệ như vậy".

Người vợ tức giận hét ngược lên, thì vừa người chồng về, trong tay sẵn cầm cao dao bén, chẳng nói chẳng rằng, người chồng lạng lẽ xông tới, định chém đạo sĩ. Bỗng một bức thành băng pha lê hiện lên, bao bọc người đạo sĩ, bức thành trong sáng, kiên cố, không có cửa, người chồng đến xô đập, đâm chém đủ cách cũng không sao chuyển được.

Người chồng liền nói: "Ông hãy mở mau cho tôi vào với".

Vị đạo sĩ trả lời: "Được, nhưng ông hãy quăng con dao bén đi đã".

Người chồng tự nghĩ: "Mình to lớn như thế này, còn người đạo sĩ bé nhỏ thế kia, mình dùng hai tay không cũng đủ giết chết vị ấy trong giây lát". Nghĩ đoạn, liền quăng con dao bén đi xa, nhưng sao bức thành pha lê vẫn nguyên như cũ, người chồng tức giận hét lên:

"Tôi đã quăng con dao bén đi rồi sao ông không chịu mở cửa cho tôi vào".

Vị đạo sĩ đáp: "Không, tôi không có nói ông quăng con dao bén trong tay ông, tôi muốn ông quăng con dao bén trong tâm ông kia mà".

Người chồng giật mình kinh sợ, nhận thấy vị đạo sĩ thấu hiểu tâm lý thầm kín của mình, nên đã bớt độc ác, cúi đầu lạy tạ, ăn năn hối lỗi. Bức thành pha lê kiên cố ấy bỗng biến mất, vị đạo sĩ hiện thành Đức Phật, phóng muôn ánh hào quang chói sáng rực rỡ một phương trời, và ngay khi đó Đức

Phật thuyết pháp để hóa độ cho hai vợ chồng người ấy.



**nhieu tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**PHƯỚC BÁO HIỆN TIỀN**  
Thuật giả: Thích Đức Tâm

Dắt một người mù qua đường, cho người đứt tay miếng giẻ rách, lượm cây gai giữa đường, cho con kiến hạt cơm, đều gọi là bố thí.

Ngày xưa ở xứ Hòa Na, dân chúng phần nhiều tín ngưỡng Phật giáo. Có vợ chồng chàng Kế Sa La cũng nhờ ảnh hưởng tinh thần ấy, mà nổi tiếng đôi vợ chồng hiền đức.

Nhà Kế Sa La rất nghèo, hằng ngày phải vất vả hai sương một nắng, tranh đấu với bát cơm manh áo; nhưng vợ chồng vẫn vui vẻ thân mật, an phận trong cảnh thanh bần, không bao giờ vì tiền tài danh vọng, mà làm hoen ố được lòng trong sạch của đôi vợ chồng chàng. Ngoài ra, chàng lại không quên đem chánh pháp mà mình đã hiểu biết, khuyến khích mọi người trở về đường thiện; mà chàng có thể đảm đương.

Thuở ấy, miền ngoại ô xứ Hoà Na vừa bị mất mùa, lại thêm nạn tật dịch, nên dân chúng miền ấy đói và chết rất nhiều. Các nhà hảo tâm trong xứ hiện thời, hoặc chung hoặc riêng, đến chùa tổ chức nhiều cuộc bố thí. Trước nhờ các Tăng sĩ cầu nguyện cho những kẻ vừa bỏ mình vì tật dịch được siêu thoát và nạn tật dịch đương hoành hành mau chấm dứt; sau đem các phẩm vật phân phát cho các nạn nhân đói khổ.

Vì vất vả theo sinh kế, vả lại cũng ít lui tới các phương xa, nên nạn tật dịch đói kém hoành hành ở ngoại ô vợ chồng Kế Sa La không hay biết gì cả.

Theo lệ thường, sáng nào Kế Sa La cũng cùng vợ chia nhau đến các nhà điền chủ để làm mướn. Nhưng lạ thay, sáng nay Kế Sa La đi một đoạn đường lại gặp những vị trưởng giả, khăn áo chỉnh tề, theo sau những tên gia đình hì hục mang gánh gạo cơm mền áo... gặp hai ba phen như thế, Kế Sa La khống ngớt ngạc nhiên, dừng lại hỏi: Chàng mới biết vùng ngoại ô đang bị nạn và những bậc trưởng giả này đem các phẩm vật đến chùa để mở cuộc bố thí. Bị kích thích bởi tình đồng loại, lại thêm tủi cho số phận nghèo nàn của mình; trong khi đồng bào đang lâm cơn đói khổ mà mình không có

một quan tiền, một đấu gạo, một viên thuốc đỡ đần. Càng nghĩ chàng càng đau đớn sầu tủi! Trong trí chàng hiện ra nhiều dấu hỏi: làm thế nào có tiền để giúp đồng loại? Và chàng nguyện rằng: nếu làm cách nào có tiền gạo để bố thí dù thân bị đọa đày suốt đời chàng cũng vui lòng đổi lấy. Đến đây, Kế Sa La không còn thiết gì đến ăn làm nữa, lui thui về nhà.

Tối đến vợ chàng về, thấy chồng mặt mày ủ rũ, ngồi một mình thở ngẩn than dài hình như bất đắc chí vì một việc gì... Chị vợ lo sợ hỏi chồng, nhưng chàng tìm cơ thoái thác không trả lời, vì chàng biết trước rằng: nếu đem sự thật nói với vợ, đã không ích gì mà lại gieo thêm cho vợ mối sầu tủi như mình, nhưng sau hai ba phen thiết tha gạn hỏi của vợ, Kế Sa La không nỡ giấu giếm nữa mới đem đầu đuôi câu chuyện thuật lại vợ nghe. Vợ chàng không kém gì chàng, cũng sầu, cũng tủi, cũng thở than như chàng! Nhưng sau một hồi suy nghĩ, chị vợ hăng hái nói: nếu chàng bằng lòng chị ta sẽ đến giúp việc cho các nhà phú hộ, thế nào cũng nhận được một số tiền, để làm việc bố thí. Kế Sa La không tán thành, và chàng không nỡ để cho vợ: nữ nhi yếu ớt một mình đem thân thể làm tội mọi người.

Chị vợ lại nói: Hay là cả chúng ta đều đến ở giúp việc cho một nhà đại phú, trước nhận được một số tiền lớn để bố thí, sau có thể giúp đỡ nhau trong những công cuộc nặng nề. Ý kiến này được Kế Sa La hoan hỷ tán đồng. Thế là sáng mai đôi vợ chồng Kế Sa La lên đường đến một nhà đại phú ở cạnh làng, xin giúp việc và nhận trước một số tiền.

Vốn nghe vợ chồng Kế Sa La là người hiền đức, nên nhà đại phú kia bằng lòng ngay và cho vợ chồng Kế Sa La mượn trước một năm quan tiền, lại được phép về nhà bảy ngày để sắp đặt công việc; và nếu trong bảy ngày ấy vợ chồng Kế Sa La đem đủ số tiền hoàn lại ông, ông cũng vui lòng trả quyền tự do cho vợ chồng chàng.

Tiền bạc giấy tờ, vợ chồng Kế Sa La hết sức vui mừng, đi vào chợ mua các phẩm vật... và đến chùa Đản Ba gần đấy, xin thiết lập cuộc bố thí ngay tại chùa, sau sáu ngày chú nguyện, đến ngày thứ bảy sẽ phân phát các phẩm vật.

Việc làm ấy rất thích hợp với hạnh Từ Bi, lại thấy lòng chí thành của vợ chồng Kế Sa La, nên các Tăng sĩ trong chùa đều tận tâm giúp đỡ, để cho

cuộc bố thí này được thập phần viên mãn.

Chiều ngày ấy, Quốc vương bản xứ cũng cho người chuyên chở rất nhiều phẩm vật đến chùa Đàn Ba mở hội và cũng định ngày thứ bảy bố thí. Vị Trú trì chùa Đàn Ba tâu vua: ngày ấy đã có vợ chồng Kế Sa La định mở hội trước rồi, yên cầu nhà vua chung vào hội bố thí ấy, nếu không xin hoãn lại ngày sau. Nhà vua phán: Trẫm thiếu gì tiền bạc mà phải chung chạ với người khác và trẫm đây đường đường một vị quốc chủ, Kế Sa La nào đó lại không vì trẫm mà nhường cho trẫm được như nguyện, hay sao? Vị trú trì đem lời thuật lại với vợ chồng Kế Sa La.

Kế Sa La nhờ vị trú trì tâu lại nhà vua: Vợ chồng chàng xin chịu tội, chứ không thể thay đổi cuộc bố thí qua ngày khác.

Với ý định kiên quyết ấy, nhà vua hết sức ngạc nhiên, cho đòi vợ chồng Kế Sa La vào hỏi. Tiếp diện nhà vua, Kế Sa La đem hết cả sự tình tâu rõ là: Vợ chồng chàng đã bán mình cho một nhà địa chủ lấy tiền mở hội bố thí, đến ngày thứ tám đã chính thức làm tôi tớ cho người, không còn đi lại tự do nữa.

Nghe xong câu chuyện, nhà vua hết sức cảm phục cử chỉ của vợ chồng Kế Sa La. Ngài bùi ngùi than rằng: nếu trong quốc độ này mà được nhiều người có "tâm từ" như vợ chồng Kế Sa La, thì còn đâu những kẻ tham lam ích kỷ, lường gạt đồng bào và còn đâu những kẻ bơ vơ trong xô chợ đầu đình, lê mình khắp xứ, mà không đủ chén cơm lót dạ, manh áo che thân!

Tức thì nhà vua lại sai người đem vàng bạc ra ban thưởng và hạ chiếu cấp cho vợ chồng Kế Sa La được trọn đời hưởng quyền lợi trong mười xã. Ngài lại kêu vợ chồng Kế Sa La đến phán rằng: "Đây là PHƯỚC BÁO HIỆN TIỀN" của hai người đó và trẫm vui lòng nhượng hai người mở cuộc bố thí vào ngày thứ bảy để cho hai người được toại nguyện".

Vợ chồng Kế Sa La cảm động lạy tạ ơn vua. Và đôi vợ chồng ấy, không quên niệm hồng ân đức Phật đã tác thành cho vợ chồng chàng: "đức tánh Từ Bi, nâng cao Đạo sống". Nên nay mới gặp nhà vua đức độ, đem lại cho vợ chồng chàng đến cuộc đời sung sướng giàu sang.

Hết

**nhều tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**VÀNG HAY RẮN**

Khi Đức Phật còn tại thế, một hôm Ngài cùng hai vị đại đệ tử A Nan và A Nan Đà từ non Thấu Lãnh đi xuống kinh thành khất thực. Đi giữa đường, ngang qua một bờ lờ, Ngài thấy một ghé vàng.

Đức Phật dừng lại bảo A Nan Đà rằng:

"Này A Nan Đà! Người có thấy đây là một loài rắn độc không?". Ngài A Nan Đà cung kính bạch rằng: "Bạch Thế Tôn thật là một loài rắn độc đáng sợ hãi". Có chàng tiểu phu đứng gần nghe vậy, tưởng có gì độc thật vội vàng đến xem.

Anh đến, thấy một ghè niêm phong cẩn thận, mở ra xem. Anh mừng quá. Vàng toàn là vàng. Vàng ngọc quý cả. Anh cười thầm Phật và đệ tử Ngài không biết dùng thứ ấy, còn cho nó là rắn độc. Anh ta cẩn thận, hớn hờ mang về. Trước khi đem về, anh ta sung sướng la lên rằng:

"Tôi xin nguyện con rắn độc này luôn luôn cắn tôi và cắn cha mẹ, vợ con, quyến thuộc tôi. Tôi không cảm thấy đau đớn gì hết".

Anh chàng tiểu phu kia trở nên một người trưởng giả giàu có kiêu sa: nào là nhà cửa, ruộng vườn, tôi tớ, bò trâu, xe cộ, cực kỳ sung túc và lộng lẫy. Làng xóm thấy vậy đâm ra nghi kỵ, không biết anh vì sao giàu sang đột ngột như vậy?

Tiếng đồn vang đến tai vua A Xà Thế. Vua cho sứ giả đến hỏi: "Có phải được của kín nhà vua chăng?". Anh ta ấp úng trả lời: "Tôi giàu là tôi giàu; tôi cũng không được chi của nhà vua cả".

Sứ giả về tâu lại.

Vua cho gọi đến hỏi. Anh cũng ấp úng trả lời như củ. Cho là người gian, vua ra lệnh tịch thu gia tài điền sản và bắt anh ta và tất cả bà con quyến thuộc đem đi hành hình.

Khi đi giữa đường anh ta khóc lóc, buồn bã và la lớn rằng: "Ngài A Nan Đà ơi! Thật là một thứ rắn độc! Rắn độc nó đang cắn tôi và cắn bà con của tôi đây".

Theo luật vua A Xà Thế, ông vua thật hành Phật Pháp, mỗi khi muốn xử tử một người nào, giữa đường nếu có gì lạ phải trở về tâu lại ngay. Bọn lính nghe chàng ta gọi mãi Ngài A Nan Đà, bèn trở về tâu lại vua hay.

Vua đoán chắc có chuyện lạ, nên ra lệnh đem anh về. Vua hỏi lại lần này anh ta mới chịu thừa thiệt nguyên do được ghè vàng, nghe xong, vua cảm động ân hóa dụ của Đức Phật và bảo chàng tiều phu rằng: "Tội người đáng chết, nhưng may duyên gặp Đức Thế Tôn. Ta cũng là người Phật tử, ta phóng thích cho người và bà con người. Người được phép đem gia tài và châu báu về. Người phải đổi tự tâm tu theo thiện nghiệp và hết lòng cung kính cúng dường Tam Bảo."

Chàng tiều phu được phóng thích, sung sướng vô cùng. Cảm mến ân Phật được sống, chàng về chỉ lo tu phước đức và hết lòng cúng dường Tam Bảo. Không bao lâu, nhờ công đức và lòng thành kính ta hành, anh ta được chứng quả giải thoát.

Ta phải làm chủ tiền bạc,  
Đừng để tiền bạc làm chủ ta.  
Hết

**nhieu tác giả**

Truyện Cổ Phật Giáo

**KẸ BỎN XẸN BỊ PHẠT**

Thuật giả: Thích Trường Lạc

Ngày xưa ở gần thành vua nước Xá Vệ, có ông Lô Chí, nhờ thừa hưởng của phụ ấm và thêm hà tiện có tiếng "Rán sành ra mỡ được trở nên triệu phú ít ai bì".

Một hôm trong thành có tổ chức cuộc lễ công cộng linh đình, tiếng pháo vang rền, trống kèn inh ỏi đưa lọt vào tai, thêm trước mắt hình ảnh nam thanh nữ tú dập dìu ngựa xe đông đúc kéo nhau rộn rịp vào thành dự hội, làm cho Lô Chí thấy trong người cũng hân hoan. Ông vội vàng vào nhà mở tủ lấy ít đồng tiền lẻ, định ăn xài một bữa cho ngỏa nguê. Xuống nhà bếp hốt một nắm muối, lấy một cái chai, gói cột lại một đùm, Lô Chí mang đi xem lễ, không ngưng ngưng gì cả.

Vào thành, sau một hồi bách bộ ngắm xem cảnh đẹp phố phường, trưởng giả nhà ta mới một bụng bắt đói, miệng thèm ăn. Ông ghé vào quán mua thêm ít cái bánh và rượu, rồi đi ngay ra ngoài ô tìm chỗ vắng người định dùng bữa. Đến một gốc cây to, ông vừa ngồi xuống mở nút trút ve, thì bỗng nghe tiếng kêu "quạ quạ!" trên không. Sợ lũ chim ô tinh ranh xớt bánh, ông lật đật đứng dậy chạy một hơi tuốt ra đồng không mông quạnh, một mình ăn uống. Rượu vài tuần, ông trưởng giả hứng chí đứng lên múa hát nghêu ngao, lúc cao hứng ông lại lớn tiếng tự hào:

"Bực vua Trời (Đế Thích) hôm nay cũng không sướng bằng ta, huống nữa là các vị Tứ Thiên Vương!". Rủi cho ông lúc đó ông Đế Thích với các vị hiền thánh đi ngang qua đồng đến tịnh xá Kỳ Hoàn nghe Phật thuyết pháp. Vừa nghe được lời ngạo nghễ của Lô Chí, vua Trời nghĩ ra một kế phương tiện để hóa độ người ngu si hết tật bỏn sẻn. Ngài liền hiện thân thông biến ngay một ông Lô Chí giả giống hệt Lô Chí thật, chạy thẳng về nhà ông trưởng giả. Lô Chí giả hỏi tất cả người nhà tự họp lại nói chuyện. Ông thưa với mẹ rằng: Bấy lâu nay con bị con ma bỏn sẻn ám ảnh mất hết trí khôn. Nó không cho con chủ trương một việc gì có đạo nghĩa cả. Bao nhiêu

tiền kho nó cũng cấm con đem cung phụng mẹ già, cấp dưỡng con cái, dâu rể. May mắn thay! Ngày hôm nay, nhân dịp tiết hội, con đi chơi trong thành, gặp ông đạo sĩ cao tay ẩn đuổi con ma tham lam ấy ra khỏi mình con. Từ đây cả nhà chúng ta đều được hạnh phúc. Ông lại dặn thêm rằng: "Con ma bòn xén ấy giống con không sai chút nào. Nếu nó có đến, thì nội nhà ai ai cũng phải giúp con đánh đuổi nó ra khỏi cửa".

Dăn dò xong, ông vào kho tuôn tiền bạc ra cho người đi chợ thuê nhạc, mua pháo và sắm đủ món ngon, vật lạ làm tiệc linh đình, thiết đãi tất cả lục thân quyến thuộc, tôi trai tứ gái trong nhà và lối xóm láng giềng không sót một ai cả. Ông bảo đóng cửa rào lại không cho con ma bòn xén vào, để ông đem các đồ quý báu ra phân phát cho mọi người xong, rồi sau sẽ cho nó vô. Ông dâng cho mẹ quần áo quý giá, phát cho vợ, con, dâu, rể vàng ngọc bạc tiền. Tay phải ông dắt mẹ, tay trái ông dắt vợ đi viếng thăm kho tiền trong lúc tiếng hát hoà với giọng đàn, giữa mùi thuốc pháo pha lẫn hương trầm. Thật là cuộc vui hi hữu trong nhà ông trưởng giả lần thứ nhất vậy.

Lô Chí thiệt tỉnh rượu trở về nhà. Thấy thiên hạ rất đông đảo bao vây quanh nhà mình, trong nghe có tiếng đàn hát trống kèn inh ỏi, ông lấy làm ngạc nhiên và sợ hãi. Ông cố sức chen lấn người vào đến cửa rào kêu gào lạc giọng người nhà, nhưng không ai lên tiếng. Lô Chí giả biết Lô Chí thiệt đã về, dạy người ra mở cửa rào. Ông trưởng giả chạy thẳng vào nhà. Khi ấy mọi người đều la lên rằng:

"Ma bòn xén đến kia rồi! Hãy đề phòng sẵn sàng đánh đuổi nó".

Lô Chí trưởng giả thấy một người giống in mình ăn mặc sang trọng, có vẻ trang nghiêm, ngồi ăn uống với mẹ, vợ, con, gái, dâu, rể một cách tự nhiên. Ông lại gần hỏi: Người là ai? Sao được vào nhà ta hoành hành phung phí như thế?

Vua Trời tươi cười hỏi lại: Người là ai?

- Tôi là Lô Chí, chủ nhà này chớ ai. Bà này là mẹ tôi, cô kia là vợ tôi, đám nọ là con cái, dâu, rể tôi.

Tất cả người trong nhà đều phản đối. Bà mẹ nói "Con ma bòn xén, mà y giống con tao thiệt, nhưng tao nhìn nhận đứa con hiếu thảo, mà từ bỏ đứa con bội nghịch". Bà lại kêu nàng dâu nói: "Con ma bòn xén xưng là chồng



mây, sao không lại gần nó đi".

Nàng dâu đỏ mặt, nạt dội trưởng giả: "Đồ quý nói xàm! Hãy đi cho khỏi nhà này, thứ bôn xén ai mà có yêu".

Vua Trời nói: Các người đều công nhận tôi là Lô Chí, chủ nhà này thì sao còn để ma bôn xén ở đây làm gì? Tức thời kẻ thộp gậy, người quơ roi đuổi xua trưởng giả chạy dài một nước. Ra đường ông ta tay bức tóc, chân dậm đất, miệng kêu trời, khóc kể rồi rít như người mất trí. Một ông lão thấy vậy thương tình, cho mượn tiền sắm lễ vật đến vua cầu xin minh oan. Đến bệ rồng, trưởng giả Lô Chí vừa cúi đầu dâng hai tấm lụa lên bỗng bị Đế Thích dùng phép thần thông biến hai tấm lụa thành hai bó cỏ khô. Lô Chí chết điếng sợ tội khi vua, mặt mày tái mét, run rẩy lập cập nói ra không được lời nào.

Vua lấy thế làm thương, hỏi các người theo Lô Chí biết việc làm sao tâu giùm rành rẽ.

Bạn của Lô Chí tâu rằng "Muôn tâu bệ hạ, hôm qua ông Lô Chí vừa đi dự lễ trong thành, thì có một người giống hệt như ông, tự xưng là Lô Chí, đi ngay vào nhà ông, tự do hoành hành, tiêu xài hết của cải. Ông Lô Chí về, người nhà gọi rằng ma bôn xén không nhìn, đánh đuổi. Ông Lô Chí uất ức quá nên đến xin Thánh hoàng minh xét".

Vua nghe tâu rồi cho người bắt kẻ giống như Lô Chí đến hầu.

Lô Chí giả, chính là Đế Thích, đến trước bệ rồng. Vua xem tiên cáo, hai người in như khuôn đúc, không biết thế nào mà phân biệt giả thiệt. Vua suy nghĩ một chập rồi nói với bị cáo rằng: Lô Chí xưa nay vốn rít róng không dám xài tiền. Còn nhà người tâm tánh rộng rãi, biết thi ân bố đức cho mọi người. Trẫm xét tính tình khác nhau như thế thì đủ biết thật giả lắm rồi, nhà người cứ việc khai ngay.

Đế Thích đáp: "Bệ hạ phán lời ấy có lý, song gần đây tôi mới hấp thụ giáo pháp của Đức Phật Thích Ca, bỏ tà theo chánh, nên tôi phát tâm bố thí, dứt sạch thói bôn xén đê hèn ngày xưa".

Vua hỏi quần thần có ý kiến gì hay giúp ngài minh oan.

Ông Túc Cầu tâu "Xin bệ hạ hỏi các việc bí mật ở trong nhà và trong thân thể thì biết được sự chơn giả". Vua đưa cho hai người vào phòng riêng bắt



làm khai của cải và những việc cần mật. Thì hai tờ số khai trình sản nghiệp và sự bí mật đều giống nhau cả. Vua lấy làm lạ. Ngài hạ lệnh đòi mẹ Lô Chí vào hầu.

Vua hỏi: "Trong hai người này: ai là thiệt con bà?"

Đế Thích nói nhỏ trong tai bà ấy: "Xin mẹ chớ để con bị con ma bòn xén ám ảnh nữa".

Bà cụ chỉ Đế Thích: "Người này có lòng hiếu thảo với tôi. Còn người kia bạc bẽo lắm, quyết không phải là con tôi. Tôi căn cứ vào tánh nết tốt xấu mà thừa nhận, chứ hình vóc, tiếng tăm không phân biệt được.

Vua lại hỏi: Con bà có dấu vết gì? Ở trong chỗ ẩn mật hay không?"

Bà cụ tâu: Ở dưới nách bên tả con tôi có một nút ruồi đen bằng hột đậu nành.

Đế Thích nghe lập tức biến nốt ruồi ngay ở nách để đợi khám nghiệm.

Vua truyền hai người cởi áo, đưa tay trái lên coi, thì thấy người nào cũng có nốt ruồi đen như nhau. Vua và quần thần hết sức ngạc nhiên đồng cười rộ. Vua thú nhận rằng Ngài không phương giải quyết. Ngài nhất định thân hành đem nội vụ đến tịnh xá Kỳ Hoàn cầu Phật phân đoán.

Đến trước Phật đài, vua lễ Đức Như Lai và bạch rằng: "Lạy Đức Thế Tôn, chúng con đem hết tài năng suy cứu cũng không làm sao phân biệt được hai người này ai là Lô Chí thiệt ai là Lô Chí giả. Mong cần Đức Như Lai dùng Phật nhãn phân giải giùm kẻ tội nghiệp ông Lô Chí trưởng giả".

Bạch rồi, vua phán dẫn hai ông Lô Chí đến trước Phật đài. Đại chúng ngồi yên lặng đợi nghe Đức Thế Tôn minh đoán.

Bị cáo Lô Chí giả, thân thể khác thường mặt mày vui vẻ, ngồi yên lặng chỉnh tề. Tiên cáo, Lô Chí thiệt thân hình tiều tụy, quần áo rách rưới, bẩn thỉu, mặt mày lem luốc, ra dáng đau khổ. Ông khóc mướt, bạch rằng: Lạy Đức Thế Tôn, xin đừng cha lành làm cho con khỏi sự oan ức.

Bị cáo, ông Đế Thích thấy Lô Chí khổ não quá thì mỉm cười.

Đức Như Lai cất cánh tay vàng thần quang rực rỡ chói lòa, phá tan mọi vật mờ ám tối tăm, không còn vật nào ẩn hình vào đâu được nữa. Đức Phật hỏi Đế Thích rằng "Người làm gì thế?".

Lô Chí giả lập tức biến mất, hiện nguyên hình là Đế Thích, khắp mình hào

quang chói rạng, tướng mạo trang nghiêm, chấp tay hướng trước Phật đài  
đọc bài kệ rằng:

Cái người bôn sên ngu si  
Không hay bố thí giúp gì cho ai,  
Năm đồng bánh rượu một chai  
Đem ra nơi vắng ngồi nhai một mình  
Say rồi múa hát linh đình  
Lớn lời tự thị dám khinh cả trời  
Muốn cho tánh nó đổi đời  
Quyền phi phương tiện nên tôi trá hình.

Phật bảo Đế Thích: "Tất cả chúng sanh đều có tội, nên hoan hỷ cho nó".

Trưởng giả Lô Chí than với Đế Thích rằng: "Tôi chịu khổ sở nhiều năm  
mới trích trữ được tiền của cho đầy kho. Nay bị Ngài huy hoặc phá tan hết  
trơn, tội nghiệp tôi quá!".

Đế Thích đáp rằng: "Ta không hề tiêu phá của người đồng nào".

Trưởng giả Lô Chí còn hoài nghi.

Phật dạy rằng: Người hãy an lòng tin chắc, cứ về kiểm điểm lại đi, không  
mất một tí gì đâu cả. Lô Chí tin lời Đức Phật, bao nhiêu phiền não đều tiêu  
tan. Ông kính cẩn lễ Phật rồi vội vã trở về nhà.

Hết

**nhieu tác giả**

Truyện Cổ Phật Giáo

Trích báo: Viên Âm

## **TIẾNG ĐÀN HAY LÒNG THƯƠNG**

Tiếng Đàn Ai Oán Hay là

Lòng Thương Của Một Vị Hoàng Tử

Hoàng đế La Xà có hai Hoàng tử, Hoàng tử Thiện Hữu, thật là bạn hiền của mọi người, Hoàng tử Ác Hữu trái lại, độc ác để khiêu khích anh.

Hoàng tử khi đến cái tuổi biết nhìn cuộc đời trắng trợn bày trước mắt chàng: đây người sập chim, bẫy cá, kia người làm thịt chộc huyết, chim sáo mổ bọ ngựa, bọ ngựa bắt chuồn chuồn.

Sự sống không loài nào không tự bảo trọng cả. Nhưng cả đây cũng như ở nơi kia, ở đâu sự sống cũng xây trên sự sống. Thấy vậy Hoàng tử Thiện Hữu xin vua cho tất cả kho tàng để giúp dân chúng. Kho tàng hết, chàng mạo hiểm vào bể tìm ngọc giữa sự lo sợ của cha mẹ. Nghe anh đi tìm ngọc, Hoàng tử Ác Hữu nghĩ:

- Không ác việc không thành được.

Rồi xin theo Thiện Hữu, nhưng Thiện Hữu ngăn lại:

- Thân là trọng, em không nên mạo hiểm theo anh.

Ác Hữu quyết đi theo:

- Sống không thỏa nguyện thì vô ích.

Thế là anh em theo nhau, và nhờ chí nguyện vĩ đại, tấm lòng thương người, Hoàng tử Thiện Hữu vượt bao nhiêu gian lao nguy hiểm, tìm được ngọc Như ý. Khi về đến bờ bể, Hoàng tử bảo em:

- Giờ trên đường về, anh giữ thì em giữ, em giữ thì anh giữ. Đời sống no đủ của muôn dân ở nơi viên ngọc này. Em nhớ nhé.

Nhưng một hôm anh em ngủ trên một quãng đường hiểm. Ác Hữu bèn tìm hai cây nhọn đâm thủng mắt anh. Đau quá, Thiện Hữu vùng dậy la rên gọi em.

Nhưng Ác Hữu điềm nhiên mang ngọc đi thẳng. Vừa rên, Thiện Hữu vừa đưa tay quờ quạng tìm em. Chàng cứ nghĩ rằng chàng bị đâm mắt chứ Á

Hữu mang ngọc thì chắc bị kẻ cướp giết rồi. Nhưng quờ quạng một lát, chàng nghĩ ra: em ta hại ta chứ không ai đâu khác. Chàng đau đớn thở dài:

- Người tánh tình vẫn vậy...

Thiện Hữu đau lắm không thể nhổ hai cây nhọn ra được. Bỗng một đàn trâu rầm rộ đi qua. Thiện Hữu biết nhưng đành ngồi, không thấy gì mà tránh nữa. Nhưng lạ lùng thay, chàng biết mình đang ngồi dưới bụng một con trâu. Con trâu ấy che chở và thân mến liếm mắt chàng, trong khi đàn trâu rầm rộ đi qua. Tiếng chân đàn trâu vừa hết thì tiếng nói một người vừa đến:

- Ai đây? Sao mắt bị đâm vậy?

Con trâu bây giờ đáng dang ra và nhìn chủ nó như cầu khẩn. Còn Hoàng tử Thiện Hữu nghe lời hỏi thì mừng gặp được người, nhưng lòng càng đau đớn. Chàng nghĩ thôi đành nói dối vậy.

- Tôi là kẻ ăn mày. Tôi đang ngủ, không biết ai nó hại tôi thế này.

Giọng Thiện Hữu làm cho người ấy không nữa hỏi lại, nhưng thấy kính mến dị thường. Người ấy bèn nhổ cây đặt thuốc - ông ta là người rành việc này - và đưa về nhà cung phụng nuôi dưỡng một cách không suy nghĩ. Càng lâu người chủ càng kính mến, nhưng Hoàng tử Thiện Hữu không yên tâm. Chàng bèn xin người chủ cho chàng tự tìm cách nuôi sống. Người chủ nói trong bụng câu đã tự nói với mình mấy lần:

- Thật là người hiền.

Và trả lời:

- Không! Người cứ ở đây với gia đình tôi. Đói no với nhau. Tôi không nỡ xa người.

- Xin ông thương tôi. Tôi không dám làm phiền nhiều.

Nói mấy cũng không được, người chủ hỏi:

- Thế giờ người định nuôi sống bằng gì?

- Ông cho tôi xin một cây đàn hay.

- Được! Nhưng xin người phải để tôi được làm cái việc ngày ngày đưa người ra chỗ đông, rồi tối đưa về nhà tôi ngủ.

Thiện Hữu lắc đầu:

- Thế lại phiền ông lắm! Cho tôi ngủ ở chợ hay dưới gốc cây.

Người chủ năn nỉ:

- Người có bằng lòng như thế, tôi mới để người đi kiếm ăn.

Thiện Hữu thở dài:

- Cũng được.

- Nhưng biết đàn à?

- Sơ sài vậy thôi! Người chủ ngạc nhiên. Và hôm sau đầu chợ, Thiện Hữu đã ngồi đấy, lên những tiếng đàn thanh toát ra những khúc nhạc lòng. Chàng đàn lên những tấm lòng của chàng, những chí nguyện của chàng. Chàng say mê quên cả mục đích kiếm ăn của mình, nhưng quần chúng cảm mến chàng. Chàng nuôi sống được cả nhà chủ chăn trâu.

Một hôm, tiếng đàn của Thiện Hữu làm chấn động lòng một người đẹp.

Người ấy khi tiếng lòng của mình do ai gây lên đã im rồi, mới tỉnh hỏi:

- Ông là ai?

- Người là ai?

- Tôi sẽ nói. Nhưng ông là ai xin cho biết đã?

- Người tự trả lời cho mình cũng đủ: tôi một kẻ ăn mày đang xin thiên hạ bố thí bằng tiếng đàn, người không thấy sao!

Và Thiện Hữu thở dài:

- Kể ra tôi cũng quá đáng đối với cây đàn đây! Nhưng ngoài việc kiếm ăn, nhờ nó, tôi đã thở ra được những gì của lòng tôi!

- Người là ai vậy?

- Tôi là một công chúa.

Người đẹp nói nhanh và dò xét thần sắc của Thiện Hữu.

Nhưng chàng vẫn bình thản:

- Của?

- Của vua Sư Bạc.

Thiện Hữu bất ngờ mới biết mình lâu nay sống trên đất của một chư hầu, và đang ngồi trước vị hôn thê chưa thấy mặt của mình. Nhưng chàng chỉ lặng thinh. Người đẹp đưa cho chàng một lượng vàng rồi từ biệt.

- Mai em sẽ đến mãi với ông.

Thiện Hữu không để ý câu nói ấy.

Chàng bình thản về nhà ngụ.

Công chúa vua Sư Bạc thì lòng đã nhất định nàng không thể xa tiếng đàn

ấy. Nàng tính rụt rè, nhưng hôm nay nàng mạnh dạn. Sau bữa cơm tối, nàng trình thưa với phụ vương và mẫu hậu rõ ý định của mình. Nghe xong, Hoàng đế Sư Bạc giận lắm:

- Mà yên đấy à? Mà quên mà là vị hôn thê của Thái tử Thiện Hữu?
- Con xin cha mẹ thương con.

Hoàng đế Sư Bạc không thèm nghe nữa.

Nhưng sáng hôm sau, nàng thu xếp đồ dùng của mình và ra đi. Nàng đến vào lúc tiếng đàn lòng nàng đang lên với ánh sáng thanh bình của vũ trụ. Nàng say sưa nghe, thu hút vào lòng tất cả âm ba tiếng đàn đã tỏa ra không gian. Bản đàn dừng, nàng bảo chàng:

- Anh cho em nói chuyện đã.
- Ai đấy?
- Em đây, Công chúa vua Sư Bạc đây.
- Công chúa muốn nói gì?

Nàng chân thành và tha thiết quên hết cả dè dặt. Nàng bất chấp người chung quanh:

- Em nguyện theo anh.
- Công chúa theo tôi? Theo thế nào được! Và, Công chúa theo chi một người ăn mà?
- Em quyết định rồi, vua cha em không cấm em được nữa là!

Đồng thời hai người nói chuyện thì trong kia hoàng cung, Hoàng đế Sư Bạc tức giận lắm. Ông muốn hạ lệnh bắt chém ngay người ăn mà có tiếng đàn cảm động lòng con ông. Nhưng ông nghĩ:

- Ta vi hành xem nó thế nào mà con ta cảm được. Làm to chuyện chỉ bấy tiếng.

Lẩn lộn vào đám người nghe đàn, ông nhìn rõ, bỗng giật mình:

- Sao giống Hoàng tử Thiện Hữu?

Quái lạ! Không lẽ. Nhưng khuôn mặt kia?...

Ông nghĩ ngay một kế. Về gọi một vị sứ giả trung thành ông bảo:

- Nhà ngươi vì ta qua vấn an Hoàng đế La Xà, và hỏi thăm Hoàng tử Thiện Hữu.

Ngay ngày hôm ấy, sứ giả lên đường. Sư Bạc nằm chờ.

Trời đã về chiều, Hoàng hậu bảo:

- Hoàng đế cho người ra bắt con về chứ sao để vậy?

- Bắt về làm gì? Xem như nó không còn nữa!

- Nhưng tai tiếng?

- Thì làm sao được? Bắt nó về thì hết tai tiếng à?

Vợ chồng Hoàng đế Sư Bạc cho rằng đó là việc xấu. Phong tục và quần chúng bảo đó là tiếng xấu, nhưng một điều lạ là những người nào nghe được tiếng đàn và thấy được hình dung Thiện Hữu - họ chỉ biết cái thật ấy, họ làm gì biết cái danh Hoàng tử của chàng - họ đều cảm mến đức hiền của chàng. Ở chàng đã tỏa ra một cái gì bao bọc mọi người. Họ biết và có kẻ hôm nay thấy tận mắt Công chúa vua họ theo Thiện Hữu.

Nhưng họ cho là chuyện phúc. Họ trái tất cả tập quán và không suy nghĩ, không phân tích, không lý do. Thì ra đức hiền của người có khi đảo lộn cả tập tục, đúng hơn cả một quan niệm xã hội.

Chính họ khuyên Thái tử, khi chàng từ chối Công chúa.

- Người bằng lòng đi. Người đỡ lận đận cho chúng tôi mừng. Cho tiếng đàn người còn mãi mãi với chúng tôi.

- Nhưng phiền cho Công chúa và cho tôi lắm. Tôi biết... Uy quyền của một ông vua, khi ông bất bình. Tôi, kẻ ăn mày thì sợ gì ai, nhưng thân công chúa! Nói gì công chúa cũng không nghe. Nàng về với chàng trong sự hoan hỷ của những người mục kích đang thân mến nhìn theo.

Thiện Hữu tuy được vợ hiền, nhưng chàng không thay đổi. Tiếng đàn chàng đêm khuya vẫn trỗi dậy. Tiếng đàn bi thảm biểu diễn nỗi khổ vô biên của kiếp người, tiếng đàn cao hùng bộc lộ chí cao, cái hạnh cả muốn giúp người, cứu khổ cho người, tiếng đàn dũng mãnh toát hết cái chí hiên ngang của đấng đại trượng phu. Có khi tiếng đàn như tung không gian mà lên, có lúc như dẫn mình xuống lao khổ... Có đêm điệu đàn bỗng lạc điệu: một điệu buồn thảm của kẻ nhớ cha, nhớ mẹ. Điệu đàn nghe chết cả lòng.

Công chúa sống cạnh chàng, lòng lên xuống đúng tiếng đàn của chàng. Nàng lấy làm lạ: Người ấy, tiếng đàn ấy, Công chúa nghĩ:

- Khả nghi lắm!

Nàng khóc:

- Anh giấu em!
- Quái lạ, anh giấu gì?
- Anh không phải là kẻ ăn mày!
- Thế là gì đây?
- Em khổ lắm! Anh giấu tông tích của anh! Anh, Anh nói rõ cho em. Tiếng lòng ta không đứt sao ta giấu nhau?
- Em nghĩ rằng một kẻ ăn mày, không thể đàn những tiếng đàn tuyệt đích?
- Nhưng em nghe ra: Tiếng đàn anh, lòng anh, nhất định không như tông tích anh nói! Anh nói cho em rõ đi.

Thiện Hữu buồn rầu:

- Anh giấu em làm gì? Nhưng nói em cũng chẳng tin được! Đời tin người mù mắt là kẻ ăn mày là dễ, Chứ tin thế nào được người mù là hoàng tử con vua!
- Thế anh là một Hoàng tử?
- Em không tin? Phải. Nhưng nói thật em biết anh, Hoàng tử Thiện Hữu đây!

Công chúa giật mình:

- Anh không biết em là vị hôn thê của Hoàng tử Thiện Hữu đấy chứ?
- Anh không muốn em tin rằng anh là một Hoàng tử, chứ đừng nói là Hoàng tử Thiện Hữu anh không phủ nhận, nhưng chí anh không phải là một ông Hoàng, hay một Hoàng đế.
- Em cũng muốn như vậy. Em muốn rằng anh là một người nào như tiếng đàn cao vút của anh kia!
- Nhưng anh nhớ phụ hoàng và mẫu hậu lắm. Lòng anh thương người đến lắm lúc anh nghĩ sống làm chi khi mọi người đau khổ, nữa là với cha mẹ!
- Thế anh quả là Hoàng tử Thiện Hữu?
- Nếu anh không dối, thì nguyện bảy hôm nữa anh được tin cha mẹ anh... Hoàng tử Ác Hữu khi đâm mắt anh xong, chàng về ra mắt cha mẹ, đưa viên ngọc Như Ý ra:

- Tâu phụ hoàng và mẫu hậu! Anh con mất rồi!...

Vợ chồng Hoàng đế La Xà chỉ nghe có thể đã ngất đi. Hai vợ chồng khóc mù mắt rồi, ánh sáng không còn nữa, mà tin con ngày càng im bật.



Hoàng đế La Xà không dám tin rằng con chết, nên càng buồn, càng khóc. Con nọ của Hoàng tử Thiện Hữu nuôi, con nọ khôn ngoan mà hai vợ chồng Hoàng đế buộc tin và cho nó đi kiếm Hoàng tử, cũng bay đi đâu biên biệt.

Vợ chồng Hoàng đế La Xà sống trong sầu khổ cho tới hôm nay, có tin sứ giả Sư Bạc đến...

- Công chúa hạ thần kính dâng lên đại Hoàng đế lời vấn an cầu chúc.

- Có thể thôi?

- Và vấn an Hoàng tử Thiện Hữu.

Hoàng đế La Xà lại ngắt đi. Sứ giả biết có điều lạ. Tìm dịp kín đáo, sứ giả gặp La Xà hỏi rõ những điều Sư Bạc dặn. Ông kết luận thầm kín:

- Nếu vậy thì chắc chắn người ấy là Hoàng tử Thiện Hữu rồi. Và có thể Ác Hữu đã hại anh mà lấy ngọc đem về.

- Ta cũng nghi như vậy?

Và La Xà hạ ngục ngay Hoàng tử Ác Hữu và cất kỹ viên ngọc Như Ý. Hôm sau cho người hoàng gia lên đường với sứ giả Sư Bạc.

Hoàng tử Ác Hữu khi bị bắt hạ ngục, chàng chỉ cười thầm:

- Việc thành rồi vậy!

Và mấy hôm nữa, dân chúng hoan hỷ từng bừng đón rước Thiện Hữu như đón rước một ân nhân, hơn nữa, một người bạn.

Hoàng tử Thiện Hữu về với vợ giữa sự hoan lạc của dân chúng, sau ngày được tin cha mẹ, đúng vào ngày thứ bảy chàng nguyện với vợ. Dân chúng cảm động ứa nước mắt, thấy Hoàng tử đui mù vì mình. Thương tâm hơn nữa, khi họ thấy Hoàng tử vịn vai vợ đến ôm lấy cha mẹ, ba người mù khóc với nhau trong một lòng thương.

Và quay lại dân chúng theo vợ chỉ dẫn, chàng cầm nước mắt nói:

- Tôi không ngờ gặp lại được cha mẹ và bà con. Chí nguyện tôi đã đạt. Bà con sẽ no đủ. Chỉ tiếc rằng tôi không được cùng bà con sống trong ánh sáng. Nhưng tôi hoan hỷ. Lòng thương không cần ánh sáng mới gặp nhau. Bà con tạm về. Trong đời sống an lạc ngày mai, mong bà con gắng thương nhau và làm điều thiện.

Lời nói Hoàng tử, đúng hơn là lòng thương của Hoàng tử, lúc ấy đối với

dân chúng, quả là đã cho họ mỗi người một viên ngọc Như Ý vậy.

Đức Thế Tôn tự kể tiền thân của mình rồi bảo đại chúng:

- Các con! Ác Hữu là ai các con có biết không? Là Đề Bà Đạt Đa vậy. Nhưng các con đừng tưởng Đề Bà Đạt Đa là người ác. Đời đời kiếp kiếp, ta nhờ thiện tri thức Đề Bà, mà ngày nay thành Phật Đà. Đề Bà dùng nhiều phương tiện vi diệu, khiêu khích và tác thành cho ta phát bồ đề tâm, tu bồ tát hạnh và thành vô thượng giác. Này A Nan! Con hãy thay ta xuống địa ngục thăm Đề Bà.

A Nan Tôn giả vâng lời, khi gặp ngài Đề Bà, Tôn giả cung kính thưa:

- Đức Thế Tôn kính lời thăm Ngài.

- Đức Thế Tôn giáo hóa có dễ dàng không? Chúng sanh giác ngộ có nhiều không?

- Nhiều và rất dễ dàng.

- Thế là ta mãn nguyện.

- Ngài ở địa ngục có khổ lắm không?

- Người nhập Tam thiên có vui không?

- Vui nhất thế gian, một thứ vui thanh tịnh từ trong đến ngoài.

- Ta ở địa ngục như ở Tam thiên.

Phật dạy:

- Bồ tát đại sĩ dẫn tiến chúng sanh bằng đại phương tiện chịu đủ khổ sở lớn mà không thấy gì là khổ vui.

Và kết luận:

- Các con! Nhờ Thiện tri thức mà ta biết ân báo ân cha mẹ và chúng sanh, nhờ thiện tri thức mà ta độ chúng sanh thành Phật Đà. Vậy các con phải biết ân báo ân của các vị thiện tri thức.

Chỉ có lòng thương chân chính.

Và rộng rãi mới cảm hóa được quần chúng.

Hết

**nhều tác giả**  
Truyện Cổ Phật Giáo  
**XÂU NGỌC NƯỚC**  
Thuật giả: Trí Hiền

Bên trời sương mù đã tan hẳn.

Vầng thái dương ẩn hiện sau áng mây thua, chiếu ánh sáng huy hoàng trong khoảng không gian trong trạch.

Từng cơn gió mát lạnh từ phương nam thổi về làm rơi những hạt nước trong suốt như pha lê còn đọng ở đầu cỏ lá cây.

Cảnh vật nơi vườn Ngự sau một trận mưa mai vừa tàn, càng đượm vẻ thanh tân tươi thắm.

Nơi thềm cao của một ngôi đền vàng, một nàng công chúa tuổi còn thơ bé, ngồi trên chiếc cấm đôn, đưa mắt thần thờ nhìn ngắm cỏ hoa trong thượng uyển.

Bên này nơi hồ bán nguyệt những đóa hoa sen trắng, đỏ, tươi, đẹp mịn màng xen lẫn thấp cao trên mặt nước.

Đàng kia, chung quanh hòn giả sơn, những thứ hoa quý lạ từ bốn phương gửi về, hương sắc thanh kỳ, phô vẻ nghìn hồng muôn tía, như mỉm cười duyên dáng trước ngọn gió mai.

Xa xa, mấy gốc thụ dương dịu dàng nghiêng mình soi bóng bên dòng suối nhỏ.

Khung cảnh tuy đẹp nhưng không gọi được niềm vui cho Công chúa, vì nó đã thường với mắt nàng lắm, rồi nàng mơ mộng vợ vãn và ước mong một cái gì khác lạ hơn nữa...

Nắng vàng nhẹ phủ lên hoàng cung.

Cảnh vật nơi vườn ngự tắm nắng triều dương, rung động chập chờn trong làn gió sớm.

Công chúa đang thơ thần ngồi trông xa gần, bỗng đôi mắt nàng chăm chú vào một cảnh tượng. Từ trên mái ngói tráng men xanh, nước mưa còn đọng lại rơi xuống từng giọt đều đều, nổi thành những bóng nước tròn, trôi lăn theo rãnh đá hoa trắng.

Dưới ánh chiếu dương, những bóng nước ấy lấp lánh, nổi nhiều màu sắc kỳ ảo, xinh đẹp lạ thường như những hạt ngọc tuyệt trần vô giá! Nét mặt công chúa sáng lên, nàng mỉm cười và thầm nghĩ: "Chà! những hạt ngọc kia sao mà đẹp thế! Ta đã có nhiều châu báu, nhưng chưa thấy thứ ngọc nào quý lạ bằng loại này.

Giá ta có một tràng chuỗi ngọc như thế để quàng nơi cổ thì thích biết bao!". Nghĩ xong, như mê mẩn, công chúa lại thử người ra nhìn ngắm say sưa quên hẳn bao nhiêu vẻ tươi thắm quanh mình, mặc cho ngọn gió nam cợt đùa cùng cảnh vật.

Giọt mưa đá dứt từ trên mái ngói.

Nơi lòng rãnh đá hoa, hình dáng những viên ngọc vô giá không còn nữa.

Đâu đây, vài tiếng chim ríu rít điểm thưa thớt, đứt quãng trong mấy tàn cây rậm.

Vầng thái dương lên đã hơi cao, ánh vàn xiên xiên rọi nữa thêm vàng, mà công chúa vẫn còn ngồi ngơ ngẩn, tâm hồn như phiêu dạt tận nơi nào! Một tên cung nữ từ phía trong đi ra, se sẽ đến gần, cung kính thưa: có lệnh mẫu hoàng gọi.

Như chợt bình tĩnh, công chúa không đáp, nặng nề bước thẳng vào phòng rồi lên giường nằm.

Cung nữ ngạc nhiên chạy vào phía trong.

Một lát, Hoàng hậu đến phòng con, thấy trên mặt ngây thơ có vẻ bơ phờ ủ dột, tưởng rằng đứa con yêu cảm nhiễm phong hàn, nên dịu dàng han hỏi.

Vốn là con một, hằng được nuông chiều, công chúa như có dịp để nhõng nhẽo cùng mẹ.

Vì vậy tuy biết hoàng hậu đến thăm, nhưng nàng vẫn nằm xây mặt vào trong im lặng.

Hoàng hậu lại càng hết hoảng kịp báo tin cho đức vua. Nghe tin con bất thường, đức vua vội vàng đến thăm hỏi, công chúa cũng vẫn im lặng không đáp. Sau khi vua và hoàng hậu dỗ dành, khuyên lơn mãi, nàng công chúa thơ ngây ấy mới thuật chuyện những viên ngọc quý và nói chỗ ước vọng của mình. Nghe xong, đứa vua cười vui vẻ và bảo:Ồ! Con ta khéo vớ vẫn thì thôi! Những hạt ngọc mà con nói đó, chỉ là những bóng nước, làm sao

kết được tràng chuỗi? Nhưng thôi, con hãy yên lòng, các thứ ngọc quý giá ấy ở trong kho tàng không thiếu gì, cha sẽ cho con tùy ý lựa chọn. Nói đoạn, Vua sai quan giữ kho lựa những thứ ngọc thật đẹp đem đến cho công chúa. Nhưng sau khi xem xong từ thứ ngọc này đến thứ ngọc khác, công chúa vẫn không vừa ý, nhất định đòi cho được thứ hạt ngọc mà mình đã trông thấy.

Ước vọng không thành, lòng mơ tưởng những viên ngọc tuyệt đẹp làm cho công chúa âu sầu rã rượi, không còn biết đến bao nhiêu thức ngon, vật lạ.

Bệnh của công chúa mỗi ngày mỗi nặng. Đức Vua và Hoàng hậu vô cùng lo lắng, vì vậy thấy sự tưởng nhớ có thể làm gầy mòn và cướp mất đứa con yêu của mình.

Một buổi chiều đức vua phán hỏi các quan làm thế nào cho công chúa hết bệnh? Tất cả triều thần đều nhìn nhau lạng thình. Ngài lại hạ chiếu cho đòi những người thợ chuỗi ngọc tài giỏi vào triều và hỏi có thứ ngọc nào như những bóng nước lấp lánh ngũ sắc để làm tràng chuỗi cho công chúa?

Tất cả thợ ngọc đều tâu không thể nào tìm được thứ ngọc như thế. Sau cùng, đức vua cho truyền rao khắp trong nước: Nếu người nào làm cho công chúa hết bệnh, sẽ được thưởng nghìn vàng.

Trong khi giờ khắc lặng lẽ trôi qua mà cứu tinh vẫn vắng bóng, vì lòng thương con, người cha hiền ngài đứng không yên, muôn phần áo nã.

Một buổi sáng tinh sương, có người thợ chuỗi ngọc tuổi già, râu tóc bạc phơ; xin vào ra mắt, sau khi bái yết xong người thợ già quỳ xuống tâu: "Muôn tâu Hoàng thượng! Bệnh của công chúa là một tâm bệnh, không thể dùng thuốc thang điều trị.

Muốn cho hết bệnh lành, tất phải làm thỏa nguyện vọng của người ốm. Nhưng có điều khó: bóng nước không thể kết làm tràng chuỗi được.

Tuy nhiên, thần đã có phương chước làm cho công chúa hết bệnh. Như trút được gánh nặng, đức vua vô cùng mừng rỡ, liền đến phòng con âu yếm bảo: "Hôm nay có người thợ già hứa sẽ xỏ được chuỗi ngọc ấy cho con. Thôi, con đừng buồn rầu nữa". Lời nói ấy quả có một hiệu lực phi thường: trên gương mặt xanh xao tiêu tụy của người bệnh nở nụ cười và cơn trầm kha bỗng dừng như tiêu tan đi đâu mất.

Một dịp may, sáng hôm sau, trời vẫn vũ đổ mưa xuống. Khi trận mưa vừa tạnh, những bóng nước cũng trôi nơi lòng rãnh đá hoa như hôm nào.

Người thợ già tâu vua xin mời công chúa ra trước thềm điếu vàng và thưa: "Tôi tuổi già, đôi mắt đã mờ, không phân biệt được vẻ tốt xấu.

Xin công chúa tùy ý lựa hạt ngọc nào đẹp nhất, tôi sẽ xỏ cho". Nhưng bóng nước vẫn là chất mong manh, vừa chạm đến liền tan ngay, công chúa hết vớ bóng này đến bóng khác, kết cuộc đã mệt nhọc mà chẳng được chi cả.

Người thợ già hỏi: "Thế nào? Những hạt ngọc ấy ở đâu?". Công chúa ngẩng lên nhìn người thợ, rồi quay lại nhìn vua cha, đáp: "Xin phụ vương ban cho con tràng chuỗi bằng tử kim, vì thứ ấy rất chắc rơi xuống gạch đá không vỡ.

Còn những thứ này chỉ có dáng bên ngoài, nhưng lại giả dối mong manh, con không thể lấy được và không còn thấy ưa thích nữa".

Đức vua dụ dàng bảo: Thì nó chỉ là những bóng nước thôi con ạ". Như tình ngộ ra, công chúa lộ vẻ e thẹn cúi đầu giữa nụ cười kín đáo của đoàn cung nữ...

Đức Phật bảo A Nan và đại chúng:

"Tất cả pháp hữu vi đều vô thường, không thật như bóng nước chóng tan, như ánh nắng chập chờn giữa trời mưa mà loài nai khao khát lầm tưởng là nước cứ đuổi theo mãi. Sắc thân ngũ ấm cũng như thế chính tự thân còn không giữ được, huống là cảnh vật bên ngoài. Phạm phu trong lúc vì tự thân đi tìm hạnh phúc, chỉ đuổi theo bóng hình giả dối, mong manh, sống mãi trong vòng ước vọng, kết cuộc không được sự vui chơn thật, lại phải chịu bao nhiêu điều thống khổ, không khác chi trường hợp của nàng công chúa. Nếu chúng sanh nào xét biết ấm thân vô thường, dứt trừ phiền não huyền tưởng, tất sẽ chứng được tánh thể vắng lặng, yên vui, không còn xoay lăn trong vòng sinh tử nữa!". Đoạn đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

*Nên quán tưởng bóng nước,*

*Và ánh nắng chập chờn*

*Như thế quán tưởng thân,*

*Sẽ thoát vòng sanh tử.*

Hết

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Sưu tầm : Khánh Quỳnh

Nguồn: Vnthuquan

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 24 tháng 11 năm 2005